

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

ĐỊA-VỊ NGƯỜI ĐÀN-BÀ TRONG XÃ-HỘI NƯỚC TA⁽¹⁾

Bà-m lớn,

Hội Khai-Tri bữa nay mở cuộc diễn-thuyết, cử tôi nói về một vấn-đề nữ-giới, tôi có chọn đầu bài : « Địa-vị người đàn-bà trong xã-hội nước ta ». Đầu bài to-tát thay, mà cũng quan-trọng thay, tôi không dám chắc diễn được hoàn-toàn. Nhưng được cái hân-hạnh Bà-lớn có bụng yêu chủ-tọa cho cuộc diễn-thuyết này, tôi cũng vui-vẻ trong lòng mà gia-công phần-phát, họa may khỏi phụ lòng các thính-giả.

Trong nữ-giới nước ta, Bà-lớn là đứng vào địa-vị cao nhất, không những vì chức trọng ngôi sang mà thôi, lại vì bụng nhân-từ bác-ái, vì tính nhã-nhạ ôn-hòa, sinh-trưởng nơi phú-quí mà không có cách kiêu-căng, lại yên-nhiên có cái thái-độ rất ân-cần, rất giản-dị, tiếp người như quên mình là bậc cao-sang, thật ít kẻ cao-sang được như thế.

Đó không phải là lời tán-tụng, thật là lòng thành-thực kính mến vậy.

Cho nên cuộc diễn-thuyết này được Bà-lớn chủ-tọa, thật không ai xứng-dáng bằng.

Thưa các ngài, các quý-phu-nhân và quý-nương,

Tôi thường đọc những bài diễn-thuyết của các bậc danh-sĩ ở các Hội lớn bên Pháp, thấy bài nào bắt đầu cũng có câu : « Thưa các ông, các bà, các cô », nhiều khi « Các bà và các cô » lại xưng trước « Các ông », — vì cách lịch-sự của quý-quốc hay tôn-trọng bên nữ-giới hơn nam-giới, — tôi vẫn từng ước-ao trong bụng rằng bao giờ nước ta có được cuộc diễn-thuyết đề các bậc nữ-lưu đến nghe, thì quý-hóa biết dường nào !

Sự ước-ao ấy, nay đã thành vậy. Cuộc diễn-thuyết này không những được các quý-phu-nhân và quý-bương chiếu-cổ đến nghe đông, mà lại được một bậc danh-giá nhất trong nữ-lưu ta là Bà-lớn Thiếu Hoàng làm chủ cuộc, thật là vẻ-vang cho Hội Khai-Tri, và cũng vẻ-vang cho diễn-giả đây.

Vấn-đề tôi định bàn với các ngài bữa nay là : *Địa-vị người đàn-bà trong xã-hội nước ta.*

Địa-vị ấy ngày xưa thế nào, hiện nay thế nào, và sau này thế nào ? Sự giáo-dục đàn-bà con gái nên thế nào cho xứng-dáng với địa-vị trong xã-

(1) Diễn-thuyết ở Hội Khai-Tri ngày chủ-nhật mồng 4 tháng 5 năm 1924. Cuộc diễn-thuyết có Bà Thái-tử Thiếu-bảo Hà-đông Tổng-đốc Hoàng Phu-nhân làm chủ-tọa.

hội? Người đàn-bà có thể giúp cho sự tiến-hóa của quốc-dân không? Giúp ra thế nào?

Bấy nhiêu điều muốn giảng cho kỹ, phải đến mấy buổi diễn-thuyết mới xong. Nay gọi là bàn qua, cốt để mời các ngài lưu-tâm nghĩ đến những vấn-đề quan-trọng đó.

Năm xưa, tôi đã làm một bài luận về « Sự Giáo-dục đàn-bà con gái »(1), có dự-bàn một điều, hồi bấy giờ cho là sự mộng-tưởng, nay có lẽ sắp có thể thực-hành được chăng? Điều đó tôi sẽ nói sau này.

Bài luận ấy, có một đoạn mở đầu bàn rộng về địa-vị người đàn-bà, tôi xin phép đọc ra đây để làm khai-mào cho bài diễn-thuyết này :

« Ông Quách Phác ở nước Tàu ngày xưa có bài ca bốn câu, tả người đàn bà :

Chàng như mây mùa thu,
Thiếp như khói trong lò.
Cao thấp lẽ có khác,
Một thả cùng tuyết với!

« Ý-vị thay, lời thơ cổ! Đàn-ông với đàn-bà, thực là mây với khói, địa-vị có khác nhau, mà thiên-bẩm thực là một. Tạo-vật cùng cho cái sức bay-bồng như nhau.

« Đã có sức bay-bồng như nhau, sao nữ đề kể mau người chậm?

« Bởi đó mới sinh ra vấn-đề phụ-nữ, làm một vấn-đề quan-trọng đời nay.

« Có sao từ xưa đến nay, dù nước nào cũng vậy, đàn-ông vẫn được trọng mà đàn-bà vẫn phải khinh?

« Chẳng qua là bởi lẽ yếu mạnh tự-nhiên, lẽ ấy bắt đầu tự khi xã-hội mới thành-lập mà nhân-tuần mãi đến những thời-đại đã văn-minh. Đàn-bà bẩm-thụ kém đàn-ông về lực-lực, nên từ nguyên-thủy vẫn phải mang phần mỏng-hèn. Rồi sau, các xã-hội đặt pháp-luật, dựng luân-lý, cứ chuẩn-

y cái địa-vị lúc ban đầu mà nhận thành một công-lệ thiên-nhiên. Từ đấy nhân-loại tiết-nhiên chia làm hai phần: đàn-ông là bậc chủ-nhân, đàn-bà là hàng nô-lệ! Xét lịch-sử các dân các nước đời xưa đời nay về khoản thân-phận người đàn-bà trong xã-hội, thật là lăm đoạn thâm-thê thê-thảm, biểu-dương mà lưu-truyền đến thiên-vạn-cổ cái ô-danh ô-hạnh của giống rêu mây ta!

« Mãi đến cận-đại, các nước văn-minh Âu-châu mới xướng lên cái thuyết đàn-ông đàn-bà bình-đẳng, thực là mở-mang ra một thế-giới mới. Người đàn-bà như cây hoa mọc trong buồng tối, nay đem ra nơi sáng-sủa mát-mẻ, hô-hấp cái không-khí tự-do của trời đất, được thoả sức mà nở-nang, thơm-tho mà tô-điểm cho cuộc đời trên cõi đất.

« Từ xưa thế-giới là của riêng của đàn-ông, từ nay thế-giới là của chung cả đàn-bà. Đàn-bà tuy không làm những sự-nghiệp lớn-lao, biển-cải mặt địa-cầu, nhưng ảnh-hưởng trong gia-đình, trong xã-hội dầm-thấm mà sâu-xa biết dường nào! Ai cũng biết văn-minh của Thái-Tây ngày nay vừa có sức mạnh-mẽ mà vừa có vẻ thanh-tao, vẻ này điều-hoà cho sức kia được mềm-mại êm-dềm, khỏi thành ra cái võ-lực thô-bỉ mà tàn-bạo. Sức mạnh-mẽ ấy là công của đàn-ông đặt máy-móc, lập công-trình, đào sông xẻ núi, lội bể vượt không; vẻ thanh-tao kia là công của đàn-bà, trong bề sinh-tồn-cạnh-tranh ngày nay, gây thành một chốn bồng-lai tiên-đảo, gồm hết cái ái-tình, cái phong-thú của đời người mà bày ra những cảnh nên thơ nên mộng. Người ta sinh-trưởng trong một cuộc đời chỉ om-sòm những tiếng máy-móc, nong-nân những khí cạnh-tranh, thì sống

(1) N.-P, số 4 (Octobre 1917).

sao được ? Phải có lúc được nghe giọng hát véo-von, cung đàn diu-dặt, trông bóng trăng mà không then với chị Hằng :

Hằng-Nga đã bỏ cung mây xuống trần,

thì mới giải được mọi sự phiền-muộn, thư-thái được tinh-thần, mà di-dưỡng được tinh-tinh.

« Ấy cái thiên-chức của người đàn-bà ở đời như thế. . . »

Thiên-chức ấy, dẫu nước nọ sang nước kia, đời này qua đời khác, có khi ức khi dương, lúc hiền lúc hối, mà bao giờ cũng in sâu trong tâm-lý, trong tính-tình người đàn-bà. Nước nào biết dành cho người đàn-bà cái địa-vị xứng-đáng với thiên-chức ấy, là nước ấy đứng vào bậc cao trên trình-độ văn-minh ; nước nào hạn-chế cho thiên-chức ấy không thi-hành được hoàn-toàn là nước ấy văn-minh hãy còn kém.

Nước ta ngày xưa đối-đãi người đàn-bà thế nào ?

Trình-độ nước ta tuy chưa được bằng các nước Âu-châu ngày nay, tuy chưa biết ưu-đãi người đàn-bà, hàng-nhiều như bông hoa hòn ngọc, nhưng cũng không đến nỗi như lầm dân bán-khai, ngược-đãi kẻ nhu-thuận, coi như cái máy để con hay con vật mang nặng. Người đàn-bà nước ta từ xưa vẫn được một địa-vị xứng-đáng trong xã-hội, mà cũng không bao giờ phụ tiếng gái lành, vợ hiền, mẹ từ, là gương tốt nghìn năm của bọn nữ-lưu. Không những trong quốc-sử ta không thiếu gì những bậc « nữ-trung anh-kiệt », làm nên sự-nghiệp oanh-oanh liệt-liệt, kẻ tuấn nước, người theo chồng, ngày nay đọc tới truyện cũ, cảm đến hồn xưa, lòng ta hãy còn cảnh-mộ vô-cùng ; mà trong dân-gian ta cũng lại vô-số những hạng vợ hiền, có tài tần-tảo, lấy chồng biết gánh

vác giang-sơn nhà chồng, nhất là hạng vợ học trò, ở vào giữa buổi nước ta còn đương trọng cái học cử-nghiệp hư-văn, biết gia súc đảm-dang, thay cho bọn « dài lưng » chúng ta mưu đường sinh-nhai, sự hạnh-phúc cả một gia - đình, để cho « đức ông chồng » nung kính nấu sứ, may ra chiếm được bằng vàng, mà được cái cảnh : *Võng anh đi trước, võng nàng đi sau* . . . Nhưng nhiều khi già đời vẫn là có đồ chị khóa, mà cũng cam-tâm chịu phận hãm-hiu, không hề ngã lòng, lại thêm phẫn - phát hơn lên, tự nghĩ : ta nuôi chồng đã chẳng làm nên, nay chăm nuôi con vậy, họa may sau này khá-giả chẳng... Những ông soạn dịch tiểu-thuyết ngày nay, chỉ thấy kể những truyện gái Tây gái Tàu ở đâu, mà đến hạng gái nước Nam đó, không kể truyện đến, không ngâm-vịnh đến, để biểu - dương cái công-đức của người đàn-bà Nam-Việt.

Công-đức ấy, đàn-ông ta ngày xưa không phải là không biết, không cảm, không trọng, không phục. Dẫu có kẻ bạc-hạnh bạc-tình, lúc làm nên không coi mẹ cu mẹ dī là người bạn thù hàn-vi ra gì cả, muốn ruồng-rẫy đi cho mau, nhưng những người chồng vô-loài đó, dư-luận không có dung bao giờ.

Song các cụ ta quá tin cái lý-thuyết cổ về « âm-dương », « cương-nhu », cho đàn-bà là kém hẳn đàn-ông, không thể dạy cho bằng đàn-ông được. Không những thế, mà lại cũng không cần phải dạy nữa, vì âm vốn phải tùy dương, nhu vốn phải thuận cương, đàn-bà đã không thể tự-chủ được, phải ý-lại vào đàn-ông, con gái theo cha, làm vợ theo chồng, làm mẹ theo con, nhất-sinh gồm trong ba chữ *tông*, thì cha hay, chồng hay, con hay, là mình được hay ; dạy cho lắm, học cho lắm, cũng là thuộc về vô-ích. Bởi thế nên các cụ chăm - chùt cho con trai bao

nhieu, chẳng-bỏ con gái bấy nhiêu. Không phải rằng ngày xưa không có lắm bà hay chữ, lắm bậc tài-tinh, nhưng đó là những người lỗi-lạc, không thể kể được. Cũng không phải là các cụ ta không hề dạy đến con gái chút nào, phớt mặc cả cho sự giáo-dục thiên-nhiên của Tạo-hóa. Nhưng cách dạy ấy là bằng ở tục-truyền cả, chỉ cốt cho biết cách cư-xử khi ở nhà, khi xuất-gia, để trọn phận-sự làm con làm vợ mà thôi, không bao giờ chủ mở-mang trí-thức cho đàn-bà con gái cũng được hiểu nghĩa-lý như đàn-ông.

Nói rút lại thì người đàn-bà ở nước ta ngày xưa, tuy không đến nỗi bị bạc-dãi, nhưng cũng vẫn coi như trong luật gọi là người « vị-thành-niên », chung-thành là « vị-thành-niên », đã không có tư-cách tự-trị tự-chủ, cũng không cần phải học-vấn giáo-dục cho lắm.

Cả phép dạy-dỗ đàn-bà con gái là gồm trong mấy thiên *Nữ-huấn*, *Nữ-giới*, *Nữ-tắc*, văn-chương chán ngắt như cơm nếp nát, nghĩa-lý lẫn-thần như truyện trẻ con, phiến-toái, tỉ-mỉ, vụn-vặt, lồi-thói, không có phảng-phất một chút hứng-vị gì về cái vẻ yêu-diệu con người thực-nữ, một chút phong-thú gì về cái cách hào-hoa những bậc tài-tinh. Lấy cái văn-chương khó-cốt đó mà mong hóa những người thuần-cầm, thuần-tinh, toàn từ, toàn ái, thật tỏ ra các cụ ít thuộc tâm-lý người ta quá, sánh với những nhà giáo-dục phương Tây làm sách về đàn-bà con gái, quả kém xa nhiều.

Tôi có chịu khó đọc lại mấy tập văn-chương « *bã-mía* » đó, thật không khác gì những thể-lệ của sở cảnh-sát, từ đầu chí cuối chỉ suốt những điều nghiêm-cấm cả, như giam người đàn-bà vào trong một cái lưới luật-lệ, không còn để cho một chút tự-do nào nữa.

Theo các cụ thi nữ-giáo có bốn điều cốt-yếu :

Phải cho tứ-đức vẹn-tuyên,
Công, dung, ngôn, hạnh, giữ-già chớ sai.

Nói về *dung*, là dáng-dấp thời :

Dung thời chẳng lọ chôn vùi,
Bần-sinh xấu tốt có người có ta.
Hơn nhau một chút nét-na,
Phải cho thanh-khiết, ấy là nữ-dung...
Hễng lẽ tâm gọi phải thi,
Đừng khi thái-quá, đừng khi trẻ-tràng.
Sáng thì thướt giầy diêm-trang,
Chải đầu rửa mặt việc thường nữ-nhi...

Các ngài xem có phải văn-chương « *bã-mía* » không ? Không những văn-chương « *bã-mía* » mà tư-tưởng cũng « *bã-mía* » nữa. Còn gì tâm-thường bằng, và cần chi phải dạy người ta những câu đó ?

Nói về *ngôn*, là cách nói-năng, thời

Nói thì chớ nói lắm lời,
Khoe-khoang chớ bắt-chước người đong-đưa
Chớ hề hề-hả cợt cười,
Liệu lời ăn nói, liệu lời nên chăng.
Cần-ngôn thận-hạnh kháng-khăng.
Thà-la chớ có lẻo chương sự người...
Đá đưa tấc lưỡi sai-ngoa,
Cả lời cao tiếng ai là kẻ ưa ? v. v. . .

Nói về *công*, là các nghề khéo của đàn-bà, thì rằng :

Vá may thêu dệt hóm mai,
Đũa-đo kích-thước ngẫu dài kéo hư.
Việc làm canh-cửi sớm trưa,
Tảo-gang chấp nối tóc-tờ giữ-gìn.
Tay go tay khờ cho liễn,
Đầu đầu cuối dốt chớ nên bỏ hoài...

Sau hết nói về *hạnh*, là nét-na, thì rằng :

Nét-na nhiệm-nhật khoan-thai,
Chớ ra khỏi cửa, chớ ngồi chơi sân.
Ngồi thì sẽ, chớ động chân,
Đi thì chớ có động quần tử-toi.
Đù vui chớ có cả cười,
Đù giận cũng chớ cả lời đàn-hành.

Đại-khái toàn một giọng khuyên-răn

lần-thần như thế hết. Trong bấy nhiêu câu, không câu nào có một chút ý-vị gì về tình-tình, về thân-phận người đàn-bà cả.

Cả một thiên *Nữ-lắc* diễn nôm này, đếm ra không biết mấy chục mấy trăm chữ *chớ*; là cái gì các cụ cũng cấm hết!

Trai nào chẳng phải họ-bàng,
Chớ hề chào hỏi, lánh đường hiêm-nghi.
 Gái nào nết chẳng nhu-mì,
Chớ hề làm bạn, *chớ* khi ở gần.
 Khi không *chớ* sửa áo-quần,
 Khi may *chớ* có lặn-ngần đường kim.

Nhưng đến hai câu này mới khá-ổ chữ:

Văng người *chớ* có ca-ngâm,
Chớ khi ngồi tựa nường cầm ngẫu-ngờ.

Ngồi một mình, ngời - ngợi đường xa, mở-màng tấc dạ, ngâm câu thơ, cất giọng hát, cho tiên - sầu khiến-muộn, ông cụ này cũng cấm! Hủ-lậu đầu mà hủ-lậu đến thế!

Ông ấy còn cấm nhiều thứ nữa, xin các ngài nghe nốt cho thật chán tai:

Chớ hề dức-láo khi nào,
Chớ hay chếp miệng, *chớ* diên nghiêng vai.
Chớ khi vác mặt nghiêng tai,
 Đứng ngồi một chỗ giờ hai ba bề.
Chớ khi miệng bĩa môi giề,
Chớ khi mở mặt, *chớ* khi cúi đầu.
Chớ khi liếc trước trông sau,
Chớ sầm con mắt, *chớ* cau lông mày.
Chớ khi cựa nhăm móng tay,
Chớ vươn vai, cũng *chớ* hay thở dài.
Chớ khi chưa nói đã cười,
Chớ khi lành dữ khác nơi tính hăng.
Chớ khi cười hở hàm răng,
Chớ khi trò chuyện nói-băng xê-hồ...
Chớ ho *chớ* nhổ phả-phỉ,
 Ngửa thì *chớ* gãi, mỗi thì *chớ* nường...

Các ngài đã thấy chán chưa?

Ấy các cụ đời xưa, xử với người đàn-bà thì nghiêm-khắc như thế, bắt

khoan bắt nhất đủ điều, cấm-đoán không thiếu một sự gì, mà tự-xử với mình lại rất là rộng-rãi. Có một điều khổ-lâm, một điều đau-đớn, một điều bức-tức, một điều khó chịu cho người đàn-bà, là khoản « vợ lẽ », thì các cụ nói ung-dung lắm, cho là một sự tự-nhiên, tưởng bụng người ta cũng như bụng mình, không biết muốn sâu nghìn thắm, ngậm đắng nuốt cay thường vì đó.

Người đàn-bà chẳng may gặp đức ông chồng đam-mê tửu-sắc, đã cực một thân, khổ một đời người ta rồi, các cụ cứ diêm-nhiên khuyên rằng:

Dù còn đam sắc đêm ngày,
 Đã khuyên mà cũng chưa khuấy chốc mừng,
 Thì ta tìm chốn gia-phong,
 Cho ăn cho mặc việc trong việc ngoài.
 Sinh ra con gái con trai,
 Con ta chưa để con ai tranh-hành.
 Trước là hòa-thuận gia-đình,
 Biết lòng chồng cũng ưng mình như hoa.
 Sau là bớt đỡ tiêu-pha,
 Của chồng còn đấy, ấy là của ai?..

Cũng biết rằng nói câu ấy, chắc không bà nào dám nghe rồi:

Lời này nói chẫu vào tai,
 Song chữa bệnh ấy chẳng bài nào hơn...

Nghĩa là các cụ cho rằng muốn chữa cho chồng khỏi tình hoang-dám, lấy vợ lẽ cho chồng là kế diệu hơn nhất. Bất-luận kế ấy có thật diệu hay không, nhưng các cụ không hề nghĩ đến tâm-sự người đàn-bà gặp phải nông-nổi ấy người ta cay-đắng biết dường nào! Vì rằng chỉ có hai cách: chồng là người ham sắc-dục, nếu lấy cho kẻ tầm-thường làm ti-thiếp, chắc không dám nào, thì thuốc này vị-tất đã chữa được bệnh kia; nếu theo lời các cụ, « tìm chốn gia-phong », chọn người xứng-đáng, có sắc, có tài, cho ăn, cho mặc, thì lòng người như bát nước đầy, sẽ ra tất phải vơi đi, vả lại người đàn-ông đã có tình da-mang, đối với vợ

cả chắc sâu lòng rê-rúng rồi, như thế thì lấy dân mà « nưng mình như hoa » được ? Dân có khôn-khéo làm ra mặt chiều, chẳng qua là chiều ngoài mặt cho liêu-sự mà thôi. Thử nghĩ tình-cảnh người đàn-bà lúc bấy giờ đau-đớn biết dường nào ?

Nhưng các cụ không nghĩ đến tâm-sự người đàn-bà, các cụ chỉ biết một phương-diện người đàn-ông mà thôi. Các cụ chỉ biết khuyên người đàn-bà nên rộng bụng dung kẻ ti-thiếp, các cụ không biết khuyên người đàn-ông nên nghĩ lại thương đến vợ mình. Như cụ Nguyễn Trãi trong sách *Gia-huấn*, thật đã khéo biện-thuyết cho các bà phải xiêu lòng. Cụ nói rằng :

In lấy chữ « tao-khang chi nghị »,
 Đừng mang câu « đồ-kị chi thường ».
 Giây bím cho tựa cành vàng.
 Trước chàng đẹp mặt, sau nàng đỡ tay.
 Cầu đường cái xưa nay cũng vậy,
 Trai làm nên lấy bầy lấy ba.
 Lấy về hầu-hạ nhà ta,
 Thêm hờn này quẻ có là con ai ?
 Cùng da thịt, cùng tai mắt thế,
 Kém ta nên phận ẽ hoa ôi.
 Nghĩ tình ăn cạnh năm ngoài,
 Ấm no nên xót lấy người bư-vơ.
 Thế mới phải phép thờ phu-tử,
 Ấy mới là đạo xử hài-hòa...

Khéo nói thật. Nhưng mà khéo nói cho người, tưởng cũng không khó gì. Khuyên các bà nên chiều chồng, cho chồng năm thiếp bảy thê, lại khuyên nên rộng bụng thương đến cả kẻ lẽ-mọn nữa. Ấy mới quảng-dại từ-bi chứ ! Nhưng rắn người từ-bi mà tự mình có biết từ-bi không nhỉ ? Nếu có chút từ-bi tưởng cũng nên nghĩ đến cả thân-phận người vợ lẽ kia nữa :

Đối lòng ăn năm lá sung,
 Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng...

Cái cảnh « chồng chung » ấy, nhiều khi cũng cực lắm. Thành ra người đàn-ông đa-mang làm khổ cả hai kiếp đàn-bà...

Song cũng không nên quá trách các cụ. Các cụ chẳng qua chỉ lợi-dụng cái quyền của pháp-luật và phong-tục cho người đàn-ông được nhiều vợ mà thôi. Và chính đàn-bà ở nước ta ngày xưa cũng nhiều khi bằng lòng chịu thế, không phản-nàng gì cho lắm. Có bà đã nói liêu-rằng:

Lấy chồng làm lẽ khỏi lo,
 Cơm nguội đầy giá, cá kho đầy nồi.,
 Tốt số lấy được chồng chung,
 Lương vua khỏi đóng áo chồng khỏi may...

Nhưng mà hạng đàn-bà của thời ấy cũng chẳng qui-báu gì, và ăn cạnh năm kẻ cũng đáng. Còn có người cao-thượng hơn, lấy rằng làm lẽ người quân-tử còn hơn làm cả kẻ đàn-ngu.

Thà rằng lấy lẽ thứ mười,
 Còn hơn chính-thất những người đàn-ngu.
 Một đêm quân-tử năm kẻ,
 Còn hơn thăng nhăng vô-vẻ quanh năm...

Lòng trọng-dữc ái-tái của các bà ấy đáng khen thật; nhưng thực người quân-tử, tưởng cũng không nên lạm-dụng cái quyền của pháp-luật và phong-tục rộng cho mình, và phải đoái nghĩ đến tâm-sự người đàn-bà, không nên dè cho người ta vì mình phải riêng túi riêng sâu, vì rằng dầu nhân-nhục, dầu cao-thượng đến đâu, đàn-bà ai cũng như ai:

Ớt nào là ớt chẳng cay,
 Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng ?
 Vôi nào là vôi không nóng,
 Gái nào là gái có chồng chẳng ghen ?

Đàn-bà các nước cũng thế, chứ chẳng riêng gì đàn-bà nước Nam. Mà có lẽ sánh với đàn-bà các nước, đàn-bà nước Nam ta lại là có cái đức nhân-nhục hơn nhiều. Xem những truyện bi-kịch ghen-tuông ở các nước Thái-Tây, mới biết những thủ-đoạn của các bà « Hà-dông sư-tử » nước ta chưa thấm vào đâu.

Đàn-bà nước ta ngày xưa, số-dĩ có

cái đức nhẫn-nhục cần-cù, có cái tài đảm-dang tần-tảo, không phải vì sự giáo-dục bằng sách-vở, bằng trường học — vì đã có trường, có sách dẫu, — chính vì cái sức huân-dào của phong-tục, của xã-hội. Cách giáo-dục tự-nhiên ấy, thường bày ra ở những câu tục-ngữ ca-dao, người con gái nhà quê từ thuở nhỏ đã truyền-tụng ngâm-ngã rồi, coi như những câu cách-ngôn ở đời. Chắc cái luân-lý truyền miệng ấy không lấy gì làm cao-xa cho lắm, và cũng có khi không khỏi tạp-nhập, nhưng mà đối với hạng phụ-nữ chốn thôn quê, không có cách giáo-dục nào khác nữa. Vợ khuyên chồng, chồng bảo vợ, mẹ dạy con, toàn ở những bài hát câu ca trên cửa miệng chị cấy lúa, cô bán hàng cả.

Như mẹ khuyên con đi lấy chồng :

— Lay cha ba lay một qui,

Lay mẹ bốn lay con đi lấy chồng.

— Mẹ sắm cho con cái yếm nhất phẩm hồng;
Thắt lưng đùi tím, nhẫn đồng đeo tay.

Con ơi, mẹ bảo đây này,

Học buôn học bán cho tày người ta.

Xin con đừng học thói chua ngoa,

Họ-hàng ghen-ghét người ta chế cười

Dù no dù đói cho tươi,

Khoan ăn bớt ngủ, liệu bài lo-toan.

Phòng khi đóng góp việc làng,

Đồng tiền bát gạo lo-toan cho chồng.

Trước là đắc-nghĩa cùng chồng,

Sau là họ-mạc cùng không chế cười.

Con ơi, nhớ bấy nhiêu lời...

Con gái đi lấy chồng mà giữ được bấy nhiêu lời thì cũng đủ gánh được giang-sơn nhà chồng.

Lại bài ca khuyên chồng trong tập *Gia-huấn* của cụ Nguyễn Trãi, tả được rõ cái chí-nguyện của người vợ hiền ngày xưa :

Vợ chồng ta tơ hồng vấn-vít,

Nhân-duyên dây bà Nguyệt khéo Xe.

Trình anh : thân thiếp vụng-về,

Yêu thì nên tốt, chớ nề ngu-si.

Quần bao lỗi-lạc sấm-si,

Mầu thanh về lịch dóm bị được dẫu!

Thiếp vâng lời dạy trước sau,
Nguyễn xem then khóa, giữ hầu áo khăn.

Trước là thờ phụng song-thần,

Sớm thăm lối viếng ân-cần đỡ anh.

Bốn phương chàng hãy kinh-doanh,

Dù mai kinh-sử, tập-tành cũng-tên.

Công-danh mong đội ơn trên,

Còn trong trần-lụy hãy xin giấu mầu.

Gửi trình, hầu dạm khuyển đầu,

Sắc-phòng thương thận, rượu bầu

thương tâm.

Thiếp xin chàng chớ dạm dâm,

Những nơi cờ-bạc chớ lăm lăm gi.

Tuế-gian lắm kẻ say-mê,

Aó quần lam-lũ, người thì như ma.

Thiếp xin chàng lánh cho xa,

Một niềm trung-hiếu để hòa lập thân.

Bấy lâu những đợi long-vân,

Đào tơ liễu yếu giữ thân anh-hùng.

Xưa nay gái đội ơn chồng,

Hiển-vinh bỏ lúc cơm sung cháo dền.

Ơn trời công đã được đền,

Chàng nên quan-cả thiếp nên hầu-bà...

Ấy bụng-dạ người đàn-bà nước Nam trung-hậu như thế; ngoat-ngoãn và phải-chăng như thế ; dẫu cơm sung cháo dền cũng không nề, chỉ nguyện cho chồng chăm học chóng làm nên, để đội ơn được hưởng chút vinh-hoa sau này, thế là thỏa dạ. Hi-vọng chỉ có thế mà thôi.

Đó là hạng đàn-bà bình-thường, hạng này là gốc trong xã-hội. Các cô đồ, chị khóa, bà cống, bà nghề, cho chí người làm ruộng, hái dẫu, chăn tằm, dệt cửi, đều ở đó mà ra. Gia-dình ta được bền-chặt, xã-hội ta được vững-vàng, là nhờ công-đức những bậc hiền-phụ đó.

Nhưngthời-hồ cũng có người đàn-bà hào-hoa, lỗi-lạc, phong-nhã, tài-tinh, thì thân-phận trong xã-hội ra thế nào?

Xét ra xã-hội nước ta không biết tru-dãi kẻ gái tài. Đây là không nói những bậc aub-thư tiết-liệt, như Trưng-vương, Triệu-âu, Thị-Thuần,

Thị-Kim, bậc này là cao hơn nhân-loại, không thể làm mẫu chung cho nữ-giới được. Nói những bậc tài-hoa muốn ra thi-thố với đời dễ cầu lấy chút hạnh-phúc ở đời, thời người nào cũng gặp cái cảnh « chữ tài chữ mệnh ghét nhau », người nào cũng thấy « hồng-nhan bạc-phận » cả. Trong sử thường không chép truyện những gái tài-tinh đó, nhưng mấy người ta sỡ-biết thời bà Thị-Điền kén mãi không được người tri-kỹ, sau lấy lẽ một cụ nghề; có Xuân-Hương, trước phải ép duyên với một thầy cai-tổng, rồi sau cũng lấy lẽ một ông phủ.

Nghĩ thân-thế có Xuân-Hương này mới đáng thương thay! Thông-minh như thế, đĩnh-ngộ như thế, hoạt-bát như thế, tài-tinh như thế, ứng-khẩu ra thơ, mà thơ tự-nhiên biết đường nào, lưu-loát biết đường nào, di-dóm biết đường nào, tinh đời biết đường nào, giá sinh vào một nước văn-minh thì có kém gì những bậc như bà RAMBOUILLET, bà SÉVIGNÉ, bà MAINTENON, bà LESPINASSE, thế mà ở nước ta đến phải cam chịu làm lẽ-mọn tôi-dời, rồi mà mang tiếng mãi với đời là người lẳng-lơ đĩ-thỏa. Tôi nghĩ có một là tôi phận hẩm-biu, hai là giận đời ngang-trái, đã mang tiếng thì cũng liều mang tiếng, nên mới làm ra những bài thơ oái-oăm để trọc tức bọn « đồ gàn ». Chứ trong những lời bỡn-cợt éo-le của cô, vẫn có ngậm-ngùi một tiếng khóc thầm.

Cô khuyên người chị em góa chồng mà cô nói rằng :

Văng-vẳng tai nghe tiếng khóc chồng,
Nín đi kéo thẹn với non sông !
Ai về nhân-nhủ đàn em, nhé !
Xấu mán thì khem miếng đĩnh-chung !

Có phải là cô khóc cái thân-phận của cô mà cô thương thay đến cả các

bạn gái lữ-làng không? Nhưng mà lời than cao và mát biết đường nào !

Lại bài thơ tả cái cảnh làm lẽ, giọng cảm-tức biết đường nào ! Thật là tấm gương chung của kẻ ti-thiếp ở đời :

Kẻ đắp chũn bông kẻ lảnh-lùng,
Chém cha cái số lấy chồng chung !
Năm thì mười họa nêu chũng chó,
Một tháng đôi lần có cũng không.
Cổ đấm ăn xôi, xôi lại bầm,
Cầm bằng làm mướn, mướn không còn.
Thân này vì biết đường này nbi,
Thả trước thôi đành ở vậy xong.

Người đời thường truyền-tung những câu thơ lẳng-lơ của cô, cho cô là gái giang-hồ bợm-bãi. Giá đàn ông có ngông thì đã cho là: *ngạo-cốt lẳng-lẳng*, đàn-bà ngông thì cho ngay là đĩ. Nhưng cô thật là người cao-thượng. Xem như bài thơ bánh trôi của cô thì đủ biết :

Thân em thì trắng, phân em tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non,
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Cô cũng biết tài mình lắm, nên có câu rằng :

Vi đây đời phận làm trai được,
Thì sự anh-hùng há mấy nhiều !

Nhưng khổn-nạn lại sinh ra kiếp đàn-bà, mà kiếp đàn-bà ở nước Nam nên càng tài lắm lại càng tai nhiều.

Người đời sau thương thân-thế cô có bài ca viếng như sau này :

Người Cờ-nguyệt, truyện Xuân-Hương còn
đó (1)

Phận hồng-nhan, nghĩ lại rữ buồn tênh !
Thương cho tài mà gán cho tình !
Nông-nổi ấy kẻ sao cho xiết !
Người cõ lại còn đeo thỏi *nguyệt*,
Buồng xuân chỉ để lạnh mùi *hương* !
Thương mấy ôi ! phận bạc vẫn là thường
Dầu có bạc cũng đành liều với phận.

(1) Cờ-nguyệt là chữ 胡, một bên chữ 古, một bên chữ 月. Họ Cô là họ Hồ.

Vi ai dề xuân-tinh ngọc-ngân ?

Tuổi còn xanh nõng thơ-thần vi xuân.

Mười mấy thu đây.đọa kiếp phong-trần ?

Giấy tờ mảnh, uầy kia ! ai giữ.giáo ?

Muốn giật túi ông tơ nguyệt-lão,

Tung lên cho đũa tuyết mù xanh !

Biết chăng, chẳng biết, cũng đành !

Nhân nói về địa-vị người đàn-bà ở nước ta, chạnh nghĩ đến thân-phận cô Xuân - Hương, cũng gọi là thêm mấy câu đề viếng một người tài-nữ nước nhà. Đức - hạnh cô có lẽ không đủ làm gương cho nữ-lưu ta, nhưng tài-tinh cô đáng kính mà thân - thể cô đáng thương. Cô thật là một kẻ hi-sinh cho cái xã - hội khắt-khe này. Tôi phục nhất cô là cô sinh - trưởng ở một đời cái thói hủ-nho hầy còn mạnh, cái phong tục - học hầy còn đầy, mà cô biết đem cái tinh-thần hoạt-kê diễm cho cuộc đời nhạt-nhèo của các cụ ta. Tinh-thần ấy, người mình chưa biết trọng, chứ thế-giới cho là một cái hoa văn-minh rất quý-báu. Hoa ấy đã nở vào một người con gái nước Nam nhà ; chỉ vì không biết giữ-già chăm-chút nên bấy lâu đến héo-hắt lồi-tàn. Thật đáng tiếc thay !...

Ấy thân-phận người đàn-bà ở nước ta ngày xưa như thế. Địa-vị người đàn-bà trong xã-hội bây giờ thế nào ?

Từ ngày tiếp-xúc văn-minh mới, tình-cảnh người đàn-bà đã thấy có thay - đổi. Đây là nói đàn-bà ở nơi thành-thị, chứ ở chốn nhà quê phần nhiều vẫn còn theo tục cũ. Và ngay ở thành-thị, sự thay-đổi cũng còn là ở bề ngoài, chứ chưa có ảnh-hưởng sâu-xa đến trong tâm-tính. Đó cũng là một lẽ-tự-nhiên. Vì chính đàn-ông hằng ngày phải ra xông-pha tiếp-xúc với đời, còn chưa lấy gì là khai-thông cho lắm, còn « văn-minh vỏ » nhiều hơn là văn-minh thực, hưởng đàn-bà, ít kiến-vấn, ít giao-thiệp, thường thường chỉ chầu-tuần trong một cái vòng-khuôn nhỏ-hẹp là chốn gia-đình họ-mạc, nơi làng-xóm

thân-bằng. Nói cho đáng ra thì hiện nay chỉ mới có một số ít các cô hoặc theo học mới, hoặc buôn-bán giao-thiệp theo lối mới, là hơi có nhiệm một ít thói-cách duy-lân mà thôi ; còn phần nhiều các bà các cô bây giờ vẫn còn là người cũ cũ, duy sinh-trưởng ở trong một xã-hội đương thay-đổi, cũng có gián-tiếp chịu ảnh-hưởng được ít nhiều.

Nhưng trước khi nói về tinh-cách của tân-nữ-giới bây giờ, hằng xin nói về cách đàn-ông đối-đãi đàn-bà ngày nay thế nào. Cứ bình - tình mà xét, thật có tiến - bộ hơn xưa nhiều. Không phải là các cụ ta ngày trước bạc-đãi người đàn-bà đâu ; cái chủ-nghĩa « nam tôn nữ ti » của các cụ, là thuộc về triết-lý, thuộc về lẽ âm-dương cương-như, chứ cứ thực-sự các cụ không phải là không đề cho người đàn-bà có đặc-quyền trong gia-đình, trong xã-hội. Còn về ái-tình thì vị-tất đã kém người đời nay. Vợ chồng ngày nay thường khoác tay hôn má, vợ chồng ngày xưa ra đến cửa phải tránh mặt nhau, nhưng vị-tất đàn-ông bây giờ đã biết thương - yêu vợ hơn đàn - ông đời trước. Dục-tình có thịnh, mà ái-tình chưa chắc đã thâm hơn. Nhưng xét cách đối-đãi bề ngoài thì quả có hơn thật. Đàn-ông ngày nay thực đã biết kính biết nể người đàn-bà ; là nói những đàn-ông có tư-cách, có giáo-dục, chứ những phường vô-học vũ-phu thì xá chi. Bởi vì trông thấy người Tây họ quý đàn-bà là dường nào, mình cũng bắt chước được ít nhiều. Dầu chưa tập được hết cách phong-nhã của người ta, nhưng những lối « dúi dục cẳng tay », cùng những câu mà tao chỉ tờ đã mất dần đi nhiều. Đại-đề người chồng đời nay đã muốn và đã biết chiều-chuộng vợ, và đàn-ông con trai đối với đàn-bà con gái đã biết tỏ nhún-nhường lễ-phép. Tuy cũng có ít nhiều cậu công

tử giả, thường có thói sẵn-sóc các bạn nữ-lưu một cách lần-khân quá-dáng, nhưng mà là các cậu hiền lành cái nghĩa tự-do theo lối tây. Không biết rằng người Tây họ cũng chẳng đạo - đức gì hơn mình thật, nhưng trong cách lần - khân của họ vẫn có vẻ phong-nhã; đã bắt-chước phải bắt-chước cho đến nơi, đừng để cho chị em phải phàn-nàn và mang tiếng với đời là « công-tử bột » !

Có một điều đủ chứng rằng đàn-ông đời nay đã biết ân-cần đến đàn-bà và biết tỏ ra thực-sự, là đối với người đàn-bà lúc thai-sản. Ngày xưa vợ nằm bếp, thì chồng lánh cho xa, sợ uế-tạp ! Những lúc khác không thấy sợ uế-tạp tí nào, mà cái lúc đau-dớn nhất trong đời người đàn-bà, cái lúc người đàn-bà phải trả nợ cho Tạo-vật nặng nhất, thì ông bạn trăm năm kia muốn vắng mặt đi mấy tuần, nghĩ cũng bạc. Ngày nay không thế. Người chồng biết trông - nom sẵn - sóc cho vợ lúc lâm-sản, không phó mặc cho bà lão già hay đứa vú ở. Có ông quá vãng-minh, khi bà « đằm » xở rồi, thấy mẹ tròn con vuông, mừng, ôm lấy hôn tưng-tục trước mặt cả mọi người. Thế cũng khi quá thật, nhưng còn hơn cái cách lãnh-dạm khi xưa. — Song đó là chồng với vợ, cũng là sự tự-nhiên. Đến người dưng nước lã với nhau mà còn biết thương nhau lúc sinh-dẻ, mới thật đáng khen. Các nhật-báo thường đăng chuyện người đàn-bà có mang đi xe lửa, lỡ nửa đường giở dạ dẻ, loanh - quanh nhẩn-nhó, không biết làm thế nào, có ông ân-mặc tử-tế ngồi gần đấy, trông thấy thế chạy lại hỏi, rồi liền cởi áo sẵn tay, đỡ cho người kia, buộc-dịch tử-tế, đến ga lại thuê xe-cáng cho đem về tận nhà. Trong xe lửa, chắt các bà già nhao-nhao bình-phẩm với nhau, bà thì nói : — Đàn bà sinh nở đến kỳ, còn đi xa như thế ! — bà thì khen ngoài miệng : — Ông này

phúc-đức quá ! — nhưng trong bụng nghĩ thầm : Rõ hiểu-sự !..

Những việc ấy tuy đăng vào mục « Việc vặt » trong nhật-báo, nhưng tôi cho là tiêu-biểu một sự tiến-bộ to trong phong-tục nước nhà về cách đàn-ông đối-dãi với đàn-bà đó.

Nói cho phải, các bà ngày nay thật cũng có sượng hơn ngày trước. Xưa phải tần - tảo nuôi chồng, để cho chúng tôi dài lưng lười vải, ăn no rồi chúng tôi lại nằm dài, nghèo-ngao cho qua ngày qua tháng. Bây giờ chúng tôi đã biết tự-sĩ, lấy sự biếng-nhác đó làm hồ. dài lưng chúng tôi cũng phải cố dựng dậy mà ra chen-đua lao-dộng với đời, để cho các bà được an-nhàn một chút. Chúng tôi không dám kê công, vì đó chẳng qua cũng là lẽ công-bằng. Chỉ xin các bà nhận-chán lấy cái địa-vị mới như thế, và cố tập lấy tư-cách tương-đương, để khỏi phụ tấm lòng chúng tôi vì-nể muôn phần.

Tư-cách tốt, không phải là các bà không có. Cái tài đảm-dạng của các bà, thật chúng tôi phải chịu, và người ngoại-quốc cũng phải khen. Nào là cầm họ cầm hàng, nào là buôn xuôi bán ngược, doanh-nghiệp theo lối cũ đã giỏi, mà doanh-nghiệp theo lối mới như lĩnh-trung thầu-khoán, cũng không kém gì đàn-ông. Lại có bà quan làm việc quan cả cho chồng, mà chính-sự quan bà có lẽ lại sắc-xảo hơn quan ông. Song đó là những tư-cách trọng-phu cả, các bà nào có những tư-cách đó là « nữ-trung trọng-phu » cả. Chúng tôi phục lắm, chúng tôi sợ lắm, nhưng chúng tôi lại mến những tư-cách nhu-mỉ yêu-điều hơn một chút, hợp với tâm-lý người đàn-bà hơn.

Những tư-cách đó, các bà các cô trong tân-nữ-giới ta đã kiếm được đủ chưa ? Nói rằng không thì oan, mà nói rằng có cũng chưa đúng. Tôi không dám vợ đũa cả nắm, mà gia lời bình-

phẩm quá đáng. Nhưng tôi thường nhận có một vài cái khuyết-diểm trong tân-nữ-giới, xin cứ bình-tĩnh nói ra, và xin tất gì cứ gọi ngay tên ấy, không kỳ-sở-sàng. Tôi nhận nhiều bà nhiều cô — không dám nói tất cả, — có tính hờm, tính hống, tính dõm.

Một hôm đi xe lửa, thấy một bà huyện với một bà phán. Bà huyện còn trẻ lắm, chừng 25, 27 tuổi, trang-sức cực-kỳ là xa-xỉ, đuôi gà chấm đến thắt lưng, ngồi đề một chân dựng lên ghế, tay chống nẹ cầm điếu thuốc lá, nghiêm-nhiên quan-dạng lắm, mà mặt xem có vẻ dương - dương tự-đắc. Bà phán thời hơi đứng tuổi hơn, trời mát-mẻ mà đeo kính đen, ăn-mặc có ý nhũn, nhưng ra dáng con-công đệ-tử các đền các phủ, cạnh mình lại có cái nón cu-li, đó là « mốt » mới của các bà đi trảy đền. Bà huyện nói : — Hôm qua đáng này tở - lóm suốt sáng. Minh đã muốn về chuyển xe lửa tối, nhưng ông Phủ Mỏ cứ nắm giữ lại, nói : Bà huyện đã sang chơi, tôi định « thịt » bà tối hôm nay ! Thành ra mình thua mất năm chục đồng. — Bà phán nói : — Đàng này đêm cũng lưng-cung chẳng ngủ được. Bốn giờ sáng ông phán ông ấy đánh thức mình dậy, bảo thẳng bếp làm « cà-phê ô-lê » cho ăn — bà nói tiếng này có ý dẫn xuống và mạnh lên, — mà không ăn được...

Hai bà nói chuyện toàn một phong-vị như thế cả, mà nói to-lát giông-giặt, hơn tôi diễn-thuyết bây giờ, cả xe lửa ai cũng nghe rõ.

Lại có người thuật chuyện một cô giáo nữ-học kia, cứ đương buổi dạy học thì đem ảnh phu - quân ra mà nhìn mà ngắm ở trước mặt học-trò. Bấy giờ trò nào vô-phúc-hỏi-hau thưa-gửi câu gì, thì cô nổi giận lới-dình lên, hết mắng tiếng tây thời chửi tiếng tàu, dùng toàn những danh - từ của

bọn phu tàu cả. Cha mẹ học trò xem ra cũng có ý phàn - nàn về cái cách dạy học tối - tân đó.

Song đó còn là thuộc về ngôn-dung, đầu có lắm vẻ trái tai ngang mắt thật, nhưng bề ngoài còn không quan - hệ lắm. Đến nết-na đức-hạnh mới thực là quan-hệ.

Tôi nghe nói có một cô giáo lấy chồng làm « đốc - tờ », đầu là người đường trong. Đồi vợ chồng đó thật là vào hạng tân-nhân-vật đời nay. Nước ta ví có người văn-minh, thì tưởng đời ấy là văn-minh, chứ còn ai nữa ? Ông đốc-tờ có bà mẹ già. Vậy mà từ khi cô về nhà chồng, cô không hề chào hỏi. Cô thường nói : — Gia-dình tôi là một cái ménage văn - minh. Tôi chỉ biết một chồng, không biết người nào nhà chồng nữa. — Ông đốc-tờ mỗi tháng lĩnh lương về thường đưa cho bà cụ giảm mười đồng, cô biết cô hay rầy - la. Đã nhiều lần ông không nghe, . . . hay là không chừa. Một hôm đương ngồi ăn cơm ở bàn, sẵn chai rượu bên tay, cô cầm đập vào mặt, máu-me lênh-làng. Ông là đốc-tờ, cái vết thương bởi tay người yêu đó cũng chẳng hại gì. Nhưng cách cô cử-động như thế thì quốc-dân ta nghĩ làm sao nhỉ ? Ấy cái đó mới quan-hệ. . .

Chắc việc đó cũng là việc có một, và một bậc nữ-anh-kiệt như thế, thật là hiếm có. Nhưng cũng đủ khiến cho nhà đạo-đức phải chau mày. . .

Cứ bình-tĩnh mà nói, xã - hội ta đương buổi giao-thời, đàn-ông cũng còn lắm người bác-tạp, đàn-bà lấy đầu được nhiều kẻ thuần-lương. Và lại sự tự-do cũng như thứ rượu mạnh, mới uống vào nó hay say. Đàn-bà ta xưa bị hạn-chế nghiêm, nay nhờ phong-hội mở-mang, đã được thông-dong hơn trước ; lại nhờ sự giáo-dục mới, cách doanh-nghiệp mới, kiếm được đồng tiền, người thì làm cô giáo có đủ,

người thì bán mũ dằm « dăng-tên », mỗi người có nghiệp riêng, không phải lụy ai, mà có lẽ có người lại phải lụy mình; nhiều khi nghĩ đến thân-phận, không khỏi tự-cao. . . Nhưng cái say đó là say nhất-thời mà thôi. Đầu-bà nước Nam ta có tính-chất tốt, tất cũng sớm tỉnh được ngay, không phải lo gì.

Ấy là địa-vị và tính-cách đàn-bà đời xưa và đời nay. Nay thử tưởng-tượng người đàn-bà về sau này, 15, 20, 30 năm về sau này thế nào? Tôi xin phép các ngài lấy ý-tưởng phác-họa ra hình-ảnh một người gái lành vợ hiền ở nước Nam sau này. Chưa biết người ấy là ai, xin đặt tên là Tuyết-nương.

Tuyết-nương là con gái một quan phủ đã về hưu (đây là đồ chừng 20, 30 năm nữa, chức phủ huyện ở Bắc-kỳ ta hãy còn). Cô tuổi vừa đôi mươi. Người phải thế, không thấp không cao, không gầy không mập, tóc dài da trắng mà có sắc hồng - hào, chứ không trắng bệch, trắng mượt như các cô khuê-các cấm cung. Vì Tuyết-nương có thể cho là một cô con gái bán chợ bán què. Quan phủ có ít ruộng đất ở quê, lại có mấy ngôi nhà ở tỉnh, cứ nửa năm mát-mẻ ra tỉnh, nửa năm nòng-nực về quê; từ khi bà phủ qui-tiên, một mình cô là con gái lớn quản-lý cả việc nhà. Việc đồng-áng, canh-cửi, say lúa, bán thóc, có trường cả, mà cách hào-hoa thanh-lich nơi thành-thị có cũng sành. Cô có đẹp không? Cái đó khó nói quyết được, vì cái đẹp nó không có tỉ-lệ nhất-định, tùy con mắt mỗi người. Có người ưa cái đẹp yêu-diện thanh-tao, có kẻ thích cái đẹp đậm-đà sắc-sảo; có người cho thướt-tha như cây liễu là đẹp, có người cho mũm-mĩm như pho tượng là xinh. Chẳng hay Tuyết-nương vừa mắt cho hạng nào, nhưng nét mặt, dáng người, cách đi, bộ đứng của cô, dầu kẻ rất khó tính tưởng cũng không chê được điều

gì. Trong thái-độ có vừa có vẻ yêu-diện, mà lại vừa có vẻ đậm-đà, nhưng thứ nhất là có một cái tinh-thần riêng; ta gọi là cái duyên. Duyên là gì? Cũng khó mà giải được. Duyên là một thứ điện-khí riêng nó làm cho người ta phải luyến-ái. Có người đẹp lạnh-lẻo cao-kỳ, ai đến gần cũng tỉnh như tụt-rè bển-lển; có người đẹp nồng - nàn lộng-lẫy, khiến cho thiên-hạ phải say-dắm té-mé. Hai cái đẹp ấy đều có nguy-hiểm, vì lạnh-lẻo quá rồi thành ra cô-độc, mà nồng-nàn quá không khỏi đến chán-chường, thậm quá hóa phải là lẽ thường như thế. Người có duyên thì không thế; không cứ xấu đẹp, — xấu thì gọi là có « duyên thâm », — ai đến gần cũng phải cảm, phải mến, phải phục, phải yêu, như có một cái hào-quang sáng-sủa, một cái nguồn nóng ấm-áp, ở trong tâm trong trí phát ra, làm cho thiên-hạ vui-vẻ lại với mình. Nhưng cái duyên nó khéo quấy-luyến người, mà nó cũng khéo phòng-ngữ mình. Người có duyên được thiên-hạ mến mà không sợ thiên hạ nhờn, vì cái duyên có sức cảm-hóa mạnh đến cảm được cả kẻ sòm-sở lẫn-khôn. Nói tóm lại thì Tuyết-nương là một người vừa có sắc, vừa có duyên. Lại là người có trí-tuệ thông-minh nữa. Sức học đã hơn các con gái thường, vì quan phủ là người thức-thời, cho cô học kiêm-thông cả quốc-văn, hàn-văn, pháp-văn, mà trí khôn suy-nghĩ lại học một biết mười; nhưng không lấy cái học-thức ấy làm tự-cao, vì biết rằng giá-trị người con gái không phải chỉ ở một sự học. Cho nên cô vốn có tài ngâm-vịnh, lại sở-trường về khoa quốc-văn, mà không hay làm thơ làm văn mấy khi, tự nghĩ rằng thơ-văn là một món tiêu-sầu khiến-muộn, mình mới có vài mươi tuổi đầu đã sầu-muộn chi mà phải thở-than cho khuây-khỏa. Nhưng không phải là cô không giàu

mối cảm-tình. Đàn-bà là giống tinh, đàn-bà thông-minh lại càng là giống tinh-lắm. Thường khi đêm khuya trăng tỏ, đã đốc-suất đầy-tờ dọn-dẹp cửa-nhà rồi, cho các em đi ngủ rồi, cô cầm quyền truyện *Kiều* ra ngồi chỗ cửa sổ, lặng ngẫm bóng trăng, chốc-chốc trâm-ngâm một vài câu lầy, xót-xa cho thân-thể nàng *Kiều*, người tài-sắc như thế mà phải gặp cảnh đoạn - trường như thế, bất-giác nghĩ lan - man đến thân-phận người đàn-bà ở đời, đến thân-phận người đàn-bà ở nước Nam này, rồi đến thân - phận mình về sau này, mà bỗng thấy rùng mình thở dài:

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà ghê !

Nghĩ quanh nghĩ quẩn, đọc đi đọc lại mấy câu *Kiều* :

Bau-dốn thay phận đàn-bà,

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung...

... Kiếp hồng-nhan có mong-manh !

Chẳng hay ông trời xanh có chủ-ý ghét-ghen chi khách má hồng hay không, nhưng cái kiếp đàn-bà ở đời cũng là cái kiếp mong-manh thật. Đàn-ông người ta còn vẫy-vùng bay-nhảy, lập công lập nghiệp với đời, dù thất-bại, dù thành-công, khác nào như món cơm bữa, hồng việc nọ hồng việc kia, thế nào cũng được thỏa cái chí giọc-ngang trong trời đất. Đàn-bà thì chỉ quanh-quanh trong vòng sương-khò một thân mình, mà lắm khi cũng không xong, vì cái khổ xem ra bao giờ vẫn nhiều hơn cái sướng. Thử nhìn trong đám bạn gái quanh mình, được mấy ai là hoàn-toàn sung-sướng ? Chị Giáp gặp phải mẹ chồng cay-nghiệt ; chị Ất lấy phải anh chồng cờ-bạc ăn-chơi ; chị Bính thì ý-co một đàn con nheo-nhóc ; chị Đinh thì được chồng-con hòa-thuận, lại mang cái thân bệnh, hết hậu-sản đến hao-môn. Lại còn người này buồn thua bán lỗ ; người kia góa-bụa trẻ-trung. Thửa

nhỏ thì chị em vui-vẻ như thế, mà nay trông mặt ai cũng ủ-dột nhẩn-nhó cả. Kiếp hồng-nhan có mong-manh, thật quả thế, không sai.

Kiếp người đàn-bà như một cuộc đi cầu, cầu cái hạnh-phúc ; may ra cầu được con cá to, chẳng may cầu được cái tôm cái tép cũng cam một đời...

Nghĩ đến thế, trong lòng có sẵn mối thương-tâm, thương cho chị em gái, thương cho phận đàn-bà, thương sẵn cho thân-thể mình sau này. Rồi sự nhớ đến câu thơ chị Xuân-Hương :

Ai về nhẩn-nhủ đàn em nhé !

Xấu máu thì khem miếng đình-chung !

mà tự hỏi : mình đã chắc rằng tốt máu chưa mà dám ra tranh miếng đình-chung với đời ?

Vả xấu hay tốt cũng chưa ăn thua gì, vì :

Thân gái như hạt mưa sa,

Hạt vào đài-các, hạt ra ruộng cấy,

lại còn cái sự may-rủi ở trong đó nữa. Đối với sự may-rủi thì còn biết làm thế nào ? . . .

Những tư-tưởng u-âm ấy làm cho cô tê-tái trong lòng. Song cô tuy giàu mối cảm-tình mà cô không phải là người si-tình mộng-tưởng, đa - cảm đa-sầu. Cô là gái tinh, mà cô cũng là gái trí nữa. Mà trí có lại sáng-suốt khôn-ngoa. Người thông-minh thì bao giờ cũng tìm được đường chính lẽ phải, không sợ lằm-lẫn bao giờ.

Vậy cô nghĩ đi như thế ấy, cô lại nghĩ lại như thế này: Đàn-ông có phận đàn-ông, đàn-bà có phận đàn-bà. Hà-tất phải lấy cái thân-thể đàn-ông làm tỉ-lệ cho thân-thể đàn-bà? Đàn-ông vẫy-vùng bay-nhảy, đàn-bà thu-vén giữ-gìn ; một bên bảo-thủ, một bên tiến-thủ, hai bên vị-tất đã hơn kém gì nhau. Vả lại ta đã từng đọc sách, thấy Đông

nhỏ Tây-nhỏ đều dạy rằng mỗi người là ông hóa-công của mình, cuộc đời mình vui hay buồn, sướng hay khổ, là ở mình khéo tổ-chức hay vụng tổ-chức mà thôi. Đã thế thì ta cứ nên hết sức tổ-chức cuộc đời ta, làm cho tận cái phần nhân-lực đã, rồi mà may rủi thế nào sẽ cam. Vì chưa biết rõ bổn-phận mình, vì chưa làm hết phận-sự mình, mà đã than thân trách phận, tủi số bõn duyên, hay là cứ chịu ép một bề, để mặc dầu cho cái rủi-may nó sai-khiến, thì sao cho đáng con người thông-minh ở đời. Làm thân người đàn-bà ở đời này, làm thân người đàn-bà ở nước Nam này, coi vậy cái gánh-vác cũng nặng thay, bổn-phận cũng quan-hệ, phận-sự cũng lớn-lao, chứ chẳng vừa. Cứ sao mà chị em gái ta cứ cam chịu cái thân-phận kém hèn trong bấy lâu? Bởi vì không biết nhận-chân cái địa-vị của mình trong xã-hội. Bạn gái ta cũng là một nửa phần trong quốc-dân. Nếu nước nhà thịnh-suy, đứn sắt-phu còn có trách, thời kẻ phụ-nữ há không có trách hay sao? Song cái trách-nhiệm của ta, có khác trách-nhiệm của bọn nam-nhĩ. Đàn-ông họ đứng mũi chịu sào thời chị em mình cũng tay chèo tay lái. Phạm đại-sự mình phải giúp cho họ làm nên; nhưng có nhiều việc họ không thể hồi-cổ đến được, thời đó là chuyên-trách của bọn mình. Thứ nhất là việc gia-đình. Gia-đình là cái thế-giới của bọn đàn-bà mình, là cái vũ-trụ của chị em gái mình; trong thế-giới đó, mình là bậc chủ-nhân, trong vũ-trụ đó mình là tay tạo-hóa. Cho đàn-ông họ tài-giỏi trăm nghìn phần, vào đến cái tiền-thiên-địa ấy, là họ phải phụng-sự mình như bậc thần-tiên. Nhưng mình phải biết lợi-đụng cái thế-lực đó để mưu sự hanh-phúc chung, chứ nên như ai lơ-dễnh cho mất cả uy-quyền cùng danh-giá...

Tuyệt - nương nghị-luận thăm một

mình như thế ở trước bóng trăng, không khác gì nhà triết-học đấng-dàn thuyết-lý. Đương tân-dương cái công-đức của người đàn-bà trong gia-đình, sực nhớ ra mới biết rằng mình mới là cô con gái hai mươi tuổi, đã có gia-thất dẫu mà biết chuyện gia-đình; bấy lâu nay còn mới coi việc nhà bộ cho cha mẹ mà thôi. Nhân đó mà cái giấy tư-tướng của cô đương căng thẳng, bỗng rối trùng lại. Cô cúi mặt xuống, ra dáng hữu-sở-tư. Từ nãy đến giờ còn nói chuyện nghĩa-lý giữa đời thì hùng-biện cao-đàm lắm; nay đến việc thiết-thần nay mai thì ngân-ngờ ngờ-ngẩn như không biết nghĩ thế nào. Thân gái như hạt mưa sa, nay mai dầy mình sẽ sa vào chốn nào? Sa vào chốn thanh-thoại, hay sa vào nơi hùn-lầy? Muốn lập tên gia-đình, muốn mưu việc xã-hội, phải tựa vào một người. Người ấy sẽ là ai? Chắc trong bụng cô cũng đã nhiều khi tưởng-tượng một người chồng thế nào là xứng-đáng rồi. Nhưng xét quanh mình chưa thấy trai nào được hết như kẻ « ý-trung-nhân » đó.

Đã hai ba năm nay, biết bao nhiêu món hỏi, mà cô chẳng bằng lòng món nào, vì toàn là những công-tử bột, công-tử giấy, công-tử lòng-công cả. Lấy con mắt một người con gái dạ cả trí cao, hoài-bão to-tát như cô, mà xét bọn thanh-niên nam-tử nước nhà, không thể sao mà lạc-quan cho được. Thậm-chí cô đã phải tự-cam rằng miễn không phải là người hư, rồi tư-cách dẫu chưa được hoàn-toàn, sau này ăn-ở với nhau sẽ sửa dần cũng được. Cô nghĩ thế là cô đã tự-tín rằng có đủ tài đủ sức cảm-bóa được chồng vậy.

Sau có cậu tú mới tốt-nghiệp trường trung-học, người tư-chất thông-minh, tư-tướng hào-mại, quan phủ bằng lòng gả, cô cũng ưng ý ngay. Cứ thực

ra thì cậu này tuy có tài có chí thật, nhưng theo học Tây từ thuở nhỏ, cách cử-chỉ có ý đường-dốt, không có cái vẻ thuần-túy con nhà Nam-Việt. Còn đến những điều quốc-tục quốc-túy, xem ra cũng khi mơ-hồ. Tinh ý như cô, không phải là không nhận thấy những sự khuyết-diễm đó, nhưng cho là sự khuyết-diễm có thể bỏ-cứu được, mà tự-nguyện ra tay bỏ-cứu cho được.

Cậu Tú vợ Tú ăn-ở với nhau một năm, xem cách đứng-ngồi giao-thiệp của cậu đã thấy đổi hẳn. Cái thái-dộ lấc-cắc khi trước mất dần đi, mà uyển-nhiên thành ra một tràng thiếu-niên phong-nhã. Ấy sự cảm-hóa của vợ sáu-xa và mau-mẫn như vậy. Bấy giờ vợ mới yên tâm, chắc dạ rằng đã khôi-phục được cái hồn Nam-Việt của chồng rồi, bèn khuyên chồng sang du-học bên Pháp, vì biết rằng một cái văn-bằng tú-tài tây thực chữa đủ làm được gì và cách học-hành bên này cũng chưa đủ gây được bậc nhân-tài xứng-đáng. Vợ có đồng giãn-vốn riêng nào cống-hiến cả cho chồng đi học. Cậu định chuyên-môn về Y-học, phải năm năm mới tốt-nghiệp được.

Năm năm giữ cô-phòng, một lòng thờ-phụng cha mẹ chồng, trông-nom cho các em chồng, lại săn-sóc cả việc nhà mình, hoạt-dộng luôn luôn, cho người nổi nhớ buồn. Mỗi chuyến tàu, viết thư cho chồng, tuyệt-nhiên không có những giọng sầu-tbảm biệt-ly gì cả, chỉ những lời miễn-lệ khuyến-khích, thỉnh-thoảng mới có một chút ngâm-ngùi để tỏ tấm lòng tưởng-nhớ.

Hết năm năm tốt-nghiệp về, nghiêm-nhiên một ông y-khoa-bác-sĩ, mở một phòng khám bệnh ở giữa thành-phố, khách ngày một đông, tiếng nổi khắp nhà quê kẻ chợ. Tuyệt-nương bấy giờ mới nghĩ thi-hành cái chí binh-sinh, muốn lấy tài-trí một người đàn-bà

hoàn-cải phong-tục cả một xã-hội. Trước hết gây ra một chốn gia-đình có thể làm gương cho các gia-đình trong nước. Rồi chủ-trương các cuộc từ-thiện cứu-tế trong xã-hội, như cuộc bảo-anh, bảo-cô, sở hộ-sinh, trị-bệnh, v. v.. Sau đặt ra ở nhà riêng một hội « sa-lông » để tiếp các bậc danh-sĩ đương-thời, như các sa-lông ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 và 18. Bác-sĩ rời ra làm nghị-viên, giao-thiệp mỗi ngày một rộng. Bao nhiêu những bậc danh-nhân lãnh-tự trong các giới đều đi lại ở nhà. Sa-lông của bà Bác-sĩ Bùi không mấy lâu nổi tiếng là nơi « phong-nhã chi lâm-tần », mà bà nghiêm-nhiên thành một bà chúa phong-nhã ở Bắc-thành. Mỗi tuần-lễ tiếp khách hai lần, những nhà chính-trị, nhà văn-học, nhà làm sách, làm báo, thường đến nghị-luận về việc nước việc đời, phu-nhân lấy cái trí linh-lợi hoạt-bát, lấy cái tài lịch-thiệp khôn-ngoa, lại lấy một tấm lòng rất nhiệt-thành về giống nòi, về tổ-quốc, mà điều-hòa mọi người, cảm-hóa hết-thảy. Không những các danh-sĩ đương-thời họp-tập ở nhà phu-nhân, mà người Âu-châu, người Á-đông muốn biết cách phong-nhã của nước Nam cũng thường xin vào tiếp mặt phu-nhân. Nhà làm sử đời sau chép rằng trong cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam về tiền-bán thế-kỷ thứ 20, Bà Bác-sĩ Bùi và hội Sa-lông của bà có một cái địa-vị và một cái ảnh-hưởng rất to...

Thưa các Ngài, tôi vừa mạn phép các ngài vẽ-vờ ra một thiên-tiểu-thuyết rất bông-lông. Có Tuyệt-nương là ai ? Bà Bác-sĩ Bùi là ai ? Ở nước Nam này làm gì có cái của háu ấy, mà khéo khéo bày-vẽ ra cho người ta càng thêm thêm. Than ôi ! tôi đây cũng vì thêm-thường được trông thấy cái của háu đó, nên không quản rườm tại các ngài kể phác ra hình-ảnh một bậc tân-

nữ-lưu ở nước Nam, như trong trí văn mông-tướng, và phải đặt vào hai ba mươi năm về sau này. Song có lẽ nếu biết khéo gây dựng tự bây giờ, thì cũng có thể có sớm hơn được, không phải đợi đến một kỳ-hạn xa-xôi như vậy. Cứ như cách giáo-dục ở các trường nữ-học bây giờ, có thể gây được hàng đàn-bà như thế không? Tôi lấy làm hoài-nghi lắm. Nhân đây tôi xin bày một cái ý-kiến riêng của tôi đã dự-bàn trong bài luận về sự giáo-dục đàn-bà con-gái nói trên đầu bài diễn-thuyết này.

Tôi có bản nên lập một trường học riêng cho bậc khuê-các ở nước ta. Gọi là trường học mà không phải là trường học, vì đàn-bà con gái bậc thượng-lưu không cần gì văn-bảng tốt-nghiệp, không cần gì thi-cử văn-bài, chỉ cần mở-mang trí-tuệ, khai-phát tâm-hồn, mà đoàn-luyện lấy cái tư-cách phong-nhã ở đời. Cho nên đặt tên là *Phong-nhã học-viện*, có ý bất-chước như nhà *Université des Annales* ở bên Pháp. Trường này của một bà nữ-sĩ tên là YVONNE SARCEY lập ra, mỗi năm mời những danh-sĩ trong nước đến diễn-thuyết về các vấn-đề lịch-sử, văn-học, giáo-dục, mỹ-thuật, mà diễn riêng cho các bậc khuê-các thành Paris đến nghe. Cứ đầu năm đặt một cái chương-trình sẵn, cả thầy ba bốn mươi phiên diễn-thuyết về các khoa, đem công-bổ ra, bà nào có nào biên tên và nộp tiền trước thời cứ đúng ngày giờ đến nghe như người đi học vậy. Không có hạn học hạn tuổi gì cả, nhưng ai theo tất cũng theo ít ra là một năm, vì phải trả tiền cả năm trước, như người mua tán-vấn tạp-chí vậy. Trường này thật-hành lắm, vì các ông thầy đến giảng toàn là những tay hàn-lâm học-sĩ có tiếng một thời, và người nghe toàn là những bậc thượng-lưu khuê-các ở kinh-đó.

Theo như ý tôi thì trường *Phong-nhã học-viện* của ta có thể chằm-chước theo như cách-thức trường *Annales*

đó, nhưng phải đặt ra ba ban: một ban dự-bị, để dạy qua-loa về các môn phổ-thông, vì đàn-bà con gái ta phần nhiều còn chưa có phổ-thông-giáo-dục, thời chưa đủ tư-cách nghe giảng cho có ích-lợi được; một ban giảng-nghĩa, là phần cốt-yếu, thời cũng làm lối diễn-thuyết đặt chương-trình sẵn mỗi năm như trường *Annales*; và một ban thực-hành, có lớp dạy nữ-công, như vá-may, thêu-thùa, tết hoa, làm bánh, v.v.; lớp âm-nhạc, dạy đàn ca; lớp gia-chính, dạy về cách quản-lý trong nhà, v. v..

Ấy đã lâu nay tôi vẫn mơ-tưởng một trường cao-đẳng cho bậc khuê-các như thế; cái mộng đó có bao giờ thành được không? Tôi không dám chắc, nhưng thật hết lòng mong-mỏi vậy.

Dù thực-hành được, dù chẳng thực-hành được, cũng là một câu chuyện bàn chơi, để cống-biến các nhà đề tâm về vấn-đề phụ-nữ. Vấn-đề này ở nước ta tuy chưa xuất-hiện ra một cách kịch-liệt như ở các nước, nhưng kẻ thức-giả cũng phải lưu-ý đến, vì sớm trưa tất có ngày phải giải-quyết, và giải-quyết ra thế nào thật có quan-hệ một phần to đến vận-mệnh nước nhà vậy.

Nếu cuộc diễn-thuyết của tôi bữa này đủ gợi ý các ngài về vấn-đề đó, thì tôi cũng lấy làm thỏa lòng vậy.

Nay xin cảm ơn cả các ngài, các quý-phu-nhân và quý-nương, đã có công chịu khó ngồi nghe được lâu như thế. Lần diễn-thuyết này là lần đầu có mời các bà các cô đến nghe. Tôi mong rằng các bà các cô cũng không lấy làm chán tai lắm, và có lẽ cũng nghe được giảm ba điều có ích. Được như vậy thì chúng tôi sẽ vui lòng thỉnh-thoảng mở cuộc diễn-thuyết cho nữ-giới, tương cũng là một sự hay, để đợi cho đến ngày sẽ có một trường *Phong-nhã học-viện*, biết đâu?...?

DÂN-TỘC NHẬT-BẢN⁽¹⁾

II

VII. — *Cái tôn-giáo của người Nhật.*

Trên đã thuật phong-tục dân-tộc Nhật-bản có những gì giống của ta hay khác của ta ; người Nhật theo những phong-tục đó một lẽ là vì những điều sùng-tin của họ. Vậy ta thử xem cách họ sùng-tin thế nào, mà trước hết là nên biết những tôn-giáo của họ.

Xưa kia người Nhật chỉ có ba tôn-giáo, là Thần-giáo (*Shintôisme*), Khổng-giáo (*Confucianisme*) và Phật-giáo (*Bouddhisme*). Nhưng từ thế-kỷ thứ 16, có những giáo-sĩ bên Âu sang giảng đạo nên người Nhật lại thêm một tôn-giáo nữa là Gia-tô-giáo (*Christianisme*).

a) *Thần-giáo.* — Thần-giáo là một tôn-giáo cổ nhất của người Nhật, và là một tôn-giáo phát-khởi chính ở nước Nhật chứ không phải ở nước ngoài đem vào. Thần-giáo trước thịnh-hành lắm, song từ thế-kỷ thứ 6 cho đến thế-kỷ thứ 19, vì có Phật-giáo truyền sang nên mới giảm bớt ít nhiều thế-lực. Nhưng ngày nay Thần-giáo vẫn có ảnh-hưởng sâu-xa đối với tư-tưởng phong-tục của người Nhật. Về thế-kỷ 17, 18, và 19, nhiều nhà văn-sĩ vì lòng yêu nước, hết sức cõ-động cho Thần-giáo là tôn-giáo riêng của dân-tộc Nhật được hơn Khổng-giáo và Phật-giáo là hai tôn-giáo tự ngoài truyền vào, và muốn đem chính-quyền bấy lâu vẫn ở tay Mạc-phủ trao lại cho nhà vua, là đòng-dõi các thần. Vì sự cõ-động ấy mà có việc Cách-mệnh năm 1868 ; từ đó Phật-giáo

không được Chính-phủ công-nhận mà chỉ công-nhận Thần-giáo thôi.

Thần-giáo là một tôn-giáo chuyên việc thờ-phụng các linh-hồn người chết mà người Nhật cho là đều thành thần cả. Những điều sùng-tin của người theo Thần-giáo cũng giống những điều sùng-tin của ta : họ tin rằng hồn ông bà ông vải vẫn đi lại luân-quay cạnh con cháu còn sống, khi thì về thăm phần-mộ, khi thì về thăm nhà cửa ở trước hay là nhà cửa con cháu ở. Con cháu có việc gì vui buồn cũng dự vào cả, và các ngài trông nom xem con cháu ăn-ở thế nào. Lúc sống tính-nết thế nào thì lúc chết các ngài vẫn giữ tính-nết ấy, nên có thần hiền-lành mà cũng có thần độc-ác, mà hết-thảy đều có quyền-phép thần-thông cả. Các việc xảy ra ở trên trần là do các thần làm ra cả : việc sinh-sản, việc làm cho ruộng tốt, cùng là các sự tai-biến lớn, đều là do các thần khiến nên cả. Hễ ai năng cúng vái thì các ngài phù-hộ cho được may-mắn phát-tài, hễ kẻ nào thờ-ơ quên cúng thì sẽ bị tai nạn khác ; các thần cũng biết thưởng-phạt tùy lúc tùy người.

Xem như thế thì người chết người sống đều liên-lạc với nhau. Người chết cũng phải cần đến người sống. Người chết mà được sung-sướng, đủ ăn đủ mặc, là nhờ người sống năng cúng bái, năng đem những đồ lễ đề lên trên mộ ; như một người vũ-sĩ thì đề một thanh kiếm, một người phụ-nữ thì đề một cái gương. Nhất là người sống phải yêu-mến, kính-trọng và biết ơn người chết. Người sống cũng nhờ

(1) Xem Nam-Phong số 81.

người chết nhiều lắm ; người chết mà phủ-hộ cho thì được sung-sướng, nếu người chết mà ghét bỏ tất bị khổ-sở lắm điều.

Các thần chia làm nhiều hạng : có hạng *gia-thần* thờ-phụng ở các điện trong nhà ; có hạng *hương-thần* thờ-phụng ở các đền miếu trong làng ; có hạng *quốc-thần*, là những bậc đại-công-thần đời trước và những tiên-tổ nhà vua, hạng thần này thờ-phụng trong tôn-miếu nhà vua và ở các đền gần hoàng-cung.

Người Nhật-bản cho là ở trên trời có nhiều thần lắm. Có sách nói rằng tất cả có 800 ức thần trông nom cho hạ-giới.

Có hai quyển kinh cổ về thế-kỷ thứ tám, một quyển bằng chữ Tàu, một quyển bằng chữ Nhật, có thuật truyện gốc-tích Thần-giáo, thuật khi khai-thiên lập-dịa thế nào. Trong sách ấy nói thế này :

Về đời hỗn-mang, tự-nhiên sinh ra trời đất và ba vị thần. Ba vị thần này bắt đầu việc tạo-thiên lập-dịa, trước hết luyên ra khí âm khí dương là căn cho các vật để sinh ra. Hai khí âm-dương ấy sinh ra hai anh em : anh tên là *Izanagi* tức là khí dương, em gái tên là *Izanami* tức là khí âm. Các thần kia liền truyền-chỉ cho hai anh em *IZANAGI* phải trông coi việc sáng-tạo thế-gian.

Hai anh em trước kia trong lòng trong-sạch, vì một lần trông thấy loài chim truyền hơi nhau, mà hiểu thế nào là ái-tình. Một hôm anh em đứng trên một cái cầu bắc ngang trời, cầm một cái giáo dất dầy bảo-thạch đập xuống bề, tự-nhiên chỗ bề ấy đóng lại thành một cái đảo, tức là một cái đảo trong nước Nhật ngày nay. Hai anh em bèn xuống đảo ấy ở, rồi yêu-mến nhau và lấy nhau làm vợ

chồng. Ấy do sự kết-hợp của hai anh em ấy mà tạo-thành các đảo khác của nước Nhật, rồi sinh ra các thần trong vũ-trụ. Con út của hai vợ chồng là một vị hỏa-thần, lúc ra đời làm cho mẹ bông mà phải chết. Chồng liền xuống âm-phủ để tìm vợ ; lúc gặp mặt liền nắm - ní xin trở lại với mình, nhưng phải chờ vợ vào nói với các Diêm - vương mới được. Trong khi chờ đợi lâu chàng sốt ruột mới bẻ một cái răng lược ra đốt cho khỏi nóng lòng. Nhưng lúc đốt cái răng lược lên thì tự-nhiên thấy trước mặt mình có một cái xác đã có ròi, nhìn kỹ thì là xác vợ, chàng sợ lắm liền chạy trốn. Nhưng vợ lại sai 1500 quỷ-sứ cùng 8 vị thiên-lôi đuổi theo bắt chồng lại. *IZANAGI* sợ quá liền xỏ một hòn núi lấp cửa ngục để thoát thân.

Khi thoát nạn, *Izanagi* xuống sông tắm cho trong mình được thanh-khiết. Nước chàng rửa mũi, sinh ra thần làm dòng bão cai-trị ngoài bề khơi là *Susanowo*. Nước chàng rửa mắt sinh ra hai vị thần khác : nước rửa mắt bên hữu thì sinh thần Thái-Âm (mặt trăng) chiếu sáng ban đêm ; nước rửa mắt bên tả thì sinh ra Thái-dương nữ-thần (*Amaterasu* : mặt trời) cai - trị trên trời. Các thiên-hoàng nước Nhật là dòng-dõi Thái-dương-thần cả.

Hải-thần *Susanowo* một hôm giận em *Amaterasu* mới hành-huog để làm cho em sợ. Hải-thần chọc thủng mái nhà chỗ Thái-dương - nữ-thần trông-nom việc dệt áo cho các thần, rồi bỏ một con ngựa con lột da xuống, làm cho bọn chức-nữ sợ-hãi kêu lên. Nữ-thần bực mình bỏ vào ở ẩn trong động, làm cho trời đất phải tối-tăm mù-mịt.

Các thần liền họp nhau lại ở sông Ngân-hà, đem những gà dến chogây lên họa may Thái-dương-thần có ra mà chiếu sáng cho thế-gian chăng. Nhưng

Thái-dương-thần cứ mặc. Các thần liền dùng mưu để làm cho thần Thái-dương phải ra ngoài. Các thần bèn làm một cái gương thật to để trước cửa động, một cái vòng bằng bảo-thạch và những lụa trắng và xanh, rồi sai một vị nữ-thần nhẩy múa trên một cái thùng để sắp lại, khi múa làm kêu thành-thình lên. Các thần cùng nhau cười vang, khiến cho nữ-thần Thái-dương lấy làm lạ mới dòm qua khe cửa hỏi các thần làm gì mà vui thế. Nữ-thần đang múa, trả lời rằng các thần vui cười là vì mới có một vị thần xuất-hiện, lộng-lẫy hơn Thái-dương-thần. Thái-dương-thần hé cửa dòm ra, thấy bóng mình trong gương, lấy làm lạ mới đi ra. Vừa ra khỏi thì một vị thiên-thần tay rất khỏe nắm lấy cổ tay nữ-thần kéo ra ngoài, một vị thần khác lấy một cái dây rơm giăng sau nữ-thần, làm cho nữ-thần không trở vào động được nữa. Từ đó thế-gian lại được chiếu sáng như trước.

Còn hải-thần *Susanowo* thì bị trục-xuất ra ngoài cảnh thiên-đình, dấy xuống hạ-giới. Khi ở hạ-giới, hải-thần có giết được một giống quái-vật là một con rắn tám đầu, cứ mỗi năm phải nộp cho nó một đứa con gái để nó ăn. Khi giết xong mổ ra thì trong bụng thấy một thanh bảo-kiếm. Hải-thần lấy thanh bảo-kiếm ấy rồi làm nên lăm thủ-đoạn anh-hùng khác.

Còn Thái-dương nữ-thần định giao các đảo cho một người dòng-dối thần cai-quản và ban cho ba thứ báu-bổ: một cái gương, một chiếc vòng ngọc-thạch và một thanh kiếm tức là biểu-hiệu cái quyền-thế.

Ấy gốc-tích Thần-giáo theo trong sách cổ truyền lại như thế. Cứ xem các truyện ấy thì hình như Thần-giáo không có một nền luân-lý nào như các tôn-giáo khác. Trong các sách đạo không thấy có điều gì khuyên

răn hay ngăn - cấm cả. Những nhà theo thần-giáo cho việc khiếm-khuyết đó là vì dân-tộc Nhật-bản không cần phải dạy luân-lý. Người Nhật vốn là dòng-dối thần-tiên thì khi sinh ra tự-nhiên đã biết thế nào là thiện là ác, cứ theo trong bụng mà làm tự-khắc là phải, không cần phải ai bảo-ban chỉ-giáo gì cả. Tiếng *Shinto* nghĩa là thần-đạo, là con đường của thần đi, chỉ có con đường ấy mới là chính-dáng, vậy những người theo Thần-đạo tất biết con đường ấy là hay, còn cần gì biết đường khác nữa. Nếu người Tàu và người Tây cần có các nhà hiền-triết khuyên-dạy bảo-ban, là vì họ tính-nết không ra gì, mới sinh ra đã hư rồi, cần phải có người chỉ nẻo đưa đường mới khỏi sai-lầm tội-lỗi.

Tuy người Nhật nói thế, nhưng thật ra thì trong Thần-giáo cũng có những điều cách-ngôn truyền - khẩu, hoặc khuyên điều thiện hoặc ngăn điều ác, cũng có một nền luân-lý khá gọi là hoàn-toàn được, vì có đủ gia-đình luân-lý, hương-thôn luân-lý, quốc-gia luân-lý và bản-thân luân-lý.

Gia-đình luân-lý. — Người Nhật coi gia-đình như là một nơi phải thờ-tự, phải phụng-sự, như là một tôn-giáo. Trước hết con cháu phải kính-trọng và nhớ ơn tiên-nhân. Trước bài-vị tổ-tiên mà nhà nào cũng có, phải cúng lễ khấn vái cũng như ta: vì người sống mà được sung-sướng về-vang là nhờ người chết. Vả lại người đã khuất đi rồi cần phải có người sống hoài-vọng đến: nếu người sống ra lòng nhạt-nhèo đối với người chết tức là phạm một điều đại-ác bất-công. Người chết biết ta hành-động thế nào, ta tu-tướng làm sao và biết được trong lòng ta muốn những sự gì: người chết có thể xét đoán được chúng ta. Nếu ta ăn ở không ra gì mà làm cho kẻ khuất phải đau lòng thì là

phạm một tội lớn. — Người Nhật cho rằng lòng kính - trọng tổ-tiên là nguồn các đức tốt khác : đối với người chết mà biết giữ trọn nghĩa-vụ thì tất là đối với người sống, nhất là đối với cha mẹ, cũng biết giữ hết phận mình. — Trong nhà cần phải có trật-tự kỷ-luật, người dưới phải tuân lời người trên : con phải tuân lời cha mẹ, vợ phải nghe chồng, em phải theo anh, cha mẹ phải chọn nghề-nghiệp cho con, phải lập thành gia-thất cho con. Việc hôn-nhân là việc can-hệ cho sự nối dõi tông-đường, nên làm con không có quyền tự-định muốn sao được vậy, muốn bỏ muốn lấy theo ý mình được ; bao giờ cũng phải theo quyền cha mẹ hay ông bà là người thay mặt cho tổ-tiên đã khuất trong dịp ấy. — Người trong một nhà nghĩa-vụ là phải phụ-tri giúp đỡ nhau, người trên phải lo liệu cho người dưới khỏi chịu nỗi khổ-sở buồn rầu. — Sau hết nghĩa-vụ cần nhất là phải lấy vợ để con đẻ giữ cho gia-đình khỏi mai-một, nhất là phải có một người con trai để theo việc phụng-sự tổ-tiên : không lấy vợ là một điều trái với phong-tục người Nhật. Nếu vợ không sinh nở thì người chồng được phép li-dị, hay là lấy thêm vợ lẽ để có con. Hoặc là nuôi một người trong họ, hay con rề để lấy người thừa-tự phụng-sự tổ-tiên.

Hương-thôn luân-lý. — Theo luân-lý này thì trong làng các gia-tộc đều phải tuân theo lệ khoán của làng, phải phụng-sự tổ-tiên chung. Người cùng làng không được cãi nhau, chửi nhau, khi có hoạn-nạn như hỏa-tai giặc cướp thì phải cứu nhau, người nào không tuân lệ làng thì phải trục-xuất cảnh-ngoại, không được sinh-cơ lập-nghiệp ở đâu cả, suốt đời chỉ đi lang-thang nay đây mai đó

thời. Hương-thôn luân-lý lại còn giúp cho gia - đình luân - lý nữa. Người nào không giữ đủ bổn-phận trong gia-đình thì ra chỗ lang-mạc không ai coi ra gì cả.

Quốc-gia luân-lý. — Trên gia-đình và hương-thôn thì có quốc-gia. Nếu đã phụng-sự tổ-tiên một họ, tổ-tiên chung một làng, thì cũng phải phụng-sự các tiên-lễ nhà vua nữa. Làm con phải hiếu thì làm dân phải trung. Quốc-gia luân - lý dựa vào tôn-giáo : quần-đảo Nhật-bản là do hai thần *Izanagi* và *Izanami* tạo-thành thì nước Nhật tức là một nước của các vị thần-thánh, dân-tộc Nhật là một dân-tộc dòng-dõi thần-tiên ; Thiên-hoàng là dòng-dõi Thái-dương-thần tức là một vị thay mặt thánh-thần mà làm vua nước Nhật và làm giáo-chủ nữa. Người Nhật bao giờ cũng phải tuân theo lệnh Thiên-hoàng, phải kính-trọng quân-quyền và phải theo lệnh các quan trên. Người Nhật bao giờ cũng phải hiến mình cho vua cho nước : cơ-nghiệp, tự - do, sinh-mệnh vợ con đều phải hi-sinh cho nước cả.

Bôn-thân luân-lý. — Bôn - thân luân - lý là đối với các thần khi cúng lễ phải giữ mình cho trai-khiết. Trong lòng phải thanh - tĩnh, và khi vào đền miếu thì phải tắm gội cho thật sạch. Giữ cho thân-thể sạch-sẻ, người Nhật coi là một nghĩa-vụ thuộc về tôn-giáo.

Tóm lại : theo luân-lý của Thần-giáo thì người Nhật phải kính-trọng người xưa, phải phụng-thờ người chết, nhớ ơn tiên-tổ, kính-trọng những bậc già-cả và cha mẹ, phải tự mình theo khuôn-phép, phải phụ-tri giúp đỡ nhau, phải có lòng ái-quốc trung-quân, phải giữ cho trong mình được thanh-khiết, v. v. .

Xem như thế thì tuy Thần-giáo gốc-tích huyền-hồ kỳ-quặc, song cũng là một tôn-giáo có lắm điều cao-thượng đáng theo. Những đền miếu bên Thần-giáo làm sơ-sài lắm. Làm bằng gỗ dẽ mộc không sơn thếp gì cả. Mái dền dốc mà thẳng chứ không cong vòng, lợp bằng rạ hay bằng gỗ thông. Chung quanh dền bao giờ cũng có hàng rào bằng gỗ hay bằng tre. Những đền miếu ấy thường sây gần cạnh những nơi có nhiều cây cỏ-thụ, những cây ấy nguyên trước là cốt dẽ lấy gỗ làm dền, nhưng sau vì lòng sùng-tín không dám chặt cây lấy gỗ nữa. Chỗ cửa sây vào trong dền, thường có những tượng thần cầm cung coi dền, hay là những chó đá đề trừ ma quỷ khỏi bén-mãng đến. Gần dền lại thường có những tượng loài hồ nữa. — Ở trong dền thì không có bày-biện gì cả; không có đồ thờ, không có tượng thần, chỉ trong thẳm cung có bày một cái gương và một thanh kiếm, nhưng trong cung ấy không ai vào được. Cũng có khi họ lấy rơm làm thừng rồi chằng chung quanh dền, vì khi giữ Thái-dương-thần không cho vào động thì có dùng thừng rơm. — Họ lại dùng những giấy cắt một cách riêng để kỷ-niệm lúc các thần dâng quần áo cho Thái-dương nữ-thần nữa. Đền về Thần-giáo có tiếng nhất là đền ở *Isé*. *Isé* tức cũng như thành *Rome* của Gia-tô-giáo, thành *Mecque* của đạo Hồi-hồi, hay thành *Bénarès* của đạo Bà-là-môn. Đền ấy xây từ đời thượng-cổ, song nay xem hãy còn mới, vì cứ 20 năm thì lại làm lại một lần giống như kiểu cũ.

Những giáo-sĩ theo Thần-đạo có phép lấy vợ, và có thể làm thêm nghề khác được. Khi lễ thần thì phải mặc áo thụng trắng rộng tay, trên đầu đội một cái mũ đen buộc giải trắng. Cúng thần thì dùng cơm, rau, hoa, quả,

cá, v. v., và phải tụng kinh hay đọc những thần-chú làm từ đời thượng-cổ gọi là *Norito*. Khi cúng lễ lại có những hạng thiêu-nữ nhảy múa một cách riêng gọi là *Kagura*, nhảy múa thế là để kỷ niệm lúc Thái-dương-thần ở ẩn trong động có một vị nữ-thần nhảy múa để làm cho Thái-dương phải ra. Ai đến xem múa cũng phải cúng ít nhiều tiền vào dền.

Đó là những điều nên biết về Thần-đạo là một tôn-giáo rất cổ của dân-tộc Nhật-bản, Ngoài Thần-giáo người Nhật còn theo Khổng-giáo, Phật-giáo và Gia-tô-giáo nữa.

b) *Khổng-giáo*. — Kể những tôn-giáo ở ngoài truyền vào Nhật-bản thì Khổng-giáo truyền vào trước tiên, cùng với văn-minh Trung-quốc sang nước Nhật từ đầu thế-kỷ thứ nhất. Từ lúc mới vào cho đến thế-kỷ 17 Khổng-giáo chỉ có ảnh-hưởng đối với hạng có học-thức thôi. Thời ấy, có một nhà đại-chính-trị tên là *IYETASU* nhất-định cho xuất-bản và ban phát những sách tâu về Khổng-giáo cho dân Nhật học. Sau nhờ những tư-tưởng của Khổng-giáo, nhờ cái luân-lý của Khổng-tử mà nước Nhật lập thành một nền quân-chủ rất có thể-lực, và sự giáo-dục người Nhật cũng chịu ảnh-hưởng nhiều. Vì Khổng-giáo không nói đến những truyện thần-thánh, cho là những điều mình không thể biết được, đối với quỷ-thần chỉ nên một lòng kính-cẩn là đủ; vì Khổng-giáo chỉ bàn đến những sự cần cho người đời ở thế-gian, nên người Nhật lấy làm vừa ý lắm. Nhất là luân-lý của Khổng-giáo lại rất hợp với tính-tình người Nhật, vì theo thần-giáo mà đã biết yêu-mến gia-dình, kính-trọng tiền-phần. Theo Khổng-giáo thì điều cốt nhất cho người ta là làm con phải giữ cho trọn chữ hiếu. Sách luân-lý mà người Nhật thích xem nhất là quyển *Nhi-thập-tứ-hiếu*.

Khổng-giáo lại còn dạy người ta ngoài chữ hiếu, phải biết kính-trọng các hàng quan-chức, và phải tôn-trọng người trên, nhất là đối với thầy học, vua chúa. Đối với thầy phải giữ lễ - phép, đối với vua phải một dạ trung-thành ; dù phải hi-sinh tính-mệnh cũng không nề. Khi vua, thầy hay cha mẹ bị ai làm nhục, thì làm thế nào cũng phải trả thù cho được, cái thù ấy là thù không đội trời chung. Nếu không trả được thù thì phải mổ bụng mà quyên-sinh ; cái tục mổ bụng quyên-sinh này bên Nhật gọi là *harakiri*.

Các nhà vũ-sĩ Nhật biết trọng danh-tiết một cách rất cao, cũng là nhờ luân-lý đạo Khổng mà ra. Võ-sĩ Nhật có một nền luân-lý riêng gọi là Võ-sĩ-đạo (*Bushido*), theo luân-lý ấy các bậc vương-tướng cùng các nhà vũ-sĩ chư-hầu đều có nghĩa-vụ đối với nhau. Luân-lý ấy dạy phải luyện tính can-đảm, phải ưa sự giản-dị, phải thành-tín, phải công-bình, phải bỏ lòng tư-lợi, phải coi chết như không.

Hiện nay bên Nhật-bản Khổng-giáo không thể coi như là một tôn-giáo có đủ cơ-quan như Thần-giáo, song có nhiều người học-thức theo lắm.

c) *Phật-giáo*. — Phật-giáo vào nước Nhật từ thế-kỷ thứ 6, do người Cao-ly truyền sang, mà Phật-giáo truyền vào Cao-ly là do Trung-quốc. Đây không cần nói đến căn - nguyên đạo Phật, vì là một vấn - đề phiền-phức rộng lắm. Ta chỉ nên biết rằng Phật-giáo phát-sinh ở Ấn - độ, sau chia làm hai phái : một phái về phía nam (Tiền-thừa) nguyên cốt ở đảo Tích-lan, rồi truyền sang Diêm-diện, Xiêm-la ; một phái về phía bắc (Đại-thừa) và truyền-bá ở Tây-tạng, Trung-quốc, rồi sang Cao-ly và Nhật-bản về thế-kỷ thứ 6. Cái chùa cổ nhất dựng lên bởi cuối thế-kỷ thứ 6, và các vua Cao-ly

có gửi biểu Thiên-hoàng nhiều pho tượng Phật bằng vàng. Nhưng lúc đầu vì các giáo-sĩ Thần-đạo phản-đối, nên các sư theo Phật-giáo bị hành-hạ giết-tróc rất khổ-sở. Sự ngược-đãi ấy là vì đạo Phật có lắm điều trái hẳn với những sự sùng-tín của Thần-giáo. Nhưng sau người Nhật hoán-cải đạo Phật ít nhiều để hai tôn-giáo không phản-đối nhau lắm, và dung-hợp các điều sùng-tín của hai bên lại, vì thế nên đạo Phật ở bên Nhật ngày nay có nhiều điều khác đạo Phật ở Trung-quốc.

Từ thế-kỷ thứ 9, Phật-giáo có ảnh-hưởng to đối với việc giáo-dục và sự sinh-hoạt của người Nhật : nhờ có cái ảnh-hưởng Phật-giáo mà người Nhật mới có những nghề chạm, nghề sơn, nghề vẽ và nhiều mỹ-nghề khác. Các giáo-sĩ bên Thần-đạo không truyền đạo và không dạy học, mà dèm miếu thì không có gì là quý cả. Còn các tăng-đồ Phật-giáo thì đi truyền đạo mọi nơi, mở trường dạy học, mà trong các chùa thì đồ thờ bày-biện trông ngoạn-mục lắm, vì thế nên đạo Phật ảnh-hưởng rất to mà truyền-bá cũng mau. Mãi đến năm 1868, đạo Phật còn là tôn-giáo Chính-phủ tôn-trọng nhất, sau cuộc Cách-mệnh mới bị Thần-giáo chiếm mất cái địa-vị ấy, nhưng hiện nay vẫn có thế-lực rất to.

Người Nhật rất sùng-bái một vị Phật cũng gọi là Quan-thế-âm. Sự tích Quan-âm Nhật-bản như sau này:

Công-chúa *Kwanyin* người rất đẹp và rất nhân-đức, thấy ai đau-dớn cũng có lòng thương, chỉ tìm cách cứu người trong cơn khổ-não, mà thấy ai khổ-sở không cứu được thì công-chúa lấy làm buồn lắm. Thường-thường hễ Công-chúa nghĩ đến cảnh địa-ngục thì lại ủ-dột nét hoa, vì nghĩ đến lũ chúng-sinh bị hình-phạt

thì Công-chúa thương xót vô-cùng. Một hôm Công-chúa xuống địa-phủ thì tự-nhiên có một việc dị-kỳ. Công-chúa người đẹp và lòng từ-tế quá đến nỗi đi đến đâu thì lũ tù-tội, tự thấy trong mình khoan-khoái dễ chịu đến đấy, ai trông thấy Công-chúa đi qua rét mặt phúc-hậu tươi-tinh thì trong lòng đều lấy làm sung-sướng. Công-chúa có hào-quang chiếu quanh mình và đi đến đâu thì hoa mọc dưới chân đến đấy. Ấy chỉ vì có Quan-âm xuống chơi địa-phủ mà chốn binh-phạt đau-dớn trở nên một nơi vui-vẻ tươi-tươi, Âm-ti thành ra Tiên-cảnh.

Lại một vị Phật nữa tên gọi *Djizo*, là một vị Phật rất có lòng yêu-mến lũ trẻ con. Hễ trẻ con khóc thì có Phật này đến dỗ-dành cho nín. Phật này lại là bạn chơi với những trẻ con yêu-tử.

Trong các chùa bên Nhật chùa nào cũng có tượng Quan-âm và tượng Phật *Djizo*, vì là hai vị Phật người Nhật sùng-bái hơn cả.

Phật-giáo cũng có một nền luân-lý, dạy người ta phải biết thương nhân-loại ai cũng như ai và phải yên phận chịu những điều khổ-não, không được than-thở phàn-nàn. Không những phải thương người mà lại còn phải biết thương xót loài vật nữa. Vì điều khuyên này nên người Nhật không ăn thịt các loài vật, chỉ trừ cá mà thôi. Người Nhật biết thương loài vật lắm, nên có một kỳ hội-ngộ Vạn-quốc ở *La Haye* (Hải-nha) một nhà sư Nhật cố hết sức xin thêm vào luật Hồng-thập-tự một khoản thuộc về lừa-ngựa, nhưng không được như-ý. Lại hồi Nhật-Nga chiến-tranh, có một người Nhật lấy vỏ đạn thần-công dựng một bức tượng Quan-Âm để yên-ôn vong-

linh những ngựa đã bị chết trong khi trận-mạc.

Ở nước Nhật ngày nay rất có nhiều chùa làm bằng gỗ sơn và chạm theo kiểu Ấn-độ và Trung-hoa. Trong chùa cũng có những tượng Phật và có khi có chạm cảnh Tây-phương, cảnh địa-ngục như trong các chùa bên ta. Những tăng-đồ đạo Phật cũng cạo đầu trọc như các sư bên ta, khi giảng kinh mặc một cái áo mùi trắng vàng hay đen. Nhưng khi làm đại-lễ thì mặc áo sắc-sỡ, cổ quàng giải trắng, mình mặc áo cà-sa bằng lụa thêu hay bằng vóc dù các mùi. Lúc lễ thì các nhà sư giảng thập-diệu, tụng kinh, vừa tụng vừa lễ, thỉnh-thoảng lại gõ chuông, trên bàn thờ thì nến thắp sáng choang, hương đốt thơm nức. Những người đến lễ cũng đọc kinh và niệm câu « *Namu Amida But su* » (Na-mô A-di-dà Phật). Những người theo đạo Phật khi có người nhà chết thường mời sư đến tụng kinh siêu-dộ cho vong-linh. Và từ 13 đến 16 tháng bảy trong các chùa có làm lễ vong-nhân xá-tội cho những người chết được về thăm nước thăm nhà.

Trên này là nói về ba tôn-giáo tối-cổ ở nước Nhật: Thần-giáo, Khổng-giáo và Phật-giáo, là ba tôn-giáo đã cùng nhau dựng nên một nền luân-lý cho dân-tộc Nhật-bản, và có ảnh-hưởng rất sâu-xa đối với tư-tưởng, tính-tình, phong-tục người Nhật. Người Nhật sở-dĩ ưa sạch-sẽ, thích giản-dị, đối với người ngoài rất lễ-phép, đối với gia-đình rất yêu-mến, đối với nước với vua một dạ trung-thành, người Nhật mà thế là nhờ những tôn-giáo trên kia cả; vì theo Thần-giáo thì khi đi lễ-bái các thần trong mình phải sạch-sẽ, trong lòng phải thanh-khiết, theo Phật-giáo thì chỉ cốt tu-tâm tu-tính chứ không cần trang-sức bề ngoài, theo Khổng-

giáo thì phải biết ơn người trước, phải qui-trọng những của ông cha để lại không nên phí-phạng, phải kính-cần những ông già bà cả, phải một lòng trung-tin với đấng quân-vương...

D) *Gia-tô-giáo*. — Nhưng ngoài ba cái tôn-giáo ấy, từ khi Âu-Á giao-thông, từ khi có người Thái-Tây sang thông-thương và giảng đạo ở Viễn-đông, tức là từ thế-kỷ thứ 16 người Nhật lại thêm một tôn-giáo nữa là Gia-tô-giáo. Giáo-sĩ Gia-tô vào nước Nhật đầu tiên là Có *François Xavier*, sau có các cố đạo người Bồ-đào-nhà và I-pha-nho sang giảng đạo. Hồi đầu thế-kỷ thứ 17 có độ một triệu người Nhật theo đạo Gia-tô. Số người Nhật theo tôn-giáo mới ấy nhiều thế là vì dân-tộc Nhật bấy giờ đã biết trọng cái tự-do tín-ngưỡng của người ta, không ngăn-cấm các nhà truyền-giáo như ở các xứ khác. Nhưng sau vì sợ bọn di giảng-đạo có ý dòm-hành gì khác, nên mới có lệnh cấm đạo Gia-tô. Chính-phủ cấm những người Âu-châu không cho vào nước Nhật, và ai theo đạo Gia-tô thì bị xử-tử. Lệnh ấy ra từ năm 1614. Chính-phủ lại còn bắt những người trước có theo đạo Gia-tô phải bước qua thánh-giá để xem có thực lòng bỏ đạo không. Vì thế mà những người có đạo Gia-tô năm 1637 nổi loạn, nhưng bị Chính-phủ giết sạch. Đạo Gia-tô bị cấm mãi đến năm 1873 mới có lệnh cho phép giáo-sĩ truyền đạo. Trước khi ấy việc giảng-đạo thật có lắm sự nguy-hiểm khó-khăn lắm. Năm 1862, nhà-nước có truyền lệnh hễ ai tở-giác được những người có đạo thì được thưởng: tở-giác một ông cố thì được thưởng 500 bạc; tở-giác một người thường theo đạo thì được thưởng 300 bạc.

Nhưng từ khi có lệnh cho phép giảng-

đạo thì sự truyền-bá thật là được tự-do, và hiện nay ở Nhật có độ 5, 6 vạn người theo. Nhưng trong bọn người theo đạo Gia-tô này, có nhiều người chỉ tạm theo đạo ít lâu để tiện học cho kỹ các tôn-giáo Âu-châu và để nhớ các cố đạo dạy học tiếng ngoại-quốc thôi, rồi sau lại bỏ đạo mà theo tôn-giáo nước nhà.

e) *Các điều mê-tin của dân Nhật-bản*. — Sau khi nói về các tôn-giáo của người Nhật, tưởng cũng nên nghiên-cứu xem người Nhật có những sự mê-tin gì.

1^o Trước hết người Nhật có thờ bảy vị phúc-thần: một vị tên là *Fukuroku-jyu* là một ông lão đầu rất dài, có tràm khạo, là thần may rủi, và biểu-hiệu cái tuđi già khôn-ngoan và sung-sướng; một vị tên *Iyurojin* là thần tuổi trẻ hăng-hải, bao giờ bên mình cũng có một con hươu hay con hạc; một vị tên là *Ebisu* là thần lao-động thành-thực, tay cầm cần câu có một con cá; một vị tên là *Daikoku* chung quanh mình thóc gạo bừa-bãi, đó tức là một vị tài-thần; một vị tên là *Hotei* là thần ăn chơi, mặt to bụng phệ; một vị tên là *Bishyamon*, mình mặc giáp-trụ, một tay cầm cái chùy con, một tay cầm giáo, tên là thần chiến-thắng; một vị nữa là một vị nữ-thần tên gọi *Benten* khi thì gảy đàn ti-bà, khi thì cưỡi rồng, đó tức là thần nhan-sắc, mỹ-nghệ và ái-tình.

2^o Trong dân-gian, thường tin có ma-quỉ, và tin rằng ma-quỉ hay trêu ghẹo bỡn cợt người sống. Sợ nhất là giống ma *tengu* là giống ma hình người, mũi dài như cán thuồng, có khi có mỏ có cánh như chim.

3^o Về giống hồ (giống cáo) người Nhật có những điều mê-tin kỳ-khởi lắm. Họ cho là có những giống hồ-tinh thường hiện ra người để trêu ghẹo người sống. Họ thuật một truyện kỳ-

quái này : có một chàng tên gọi *Ô-nô*, gặp một người con gái nhan - sắc kuyah-thành mới lấy làm vợ. Một hôm chàng trông thấy vợ bị một con chó đuôi cẩu, hóa ra con cáo nhầy qua hàng rào. Tuy vậy chàng ta cũng năn-nỉ xin vợ về với mình thì từ khi ấy cứ đêm đến là con hồ-tinh lại về ăn nằm với chàng. — Đàn-bà Nhật thường hay mắc một thứ bệnh thần-kinh mà họ gọi là bệnh « hồ-tinh làm » : hồ-tinh nhập vào người qua ngực hay qua những kẽ tay rồi làm cho người ấy đau, ăn ở một cách khác hẳn xưa đi, chỉ suốt ngày cãi nhau ầm-ĩ với hồ-tinh thôi. Họ cho rằng ai bị bệnh hồ-tinh cứ mời các nhà sư đến lễ-bái dùng phép phù-thủy chữa cho tất khỏi. — Họ lại còn tin rằng ở những vùng nhà quê có lắm người có phép sai khiến được những hồ-tinh đi làm bệnh người nào chúng ghét. Họ rất sợ những người ấy và không ai dám làm thân với họ cả.

4o Trong một vài đảo, người ta lại tin là giống chó cũng thành tinh như giống hổ và cũng hay đi làm người ta đau như thế. — Lại một giống gọi là *blaireau* cũng thành tinh, cứ đêm đến là đi hai chân sau, đeo trống trước bụng đánh thùng-thùng đến những nhà người nhát gõ cửa để trên, giấu những đồ-dạc, ăn trộm tiền bạc, làm cho những người đi khuya phải lạc đường, và làm lắm cách trêu ghẹo người sống nữa.

5o Người Nhật còn tin rằng trong đời người ta có những năm sung tuổi hạn cần phải đề-phòng, như đàn-ông thì năm 25, 42, 61 tuổi; đàn-bà thì năm 19, 33 và 37 tuổi. Những năm ấy phải giữ mình và phải cúng lễ thì mới tránh được tai-nạn. Đàn-ông đàn-bà cũng vậy, những năm 16, 25, 34, 43, 52, 61 tuổi thì chớ nên dọn nhà. Những điều mê-tin ấy do người Tàu truyền sang.

6o Đối với các bệnh-lật cũng có lắm điều tin nhảm. Người nào đổ máu cam thì phải lấy một mảnh giấy gấp làm tám, giúng vào nước giếng mới lấy lên, rồi để lên đầu tất khỏi. — Người nào ho thì lấy một tờ giấy viết thơ của Nhật dán vào đầu gối, đàn-ông thì bên trái, đàn-bà thì bên phải, như thế tất khỏi. — Người nào phải bệnh tê, không di được, thì lấy một ít bụi ở dưới chiếu rải trong nhà để vào đầu mũi rồi nói : « Hãy đi đến kinh-thành đi ! » Như thế tất đi được. — Người nào sốt rét cách-nhật thì lấy một tờ giấy trong viết câu « Lá rụng, tàu đi », rồi viên tròn nuốt trứng tất là khỏi sốt rét. . .

7o Về ái-tình cũng có lắm sự tin ngộ-nghĩnh. Đêm đi ngủ hễ mặc áo trái thì tất mê thấy tinh-nhân. — Trong khi mong đợi người yêu, mà giải áo trong đứt, hoặc hắt hơi, hoặc máy mắt hay máy tai, hoặc thấy nhện sa, thì thế nào cũng gặp mặt tinh-nhân. — Muốn cho vợ hay tinh-nhân yêu thì lấy một cái xương bồ-câu dục gáy giữa hôm mồng năm tháng năm, cho vào một cái túi đỏ đeo ở trong mình, thì cái lòng-âu-yếm kia không bao giờ phai nhạt.

8o Người Nhật có một con trâu bằng đồng, hễ ai đau ốm thì cứ đến sờ vào trâu, đau chỗ nào thì sờ vào chỗ ấy, tự-nhiên khỏi bệnh.

Đó là mấy điều mê-tin của dân-tộc Nhật-bản, nhưng chỉ hạng thường-dân hạ-lưu mới tin những sự đó thôi, chứ hạng thượng-lưu học-thức thì không có những điều tin nhảm như thế.

VIII. — Đàn-bà Nhật địa-vị thế nào ?

Trên này là nói về tình-cảnh phong-tục dân-tộc Nhật-bản, song là nói chung cả đàn-ông đàn-bà. Nay tưởng nên biết tình-cảnh phong-tục riêng đám phụ-nữ ra làm sao và đàn-bà Nhật địa-vị thế nào trong xã-hội Nhật-bản.

a) *Nhan-sắc và tâm-tinh đàn - bà Nhật.* — Người Thái-Tây sang Nhật, cái điều thích nhất là đàn-bà con gái Nhật; ai nấy đều công-nhận đàn-bà Nhật có một cái vẻ đẹp thù-mị, không đàn-bà nước nào có cả. Một nhà du-lich có nói: « Nước Nhật có một thứ quý nhất, ấy là đám phụ-nữ; người ngoại-quốc yêu nước Nhật là yêu đám phụ-nữ Nhật, yêu cái miệng tươi-ấn, yêu con mắt hữu-tình, yêu cái vẻ kiều-mị, yêu cái dáng dệu-dàng; đàn-bà Nhật thật là một vật hoàn-mĩ hoàn-thiện của nước Nhật. »

Đàn-bà Nhật đẹp thì đẹp thật, nhưng vì cái đẹp đó mà sinh ra lắm điều nguy-hiểm cho người ta, nên có một nhà giáo - sĩ Gia-tô đã nói: « Người ngoại-quốc vào nước Nhật thường bị lắm điều cảm - dỗ thật là nguy hiểm, nhiều người dù gan lì dạ dạn cũng không chống lại được với cái nhan-sắc của đàn-bà Nhật. Trừ ra các ông Cố đạo, còn người Âu-châu ở Nhật ít người tránh khỏi được cái sống khuynh-thành của đàn-bà Nhật! » Vì thế nên người Âu-châu lấy vợ Nhật, trước định lấy tạm-thời, mà sau hóa ra ư ư vì nết say vì tình mà không sao bỏ được nữa.

Đàn-bà Nhật có một đức-tính rất hay là cái tính phục-tùng. Khi ở nhà cha mẹ bảo gì cũng vui lòng tuân mệnh, khi lấy chồng thì một bụng theo lời chồng. Hình như đàn-bà Nhật trong lòng lúc nào cũng muốn làm cho người mình yêu được sung-sướng mà thôi, không có đàn-bà nước nào là tươi-tinh dễ thương như đàn-bà Nhật.

Vì đàn-bà Nhật hiền lành, dễ bảo, lại biết cách chiều-chuộng tử-tế, nên người Âu lấy làm thích lắm; đối với đàn-bà Nhật thì các bà-đầm Âu-châu trông to lớn rành-ràng, chân tay cứng ngắc, tính nết kiêu-ngạo, rất là khó chịu. Đàn-bà Nhật hay giữ-gìn e-lệ

lắm, ăn nói đứng ngồi rất là khép nép. Không kể hạng thanh-lâu hồng-lâu, còn đàn-bà Nhật phần nhiều rất là nết-na dưng-dẫn, vì trong cách cử-chỉ bao giờ cũng tuân theo ý mẹ cha.

b) *Địa-vị đàn-bà Nhật.* — Đàn-bà Nhật tuy có nhan-sắc, tuy có nhiều nết hay, thế mà trong gia-dình trong xã-hội phải giữ một cái địa-vị rất kém-cỏi, cũng như đàn-bà Việt-Nam ta.

Tuy rằng đàn-bà Nhật được cha mẹ chồng con trông nom một cách tử-tế hơn bên Ấn-độ và Trung - hoa, tuy không phải giam-hãm trong nhà kín, ra phố không phải dùng mạng che mặt, tuy rằng ít khi bị đánh đập, nhưng đối với đàn-ông vẫn phải cái địa-vị kém-cỏi, phải tùy-tùng, không được tự-do sinh-hoạt, không có quyền gì, suốt đời chỉ như một đứa trẻ vị-thành-nhân thôi.

Con gái Nhật lúc mới sinh ra đã không được hoan-nghênh như con trai, vì con gái không thể nổi việc phụng-sự tổ-liên được, con gái là con người ta, khi lớn lên gả chồng thì phải lo việc nhà chồng.

Những nhà gia-giáo, con gái không bao giờ nghĩ đến truyện chồng con, vì biết rằng không được quyền kén chọn theo ý mình, cha mẹ đặt đâu là phải ngồi đấy, dù chồng xấu-xa không vừa lòng cũng phải chịu. Vì thế nên trước khi lấy chồng thường không được biết rõ mặt chồng. — Nhưng đám cưới vì ái-tình thật là hiếm có, mà nếu lấy nhau vì mê nhau thường lại là một điều tai-tiếng nữa.

Đàn-bà Nhật-bản không phải người yêu của chồng, chỉ là vợ, nghĩa là người lấy về để hầu-bạ cha mẹ và đẻ sinh con đẻ cái nối dõi tông - đường mà thôi. Khi ở với mẹ chồng thì mẹ chồng bảo sao cũng phải vâng lời, dù mẹ chồng khi giận có đánh đập

ẽng phải mỉm cười mà chịu. Đối với chồng thì vợ tức là kẻ gia-nhân thứ nhất trong nhà để cho chồng sai khiến, chồng muốn gì thì phải vội-vàng chạy đi lấy ngay cho, khi chồng đi chơi thì phải cúi mình ở cửa để kiến chân chồng, khi chồng ăn thì phải hầu cơm hầu rượu. — Nếu cùng đi ra ngoài với chồng mà đi bộ thì phải đi sau chồng mấy bước chớ không được đi ngang hàng. — Nếu trời mưa thì vợ che ô cho chồng, dẫu có thấp mà phải kiên chân (cũng mặc, chớ chồng không khi nào cầm ô che cho vợ. — Đi xe hỏa, thì chồng nắm chĩnh-chệp, chiếm những chỗ rộng-rãi, chần gối hần-hoi, còn vợ thì ngồi eo vào một xó, đau mình cũng phải chịu.

Trong gia - đình, người đàn - bà không có quyền định-đoán gì, không có gì là của riêng mình, và việc của chồng thường không được rõ đầu đuôi gốc ngọn gì cả. — Có khách đến thăm chồng mà chồng đi vắng thì dẫu bạn thân cũng không được tiếp.

Còn chồng thì không những có nhân-tính nhân-ngãi ở ngoài, trong nhà lại còn được phép lấy thêm vợ lẽ nàng hầu những khi vợ không sinh không đẻ. Hễ bao giờ vợ không vừa ý chồng hay cha mẹ chồng thì lại phủ cho về. Chồng không những được bỏ vợ khi vợ gian-dâm, trộm - cắp hay bệnh-tật, hiểm-hoi mà thôi, lại được quyền bỏ vợ, khi vợ vô-phép với cha mẹ chồng, quá ghen tuông hay là lắm mồm lắm miệng nữa. Cũng có khi vì chồng yêu mà mẹ chồng ghét mà người vợ cũng phải cho về. Vì thế cho nên bên Nhật có lắm việc ly-hôn: một trăm đám cưới thì đến 50 đám sau vợ chồng bỏ nhau. Mà khi bỏ vợ, người chồng lại có quyền giữ cả con, vì thế cho nên lắm người đàn-bà thà chịu khổ-sở đau-dớn còn hơn là để

cho con mình sau này không ai trông nom săn-sóc đến.

Cái địa-vị đàn-bà Nhật tuy kém thế, cái số-phận đàn - bà Nhật tuy bẽ-mảm thế, mà đàn-bà Nhật vẫn vui lòng cam chịu, không phản-đối, không đòi quyền lợi kia gì cả. Có người lại cho thế là sung-sướng mà yên phận, chẳng bù với lắm các bà các cô nước nhà theo giáo-dục mới ngày nay đòi hô-hào cõ-dộng nữ-quyền, đòi bình-dẳng, đòi tự-do, v.v.. Đó là nói về những nhà khuê-các gia-giáo. — Còn hạng đàn-bà lấy chồng làm ruộng, làm thợ hay đi buôn, tuy rằng phải làm - lụng vất-vả, nhưng được rộng-rãi tự-do hơn, và nếu dám-dang thì thay chồng mà coi-sóc việc nhà cũng có. Còn hạng phụ-nữ làm trong các nhà máy thì thật là lắm sự khổ-sở hiềm - nghèo, dù ở đâu cũng vậy, nên không cần phải nói đến làm gì.

Một nhà trước-thuật nước Anh làm sách về nước Nhật có một thiên tiểu-thuyết, tả rõ cái tình-cảnh đàn-bà Nhật một cách rất cảm-dộng. Truyện ấy thế này :

Xuân-nương là con gái một nhà thế-phiệt, khi còn bé được cha mẹ dạy theo khuôn-phép cũ, nhờ có cái giáo-dục gia-đình ấy mà Xuân-nương thành một bậc thiếu-nữ đã nhan-sắc dịu-dàng lại tính-nết đoan-trang hòa-nhã nữa, thật là có một không hai. Lúc còn ở nhà, cha mẹ đã dạy đạo làm vợ thờ chồng: đối với chồng không được bao giờ tỏ lòng giận-rối ghen-tuông hay là buồn-bực, dù thế nào cũng phải cần rặng mà chịu, chồng có hư chỉ nên ngọt-ngào mà khuyên dỗ chồng thôi.

Xuân-nương lấy chồng dòng-dõi kém mình. Tuy vậy nàng vẫn hết dạ thờ chồng mà chồng vàng có thẫu

truyện cổ-tích có nhiều truyện dân-bà làm đầu đảng những các bộ-lạc và đến thế-kỷ thứ 12, trong triều-dinh đám phụ-nữ vẫn còn được giữ quyền-chính.

Thế thì tại sao địa-vị dân-bà Nhật trước cao-trọng mà sau lại kém-cỏi thế? Cái căn-nguyên sự đổi thay đó, là do ở nền luân-lý Khổng-giáo, vì theo Khổng-giáo thì đàn-ông bao giờ cũng vẫn tôn-trọng hơn đàn-bà. Tuy Khổng-giáo truyền sang Nhật-bản từ thế-kỷ thứ nhất, song mãi đến thế-kỷ thứ 17 thì mới có ảnh-hưởng to đối với phong-tục người Nhật. Chính từ đó mà đàn-bà Nhật phải chịu một cái địa-vị kém-cỏi, vì đàn-bà phải giữ đạo tam-tòng. Đàn-bà phải coi chồng như là một ông chúa-tể, phải hết lòng kính-cần và một dạ phục-tùng. Đối với chồng nói-năng phải giữ theo khuôn-phép và không được trái ý bao giờ. Vì người Nhật nhiệm những cái tư-tướng ấy nên có đặt ra 13 điều cho cha mẹ khuyên-răn con gái khi còn bé bắt phải chép và học thuộc lòng, và hôm về nhà chồng thì cha mẹ trao cho một bản.

Mười ba điều ấy là :

1° Phải kính-trọng vâng lời cha mẹ chồng.

2° Phải kính-trọng vâng lời chồng như là bầy tôi đối với vua.

3° Phải hòa-thuận với anh em họ hàng nhà chồng.

4° Không được ghen-tuông : chồng có mắng chửi chớ nên giận rồi.

5° Khi chồng có điều không phải thì ngọt-ngào mà khuyên can.

6° Nên ít tiếng ít lời và không được nói tục nói dối.

7° Ở ăn phải có ý-từ. Sáng phải dậy sớm, đêm phải thức khuya, ngày không được ngủ, phải trông nom săn-sóc việc nhà. Không được bê-tha chề rượn, không được say mê đàn hát; chưa đến 40 tuổi thì không nên năng

đi lễ-bái đền chùa, vì là những chỗ đông người hay sinh điều can bậy.

8° Không được xem bói xem số và không được hỏi truyện các lang-y. Không được cầu-khẩn lói-thời mà Phật Thánh mất lòng. Phải giữ bản-phận làm người mà không nên tin sự vu-vơ huyền-hoặc.

9° Trong việc tề-gia phải biết rè-rặt tần-liện.

10° Phải tránh xa những đàn-ông trẻ tuổi, không được thơ-từ gì với họ. Đây-tớ trai không được để đến chỗ đàn-bà ở.

11° Quần áo chớ nên hoa-hoét, phải nên chọn những mùi dịu-dàng, những mùi các người già-cả thường mặc.

12° Việc gì cũng vậy phải coi cha mẹ chồng và chồng hơn cha mẹ đẻ.

13° Không nên nghe những truyện bá-láp của con nụ vú già.

Đó là theo luân-lý cũ, nhưng ngày nay văn-minh mới đã tràn vào nước Nhật, thì cái địa-vị, cái tình-cảnh đàn-bà Nhật cũng đã chịu ảnh-hưởng mà thay đổi ít nhiều. Trong bọn khuê-các Nhật có theo đòi học mới, đã có người xưng-khởi nữ-quyền, đã có người phản-đối những lễ-thói cũ mà không chịu theo như người trước. — Điều đó hay, hay dở, ta bắt-tất phải bàn đến.

d) *Gái Hồng-lâu (Geisha)*. — Tuy đàn-bà Nhật bị bó-buộc như thế, song trong đám phụ-nữ lại có hai hạng được tự-do phóng-túng, là hạng hồng-lâu (*geisha*) và thanh-lâu (*djyoro*). Hai hạng ấy khác nhau cũng như ở nước ta, và đây chỉ xin nói ít lời về bọn hồng-lâu.

Hiện nay ở nước Nhật có chừng 30.000 ả hồng-lâu. Bọn hồng-lâu tuyền trong những hạng con gái còn nhỏ từ 6, 7 tuổi, rồi luyện-tập cho quen nghề, tập múa tập hát, tập hầu trà, tập bó hoa, tập thêu thùa, nói chuyện

và đặt những bài hát ngắn. Trong những đám tiệc to của người Nhật, thường có bọn kỹ - nữ đó hầu rượu, hầu chuyện hay múa hát là vui hơn cả. Xã-hội Nhật-bản được lắm cái vui-thú cũng là vì có bọn hồng-lâu.

Thường-thường một ả hồng-lâu mới bắt đầu tập-sự thì vào ở với một chủ đạo già để luyện-tập cho biết nghề. Đi học nghề như thế thì được một món tiền đưa về cho cha mẹ, nhưng phải ở với chủ cho đến lúc có người lấy và cho tiền trả chủ mới được thoát. Có nhà gia-thế, vì sa-cơ mà con gái phải bán mình vào hồng-lâu để cứu giúp cha mẹ. — Hồng-lâu không phải là thanh-lâu, mà ai muốn lấy cũng được; hồng-lâu có giá-trị hơn, nên có lắm người say mê chịu mất tiền nuôi-nấng và có nhà sang-trọng lấy về làm vợ nữa.

Một nhà trước - thuật có soạn một thiên tiểu-thuyết tả cái tâm-sự một ả hồng-lâu, truyện xem cảm - động lắm, tôi xin thuật ra đây :

Nàng Kimi là con nhà thế-phiệt, nhưng vì sa cơ nghèo khổ, nên phải đem mình vào chốn hồng-lâu để nuôi mẹ nuôi em. Thuở bé ở nhà nàng đã được chịu một nền giáo - dục hoàn - toàn, lại thêm nhan - sắc hoa nhường nguyệt thẹn, nên không bao lâu nổi tiếng hoa-khôi, mà ngoài cửa xôn-xao không thiếu gì oanh yến !

Lắm người mê nàng vì sắc, quý nàng vì nết, có gửi tặng lắm thứ bảo-vật, song nàng dấu nhận mà vẫn không chung-tình cùng ai cả.

Một hôm hồng có tin nói rằng nàng đã cùng tình-nhân cao chạy xa bay rồi, mà người tình-nhân nàng say mê nàng lắm, nói nếu không được cùng nàng kết-nghĩa trăm năm thì cũng liều một thác cho rồi ngày xanh. Nàng thấy chàng có lòng khăng-khít cũng cảm-động mà trốn theo chàng, cùng nhau đến một

chốn thâm-sơn hẻo-lánh để vui cuộc ái-tình, không còn tưởng chi đến việc đời nữa.

Được ít lâu chàng cố sức năn-ni xin cha mẹ bằng lòng cho cưới nàng làm vợ. Nhưng khi chàng xin được phép, nói chuyện với nàng thì nàng lại từ chối. Chàng năn-ni, nhưng nàng ba lần cùng khăng-khăng không chịu mà cũng không nói vì lẽ gì cả.

Hai người ăn ở với nhau được tám tháng, bấy giờ nàng mới rầu - rầu nét mặt mà nói rõ cho chàng biết vì lẽ gì mà nàng không khứng cùng chàng kết-nghĩa bách - niên. Nàng nói dịu-dàng nhưng một cách cả quyết rằng : — « Thiếp tưởng nay đã đến lúc thiếp phải trần-tình cho chàng rõ những sự mà bấy lâu thiếp để trong lòng : thiếp mà phải sa chân vào chốn ám-ti như-nhuộc là vì mẹ thiếp em thiếp. Tuy nay sự đó đã rồi, nhưng trong mình thiếp thật là có sự xấu - xa như-nhuộc không nước gì rửa sạch được. Một người như thiếp tưởng không có quyền làm vợ một người tử-tế, không có quyền sinh con đẻ cái, không có quyền gây dựng một gia-dình nữa. Chàng cứ để thiếp nói, thiếp tự biết mình tội lỗi như thế, tưởng có thể gọi là khôn hơn chàng được. Thiếp nguyện rằng không bao giờ thiếp bằng lòng làm vợ chàng để đến nỗi cho chàng ó - danh sĩ - tiết, thiếp chỉ là một người bạn mua vui cho chàng, một người quen biết chàng trong chốn lạt mà thôi. Bấy giờ thì chàng không cho lời thiếp là phải nhưng rồi ra đến lúc thiếp xa chàng — mà cái ngày biệt-ly tất thế nào cũng đến — bấy giờ chàng sẽ biết sự đời một cách thấu-triệt hơn. — Bấy giờ, chàng lại càng có lòng quý-trọng thiếp, nhưng quý-trọng một cách khác bấy giờ, một cách hợp lẽ hơn. — Những lời thiếp nói đây là những lời tâm-buyết, rồi ra chàng sẽ nhớ đến luôn. Chàng nên

chọn một người hiền-thục để làm nội-trợ và để sinh con nối dõi tông-đường. Con cái chàng rồi sẽ có ngày thiếp gặp. — Song thiếp thì thiếp không thể làm vợ chàng, không thể được hưởng cái thú làm mẹ được; thiếp chỉ là người của chàng trong chốc lát, trong giấc mộng, một cái bóng vụt qua mà thôi. Không biết chừng sau này thiếp may ra được hơn ngày nay. Nhưng dù thế nào thiếp cũng không thể cùng chàng kết-nghĩa phu-thê, kiếp này hay kiếp sau cũng vậy. Vậy chàng nên nghe lời thiếp, nếu chàng cứ cố-ý ép-nài bắt thiếp theo ý chàng thì thiếp đành phải từ-giã chàng ngay lập-tức... ».

Nàng nói cả-quyết thế nên chàng không dám năn-ni nữa. Nhưng được 10 tháng thì bỗng-nhiên nàng đi đâu mất, không ai rõ tại làm sao, không ai biết nàng đi lúc nào và đi cách nào. Láng-giềng cũng không thấy nàng đi qua lúc nào. Trước còn tưởng thế nào nàng cũng trở lại, vì những đồ qui và y-phục nữ-trang, cùng các của tặng biểu rất nhiều, mà nàng không đem gì đi cả. Nhưng ngày qua tháng lại không thấy tăm-hơi tin-tức nàng đâu cả. Ai nấy đều lo rằng có lẽ đã xảy ra tai-nạn gì chẳng, nên sai người mò sông mò giếng, cùng viết thư hỏi mọi nơi, và cho gia-nhân đi tìm mà cũng không thấy tung-tích nàng đâu cả. Tinh-nhân nàng có bá-cáo rằng ai biết nàng ở đâu mách bảo thì sẽ thưởng tiền, thế mà cũng không thấy tăm-hơi gì cả. Bóng chim tăm cá mặt-mờ chẳng rõ nơi nào, hết tháng này đến tháng khác, hết năm nọ đến năm kia, mà mẹ nàng, em nàng, những người đã được biết nàng đều không ai gặp mặt nàng đâu cả.

Những lời nàng nói với tinh-nhân khi trước không sai: lâu dần lòng thương nhớ cũng nguôi, giọt lụy tinh phải cạn. Tinh-nhân nàng hỏi-tám

ngẫm lại, theo lời cha mẹ, lấy vợ và sinh được một con trai. Quang-âm thấm-thoát, đứa con đã lớn, trong cái nhà mà ả hồng-lâu ở trước, nay lại có cái cảnh vui-vẻ sung-sướng như xưa.

Một hôm có một vị sư nữ đến cửa xin bố-thí. Đứa con trai nghe tiếng niệm Phật chạy ra. Một tên gia-nhân mang một bát cơm ra cho nhà sư, trông thấy nhà sư đang vượt-ve cậu bé và nói nhỏ câu gì với cậu bé thì lấy làm lạ lắm. Bấy giờ cậu bé bảo tên gia-nhân rằng: « Mi để ta đem cơm cho nhà sư ». Nhà sư cũng nói với tên gia-nhân để cậu bé được như lòng. Cậu bé liền đổ bát cơm vào cái bát của sư-nữ, sư-nữ cảm ơn và nói: « Tôi vira dặn cậu nói gì với ông, cậu thử nhắc lại tôi nghe xem còn nhớ hay quên ! » Cậu bé bập-bẹ nhắc lại, sư-nữ nghe xong mỉm cười, vượt-ve lần nữa rồi đi thẳng thật nhanh. Còn cậu bé hăm-hở chạy vào trong nhà nói với cha rằng :

« Thưa cha, người mà cha không bao giờ gặp được ở kiếp này, có bảo con nói với cha rằng người ấy trông thấy con trong lòng lấy làm sung-sướng lắm ! »

Cha nghe con nói, nước mắt chạy quanh, ôm lấy đầu con mà khóc, vì biết người đến cửa dặn con nói thế là ai. Nghĩ đến cái việc ai đã vì mình mà hi-sinh cả hạnh-phúc nên lấy làm cảm-động vô-cùng, nhưng nỗi xót-xa ấy nào ai có thấu ! Chàng cũng biết người xưa còn sống, nhưng bây giờ cách nhau có lẽ nghìn trùng, thương nhau thì để trong lòng, biết đâu tìm thấy bóng hồng cho ra ! »

Ấy câu chuyện hồng-lâu bên Nhật như thế, cái tâm-sự kia nghĩ cũng đáng thương ! Không biết trong bọn hồng-lâu Nam-Việt có cô nào nghĩ thế hay không, hay là giảng không dứt, dứt

không ra, chỉ hợp với câu: «Lấy quan buan cách, lấy khách khách về Tàu, lấy nhà giàu nhà giàu hết nghiệp.»

IX. — Tinh-tinh người Nhật

Từ đầu đến giờ là nói về gốc-tích, phong-tục, tôn-giáo dân-tộc Nhật-bản, nay ta thử xét xem người Nhật tinh-nết thế nào, có cái gì hay đáng làm gương cho ta không. Cứ theo các nhà du-lịch Âu-châu đã từng ở qua nước Nhật, đã từng giao-thiệp với người Nhật, thì người Nhật có nhiều đức-tính hay lắm. Nói thế không phải là bảo dân-tộc Nhật-bản là một dân-tộc hoàn-toàn, không có thói hư tật xấu gì cả. Ở đời ai là kẻ hoàn-toàn, nên người Nhật tránh sao cho khỏi có những thói hư tật xấu! Vì thế nên có người thường chê dân-tộc Nhật-bản là tham-lam, tàn-nhẫn, kiêu-ngạo, vãn-vãn. Song ta cũng nên biết ở đời, ai là người không có bụng tham, chỉ khác có người tham dẽ-tiện, tham tiểu-nhân, có người tham cao-thượng, tham quân-tử mà thôi! Mà tàn-nhẫn thì thiết-tưởng một dân-tộc cường-mạnh ở với một dân-tộc yếu-hèn khó lòng tránh cho khỏi tiếng tàn-nhẫn! Còn kiêu-ngạo thì một người đã vì một chút tài riêng mà nổi danh nổi tiếng, cái tinh kiêu-ngạo giữ sao cho thoát; hưởng-chỉ nước Nhật là một nước cường-phủ văn-minh thì đối với các nước còn hủ-lậu yếu-hèn sao [khỏi sinh ra kiêu-ngạo được!

Song những tật xấu của người bất-tất ta phải nói đến, ta chỉ nên xem họ có nết gì hay mà bắt-chước thì hơn. Kề người Nhật có nhiều nết hay, song những đức-tính đặc-biệt là: có lòng tôn-trọng người trước, có lòng luyện-ái gia-đình, có lòng ái-quốc, có tinh can-đảm, v. v. .

A) Lòng tôn-trọng người trước và lòng luyện-ái gia-đình. — Người Nhật

vi chịu ảnh-hưởng Thần-giáo nên cái lòng tôn-trọng biết ơn tiên-nhân rất sâu-xa đậm-thấm. Người Nhật bao giờ cũng nhớ đến công ơn người chết, và coi nghĩa-vụ mình là phải theo đuổi cái mục-dịch cao - thượng của ông cha truyền lại; trong thành-phố nào, nghĩa-địa cũng làm ở nơi cao-ráo sạch-sẽ. Nhà nào cũng có bài-vị thờ ông vải, giỗ tết cầu khấn đều ở đấy cả.

Vi người Nhật có lòng tôn-trọng người chết mà thành ra cái lòng luyện-ái gia-đình cũng đậm-thấm lắm. Trong nhà cha mẹ thay mặt tổ-tiên, con cái phải kính-trọng vâng lời; người dưới phải tùy-tùng người trên, theo một cái khuôn-phép bất-di bất-dịch. Người cha tức là chúa-tể trong nhà, con phải vâng lời cha mẹ, vợ phải nghe lời chồng, em phải theo lời anh. Lúc nào cũng theo khuôn-phép, cũng giữ trật-tự; như lúc ăn thì người lớn tuổi ăn trước, người ít tuổi ăn sau, vì thế nên có nhà thường gọi đùa đứa con út là «*Cậu cơm nguội*» vì bao giờ cậu cũng phải ăn cuối cùng, đến lượt cậu thì cơm đã nguội! Trong nhà việc gì con cái cũng phải theo lệnh cha mẹ: cha mẹ chọn nghề cho con, dựng vợ gã chồng cho con. Về việc hôn-nhân con cái không bao giờ được trái lời cha mẹ, vì là việc can-hệ đến sự nối dõi tông-đường và phụng-sự tổ-tiên. Đối với người Nhật, điều trọng nhất không phải cá-nhân, mà là cả đoàn-thể gia-đình, vì thế nên người Nhật có lòng luyện-ái gia-đình lắm.

b) Lòng ái-quốc. — Làm con phải hiếu thì làm dân tất phải yêu nước trung vua. Người Nhật không những chỉ phải kính-trọng tổ-tiên nhà mình mà thôi, lại còn phải sùng-bái những bậc công-thần cùng tiên-tổ nhà vua nữa. Theo Thần-giáo thì người Nhật tin rằng nước họ là một nước có các thần-

thánh dựng nên, mà người Nhật là dòng-dối Thần-tiên, còn Thiên-hoàng thì là dòng-dối Thái-dương nữ-thần (*Ama-terasu*) ; vậy Thiên - hoàng là một vị Thiên-thần giáng-thể vừa làm vua trong nước vừa làm giáo-chủ nữa.

Về thế-kỷ 14, một nhà văn-sĩ Nhật có nói người Nhật yêu nước vì những lẽ này : « Nước Nhật là một nước thần-tạo, chỉ có nước Nhật là lúc dựng lên có thần trông-nom đến, chỉ nước Nhật là có con cháu Thái-dương nữ-thần kế-tiếp nhau mà thống-trị tự trước đến giờ. Các nước khác không có nước nào được như thế cả. Chỉ có nước Nhật là từ khi khai-thiên lập-địa có một họ kế-tiếp nối nhau mà làm vua cho đến bây giờ. Người nào sinh ra ở nước Nhật là nghĩa-vụ cũng phải một bụng trung-thành, dù phải hi-sinh tính - mệnh cho nhà vua cũng không được từ chối ! »

Ngày nay người Nhật có lòng yêu nước trung vua, nguyên-nhân cũng tương-tự như thế. Một nhà quý-tộc Nhật bình-phẩm về Hiến-pháp nước Nhật có nói : « Ngôi báu nước Nhật có từ khi trời đất mới phân chia. Thiên-hoàng là con trời, là một vị thần-thánh, ai cũng phải kính - trọng, không ai được phạm đến. Ngôi báu nước Nhật từ xưa đến giờ vẫn ở trong tay một họ, nước Nhật chỉ có một họ làm vua không bao giờ thay đổi cũng như là trời đất. Nước Nhật, cho đến ngày tận-cùng, bao giờ cũng cùng với nhà vua coi như một. »

Vì thế nên trong trí người Nhật trung-thành lẫn vua với nước, vua tức là nước, nước tức là vua. — Nên tận-tâm với vua tức là tận-tâm cùng nước, mà yêu nước tức là yêu vua. Vua với nước cũng là một, nên yêu nước cũng là trung vua, mà trung vua cũng là yêu nước, chớ không phân-biệt lòng ái-quốc với bụng trung-thành như dân nước khác.

Một nhà quý-tộc Nhật lại nói người Nhật sở-dĩ lòng yêu vua yêu nước mạnh thế là vì những lẽ như sau này : Lẽ thứ nhất là họ nhà vua từ xưa đến giờ không thay đổi, nên trong nước không có những sự chia bè, chia đảng, phù họ này, đánh họ kia, dân bao giờ cũng chỉ biết có một họ làm vua thôi. — Lẽ thứ hai là vì dân-tộc Nhật từ đời thượng-cổ chỉ là một giống, không có giống nào khác mà xen vào nên không có những sự phân-tranh nội-loạn lâu đời như các nước khác. Trừ một vài cuộc nội - loạn thường thì nước nào cũng thế. — Lẽ thứ ba là trước kia người Nhật không ra khỏi nước bao giờ, nên nước Nhật tức là cái nghĩa-địa chung cho cả tổ-tiên người Nhật, người Nhật vì tôn trọng tổ-tiên mà có lòng yêu nước. — Lẽ thứ tư là nước Nhật không bao giờ bị nước khác xâm-chiếm đô-hộ. Tuy rằng về thế-kỷ thứ 13, có quân Mông-cổ tràn sang, mà quân Mông-cổ bấy giờ khắp hoàn-cầu đều khiếp-sợ từng-phục, song người Nhật lại đánh đuổi được quân Mông-cổ khỏi nước ngay. — Vì nước Nhật như thế nên người Nhật dù không nói ra, nhưng trong lòng lấy làm vẻ-vang tự-đắc vô-cùng. »

Cái lòng người Nhật yêu nước yêu vua rất mạnh - mẽ đằm - thắm. Nên trong một bài ái-quốc-ca của người Nhật có câu rằng :

*On vua rộng sánh trời cao,
Nợ nước sâu như biển cả !*

c) Lòng can-dảm. — Vì lòng yêu nước trung vua ấy mà người Nhật đã được lắm phen khen ngợi là một dân-tộc rất can-dảm. Một nhà làm báo Pháp tên là LUDOVIC NAUDEAU có dự cuộc Nhật-Nga chiến-tranh, và đã bị bắt làm tù-binh ở nước Nhật, có nói rằng : « Cái sản-vật quý nhất của nước Nhật là cái lòng can-dảm của người

Nhật. » (*Le principal produit du Japon, c'est la bravoure japonaise*).

Từ xưa đến nay, bao giờ người Nhật cũng cho rằng nghĩa-vụ mình là phải liều mình vì danh-tiết, vì nước vì vua. Người Nhật coi chết như không, khiến cho người Thái-Tây phải lấy làm lạ.

Vì cái lòng không sợ chết ấy nên trước kia người Nhật có một cái tục rất lạ, gọi là *Harakiri*, tức là tục mổ bụng quyền-sinh. Tự-tử như thế mới cho là can-đảm đáng khen. Một người Nhật nói rằng bên Viễn-dông thật cở, trẫm mình hay uống thuốc độc để tự-tử thì thật là hèn rất đáng khinh. Dầu tự-tử bằng súng, nhà vũ-sĩ Nhật cũng cho là một cách quyền-sinh hèn nhát. Chỉ đàn-bà là không cần phải dùng cách mổ bụng quyền-sinh, nhưng muốn tự-tử thì phải dùng dao đâm cổ mới được.

Tục mổ bụng quyền-sinh thế nào? Người nào muốn quyền-sinh như thế thì trước hết phải chọn một người bà con hay một người bạn thân để làm giúp việc mình. Người nào được chọn lấy làm vẻ-vang lắm, vì là được dịp giúp việc cho người yếu của mình lần cuối cùng. Trước khi tự-tử thì mặc một bộ y-phục riêng may để dùng trong những dịp ấy. Rồi vào trong một cái lầu, ngồi trước một cái khay có chân bằng gỗ thật trắng, trên để con dao nhọn, dài những 25 phân tây, chung quanh bọc giấy trắng chỉ để hở mũi nhọn ra thôi. Người muốn quyền-sinh cầm lấy dao, nhưng không cầm bằng chuôi mà lại cầm chỗ lưỡi dao có bọc giấy, lấy mũi nhọn rạch vào bụng một vết thẳng dài chừng 25 phân tây. Rạch bụng xong rồi hoặc tự mình lấy dao đâm cổ, hoặc lấy tay trái ra hiệu cho người giúp việc và vươn cổ cho người này chém đứt đầu ra.

Khi mổ bụng tự-sát như thế, cách

ngồi cách chào những người xem trước khi tự-tử, cách cỡi áo phanh bụng ra, cách lấy giấy bọc dao, và lúc ra hiệu cho người giúp việc là những điều phải làm hợp phép cẩn-thận, nhà vũ-sĩ nào cũng phải tập trước cho quen.

Cách tự-sát ấy người nào không quen xem thì lấy làm ghê lắm, nhưng người Nhật vì đã quen, vì cho việc tự-sát như thế là một tục quý-trọng, nên không lấy làm ghê sợ gì cả.

Khi nào người Nhật cho là mình bị ô-danh, hoặc đi đánh giặc bại-trận, hoặc muốn tỏ lòng ngay thẳng, hoặc muốn phản-đối việc bất-công, thì họ tự-sát như thế. Cũng có khi người dưới thấy người trên lơ-dễnh, quên bổn-phận, thì mổ bụng quyền-sinh để cho người trên tỉnh-ngộ. Trước có một vị tướng-soái lúc gần ra trận vì mãi âu-yếm vợ mà quên đi, nên có hai người tùy-tướng mổ bụng quyền-sinh ở trước dinh cho chủ-tướng tỉnh-ngộ lại.

Ngoài cái tục tự-y mổ-bụng quyền-sinh, lại còn cái tục bắt những nhà vũ-sĩ Nhật hề phải tội xử-tử thì phải quyền-sinh như thế, vì những nhà vũ-sĩ không bao giờ phải tội chém đầu hay thắt cổ, chỉ trừ những khi phạm tội phản-ngịch đại-ác thì mới bị hành-hình như thế.

Người Nhật ai cũng biết truyện 47 người nghĩa-sĩ vì báo-thù cho chủ mà bị hành-hình theo tục ấy. Truyện ấy xảy ra về đầu thế-kỷ mười tám, xin lược-thuật như sau này. *Asano* là một nhà quý-tộc bị thù-nhân là *Kira* lãng-mạ trong dinh Mạc-phủ, bèn rút gươm toan giết, nhưng *Kira* chạy thoát; *Asano* vì mắc tội chực giết người trong dinh Mạc-phủ nên bị xử theo tục mổ bụng quyền-sinh. Các gia-tướng *Asano* mất chủ phải lưu-lạc, nhưng thề rằng thề nào

cũng báo-thù cho chủ. Trong hai năm trời, bọn nghĩa-sĩ một lòng đợi dịp báo-thù, một đêm tuyết sa đầy đất, bọn nghĩa-sĩ phá cửa nhà *Kira* xông vào chém lấy đầu cừu-nhân, lau rửa sạch-sẽ rồi đem đặt trước mộ *Asano* với thanh gươm đã dùng trong việc báo-thù cùng một cái thơ thuật lại cái thủ-đoạn ấy. Vì việc báo-thù cho chủ mà bọn nghĩa-sĩ phải tội, phải mổ bụng tự-sát, khi bọn nghĩa-sĩ quyền-sinh rồi thì cả 47 người cùng được chôn cạnh mồ chủ cũ.

Từ đó đến nay đã hai thế-kỷ, người Nhật vì cảm-phục cái lòng trung-nghĩa của 47 vị anh-hùng ấy nên thường đến trước mồ thắp hương cúng vái; hiện nay có lắm người đến để danh-thiếp trên mồ để viếng. Và cái truyện 47 người nghĩa-sĩ ấy các nhà làm tiểu-thuyết và các nhà làm kịch thường diễn-tả đến luôn.

Ngày nay người Nhật thảnh-thoảng còn dùng cái tục mổ bụng quyền-sinh ấy, như năm 1891 một viên quan võ Nhật thấy người Nga xâm-lấn ở phía Bắc nước mình mà mình không ngăn-ngừa được, bèn mổ bụng quyền-sinh để Chính-phủ phải lưu-ý đến. Trước khi tự-sát viên quan võ ấy có viết một lá thơ nói rõ vì lẽ gì mà quyền-sinh, lá thơ ấy hồi đó có đăng trong các báo bên Nhật. — Hồi nước Nga, nước Pháp và nước Anh hiệp nhau bách nước Nhật phải bỏ tỉnh Liêu-dông, có 40 viên quan võ mổ bụng quyền-sinh để tỏ tình bất-phục. — Hôm 14 Septembre 1912, là hôm cất đám Thiên-hoàng Minh-trị, quan đại-tướng Nogai (Nãi-mộc) cùng phu-nhân cũng tự-tử theo vua. Hôm ấy hai vợ chồng bận lễ-phục, đứng trước ảnh vua có bọc vải tang, khi nghe tiếng súng đại-bác báo hiệu đám ma vua sắp ra khỏi cung, thì chồng lấy gươm đâm cổ, vợ lấy dao đâm ngực, cùng quyền-sinh một lúc để tỏ lòng trung-

nghĩa với vua. Cái thủ-đoạn ấy người Nhật đều ca-tụng và lấy làm cảm-phục lắm.

Vì người Nhật coi chết như không, nên những lúc có việc chiến-tranh, binh-sĩ Nhật đã tỏ ra một toán quân can-đảm hùng-dũng làm cho thế-giới phải ngạc-nhiên.

Tại sao người Nhật can-đảm, coi chết như không thế? Không phải là tại người Nhật có lòng chán đời như các ông chán đời ở bên ta (tuy các ông chán đời mà các ông sợ chết!), không phải là tại họ khinh rẽ cuộc đời; người Nhật cũng biết tận-hưởng cuộc đời, xem tính họ lúc nào cũng vui-vẻ thì đủ biết. Khi ốm đau, họ tự coi sóc rất cần-thận; và họ giữ-gìn từng li từng tí eho khỏi mắc bệnh. Người Nhật rất sợ vi-trùng, người Nhật rất sợ chết trong nhà thương, nhưng người Nhật lại vui lòng mà chết ở chỗ chiến-trường.

Người Nhật can-đảm như thế, cái căn-nguyên là ở những điều tin-ngưỡng theo Thần-đạo đã tiêm-nhiễm vào trong óc họ. Họ tin rằng người chết đi không phải là chết hẳn, nhưng hãy còn phảng-phất ở trong lòng người sống, vẫn còn sống ở trong lòng kỷ-niệm của cha mẹ, anh em, con cháu, đồng-bào. Vì thế nên hồi Nga-Nhật chiến-tranh, khi quân Nhật đánh cửa Lữ-thuận (*Port-Arthur*), một viên tướng Nhật có bảo quân-sĩ rằng: « Người chết, nhưng vong-hồn không chết; trong khi chiến-đấu sẽ có những bạn các anh đã chết đến trợ-lực với các anh! » Ấy vì người Nhật tin rằng người ta không chết hẳn, nên coi chết như không, nên vui lòng mà chết, làm cho thiên-hạ đều phải ca-tụng cái can-đảm vô-song của họ.

Đó là mấy cái đức-tính đặc-biệt của người Nhật. Người Nhật còn có lắm đức-tính khác nữa, như tính vui-vẻ,

lẽ - phép, mạo - hiềm, nhanh - nhẹn, siêng-năng, chịu-khó, vắn-vắn.

Vì những cái đức-tính ấy mà người Nhật đã bước được một bước dài trên con đường tiến-bộ, vì những đức-tính ấy mà người Nhật ngày nay được thế-giới coi là một dân-tộc văn-minh, vì những đức-tính ấy mà nước Nhật ngày nay được thế-giới công-nhận là một đại-cường-quốc ! Người Nhật sở dĩ được như vậy, người Nhật sở dĩ chiếm được một cái địa-vị vẻ-vang ở trong vũ-dài thế-giới là vì người Nhật khôn-khéo biết sớm thu-thập cái học-thuật mới, biết gìn-giữ cái nền-nếp cũ, biết dung-hòa hai cái văn-minh Âu-Á cho thành một cái văn-

minh đặc-biệt của nước Nhật ngày nay.

Nay ta xem truyện người Nhật, ta biết phong-tục tính-tình người Nhật, tưởng ta cũng nên biết cái khôn-khéo, cái tài-giỏi của người Nhật và nên lấy người Nhật làm một cái gương cho giống da vàng châu Á vậy. Nếu ta biết bảo nhau một mặt giữ-gìn lấy quốc-túy của ta, một mặt theo dõi cái học-thuật Âu Mỹ, thì biết đâu một ngày kia cái bán-đảo Việt-Nam này sẽ không đẹp-dẽ tốt-tươi như cái quần-đảo ở phía đông châu Á kia !

NGUYỄN VĂN-HIỆU

Giáo-học trường Sư-phạm Hà-nội

HAI BÀI VĂN CŨ VỀ TRUYỆN KIỀU

I

Bài biểu Thúy-Kiều (1)

Phục-di :

Châu ném vàng gieo, muôn đội ơn lòng hạ-cổ ;

Biển thề non chỉ, ngàn trùng lạy tạ cao-thâm.

Sở đã long-đông ; nói càng hồ-thẹn.

Thiếp thiết-duy :

Kẻ thiên-tài, người quốc-sắc, đề chữ trương-phùng ;

Trai anh-hùng, gái thuyên-quyên, chọn người tri-kỷ.

Gấm duyên kỳ-ngộ, lừa dối xưa có Thôi Trương ;

Những đứng tài-hoa, phúc giá cũng dẫu Ban Tạ.

Như thiếp giả :

Thói nhà băng-tuyết, chút phận bèo-mây,
Cửa các phòng khuê, biết có con con chút phận ;

Đào thơ liễu yếu, nghi cũng thường thường bậc trung.

Theo-dõi và cũng bút-nghiên, tài-tiêu chi lắm ;

Ca-ngâm pha nghề thi-họa, chút-dinh gọi là.

Hoa phong nhụy, trăng tròn gương, đi về mặc tường đông chi ong-bướm ;

Chìm dứt đường, dòng cạn lá, xô-xao dẫy ngoài cửa chi yến-anh.

Khóa buồng xuân để đợi đào non, chi vội nài hoa ép liễu ;

Rủ trường đào càng treo giá ngọc, hút riêng chọn đá thử vàng.

(1) Bài này là của cụ Phó-bá Nguyễn Đình-Vân ở tỉnh Thanh-hóa làm ra khi cụ đương làm Phó-thừa-phủ Thừa-thiên hồi năm Thành-thái thứ 13, 14. Có người nói rằng Cụ là người có tài trị dân, cho nên được đương-lộ kiến-trị, mới làm tri huyện thăng lên chức Phó-thừa, nhưng vì khi ấy tướng-tướng bất-hòa, một bên thời thường cụ muốn tác-thành cho cụ, một bên thời thấy thế mà ghét muốn tìm cách trị, vì thế cụ làm bài biểu này để tạ-ngụ. Cụ sau làm Án-sát các tỉnh trong rồi về mất ở Huế, nay con cụ hiện đương làm quan ở Kinh.

Gặp tuần đố lá tìm hoa, kẻ nhìn rõ mặt;
Trong khi liền cành dựa cánh, chàng
nặng vì tình.

Rằng trong lân-lý ra vào, công-trình
biết mấy ;

Có khi thư-phòng vắng-vẻ, gấn-bó
một hai.

Son cợt phấn cười, trẻ thơ đâu mà
đã biết ;

Chén thè quạt ước, cửa nhà dầu tinh
về sau.

Mọi nỗi đình-ninh ; chút lòng ơn-ái,
Sự đâu chưa kịp, đau lòng kẻ ở người đi;
Xuân hây còn dài, bao quản năm chờ
tháng đợi.

Ngộ khi mưa sa gió táp, của xưa còn
nhớ đến đàn gương ;

Dấu rằng vật đổi sao dời, tấm riêng
những nặng vì non nước.

Thùy-liệu :

Gặp cơn họa gió ; sá nghĩ hạt mưa.

Thê hoa chưa cạn chén vàng, vang
tiếng ruồi xanh, thay đen đổi trắng ;

Kết duyên mách tin họ Bạc, mượn
màu son phấn, tô lục điểm hồng.

Biết đâu tấm cá bóng chim, Lâm-tri
ở thừa ;

Này chốn miệng hùm nọc rắn, Vô-tích
toan đường.

Mười lăm năm sóng vỗ bè trôi, đã
đành phận thiệp ;

Ba bốn lần vàng thê ngọc dậu, đem
buộc duyên em.

Nghĩa bề tình sông, tơ tóc trăm nghìn
gửi lại ;

Duyên kim phận cải, quả mai ba bảy
đương vừa.

Rời đây bèo hiệp mây tan, cổ-nhân
đã dễ ;

Tuông chi hoa thừa hương thối, quân-
tử đa-mang.

Tri-kỷ một phen; đồng-tâm hai chữ.
Chút thân bồ-liễu; nhờ bóng tùng-quân.

Tư-cái phục-ngộ Tình-quân.

Trương-hạ :

Thông-minh tính trời ; văn-chương
nết đất.

Trót vời tài-mạo, trong phong-nhã
ngoài hào-hoa ;

Trộm liếc dung-quang, phượng kim-
môn sân ngọc-bội.

Văn-nhân trông chừng thấy một, đòi
phen nét vẽ câu thơ ;

Anh-bùng tiếng đã gọi rằng, bô chi
chim lồng cá chậu.

May thay giải-cầu ; lượng cả bao-dung.
Rộng thương cổ nội hoa hèn, đã cho
vào bạc ;

Những chờ đào tơ sen ngó, còn nghĩ
có rày.

Riêng tưởng bấy lâu ; tạ lòng dễ xứng.

Thiếp duy-hữu :

Gìn vàng giữ ngọc ; phong gấm rủ là.
Gọi có xương-tùỵ, vườn xuân để bia
một cửa ;

Từ sau trinh-bạch, chữ đồng vàng tạc
trăm năm.

Thứ-cơ :

Hương càng đượm, lửa càng nồng,
sương tuyết che thân đẳng-cát ;

Đàn còn dây, gương còn đó, vinh-hoa
bỏ lúc phong-trần.

Chắc rằng mai-trúc lại vậy, hưởng-
thọ còn nhiều, ngàn năm quan-dai chi
dặc đặc ;

Có phen rồng-mây dựng thấy, phong-
ưu rất mực, mối ngôi mạng-phụ chi-
đàng đàng ; giả h

Thiếp xiết bao mừng-mừng tui-tui,
tiên hoa tình trượng ; Ân phê xem trường.

II

Bài phú Thúy-Kiều (1)

Kề từ lúc : ngọc chưa cài, châm chưa giặt.

Tài-sắc gồm hai ; phong-lưu rất mực.

So tay bút - pháp, Lan - đình mấy thiệp nào thua ;

Lầu bạc cung-thương, Hồ-cầm một trượng ăn đứt.

Sắc khuynh-quốc, hoa thua liễu kém, nắng mưa gìn-giữ xiết bao !

Tuần cập-kê, trượng rủ màn che, ong bướm đi về cùng mặc.

Tới tiết Thanh-minh :

Quần áo thướt-tha ; ngựa xe giông-ruồi.

Trở ra về gặp chàng Kim Trọng, mặt-mà thay lan cúc cả hai bên !

Thoắt chiêm-bao thấy ả Đạm-Tiên, đầu-dớn nhê nhân-duyên cùng một hội !

Lênh-đênh mặt sóng, đã đành phận gái truân-chiến ;

Lắt-léo cành thoa, mới biết lòng trời run-rủi.

Trên tường gấm, ơn lòng quân-tử, mở quạt đôi-trao ;

Dưới lầu son, vắng mặt tri-âm, vô tư bối-rối.

Mây lâm sao : thanh-vãng một mình ; hôm nay được buổi.

Cùng nhau vàng đá mấy lời ; dám tiếc lóc tơ một mối.

Thời vận trường : chỉ nòng lá thắm ấy là duyên ; nào có biết : nhị rùa vàng phai dấu đến nổi.

Bồng phải tai bay vạ gió ; quản chi ngọc trắng cát lấm.

Ơn chín chữ mong đèn gang tấc ; thân nghìn vàng đổi lấy ba tấc.

Chàng ngờ gã Giám-^{b,}nh, phong-tinh là đũa ;

Chung lưng con ^TTú, buôn bán ^đquanh năm.

Kiếp má hồng toan trả trời xanh, sực thấy mấy câu thần-mộng ;

Doanh nước biếc nổi cồn sóng bạc, thêm thương đến khách tri-âm.

Ai-oán nhê ! ngâm câu tuyết-diệu ;

Lạ-lùng thay ! có tiếng họa-ngâm.

Thằng Sở-Khanh ! Ngỡ là cùng mạch thư-hương ; vẫn chắc ba sinh duyên nợ

Nói ngon, nói ngọt, rằng ra tay phải cạy anh hùng ;

Dầu rui, dầu may, thử nhắm mắt mà xem tạo-hóa.

Cùng nhau trên ngựa một điều ; thoắt rē dây cương đôi ngã.

Giây phút tứ thầy thẳng tới, già Tú ơi ! vui-dập sao nữ đang tay !

Khéo đầu nhủ bảo đến lời, Sở-Khanh hỡi ! nông-nổi nước này cùng lạ !

Kiếp phong-trần đã đến thế thì thôi ;

Nợ anh-én phải lấy thân mà trả.

Khi ngâm-ngợi nguyệt, khi cười - cợt hoa ; cho mê-mẩn đời, cho lẫn-lóc đá.

Bấy lâu dạn mặt, rặt phùng quyền gió rủ mây ;

Hai chữ đồng-tâm, mấy kẻ ghi lòng tạc dạ.

Có chàng Thúc-sinh :

Thanh-khi lễ hằng ; hoa-khôi tiếng mở.

Ngày xuân mưa gió càng nồng ; đêm xuân đi về lấm độ.

Khi rượu khi cờ ; khi trăng, khi gió.

Khi gọi canh quỳn ; khi tàn bóng nhớ.

Mặn đào khi trước lán la ; vàng đá ở sau gần-bó.

Chút e phận cát, rồi ra phần lạt hương phai ;

Lại sợ nhà thông, có sá hoa trường liễu ngô ?

Há rằng không suy trước nghi sau ; ong đã chót bề thề non trở.

Từ đây : tạ thần mây trắng ; già chốn đầu xanh.

Thôi hẳn chắc phen này đành phận ;

(1) Bài này không b... nào làm

chẳng như xưa lại phải thương mình.

Sắt-cầm vừa giao nửa năm, nhà xuân chợt lới ;

Phong - ba nổi ngay một trận, cửa phủ đơn trình.

Muôn đời ơn trên, tình - lý hai bên vận cả ;

Lại nhờ lượng bề, phong-ba đẹp nổi bất-bình.

Luận cho đoàn-tụ ; sửa đạo gia-đình.

Vui lắm thay ! Trúc mai xum-hợp ; lan huyệt thơm tho.

Suốt một năm ròng, rượu sớm cờ trưa biết mấy ;

Tin nhà ngày vắng, đáy sông rồn bề khôn dò.

Xin kíp lại nhà, tình-y ta đây được biết ;

Thôi đừng lầu - lữa, tâm-hơi ai kẻ giữ cho.

Quan-hà một chén tiên đưa, tin mừng xin đợi ;

Đâu xanh mấy ngàn đã khuất, mối thăm ai vô.

Từ ngày : pha - phối dậm liễu, nẻo người cũ gió tuần mưa ;

Vô-vô song mai, túi phận chẵn đơn gối chiếc.

Trước Phật-đường hương vừa đổ cháy, chưa kịp khẩn cầu ;

Lũ ác-nhân đâu đã kéo vào, làm ch mê-mệt.

Huyện Tích đem về ; tên hoa dạy ếp

Phận hầu giữ phận, quần bao tóc r da chì ;

Thôi thể thời thôi, sá nghĩ hoa tà ngọc nát.

Nghĩ lúc cửa người dầy-dọa : thiên hương quốc-sắc mà chi ;

Nào hay chốn cũ ra vào : địa-ng thiên-đàng có biết.

Phút thấy : trong nhà truyền gọi ; trên

tiệc đứng khuyên.

Mặt đà rõ mặt ; nhìn chẳng dám nhìn.

Ghê-gớm thay ! thầy tớ thẳng Ung lập mưu gian-ác ;

Mẹ con nhà Hoạn rất mực khôn-ngoa.

Vị gì chút phận hồng-nhan, làm cho đau-đớn ;

May lại nương thân Bồ-Tát, rữ vết trần-duyên.

Bề thăm hầu vơi tác dạ ; trắng đầu đứng đã hai phen.

Chàng Thúc lần ra, thở-thở than-than, tình ấy muôn cam chịu bạc ;

Tiền-thư chợt đến, cười-cười nói-nói, lạ cho cái giống nhà ghen.

Lửa dấm lại càng thêm tội ; mưa sa sá nghĩ phận hèn.

Đêm hôm ấy : qua tường hoa ; lẩn điếm cỏ.

Ngàn đầu vừa sáng, xa trông Chiêu-ân chữ bài ;

Rừng quế đổi chân, động tiếng trụ-tri then gỗ.

Chuông khác trình qua ; gót đầu nói rõ.

Vải Giác-Duyên thật dạ cả lo ;

Dạy nhà Bạc Lem về tạm trú.

Cũng trông đing hoa cúng quả, quen lối đi về ;

Nào hay bán phẫn buồn hương, bợm già cùng tổ.

Này chàng Bạc cũng trong thân-thích, vốn nhà buôn gán châu Thai ;

Rước kiệu hoa vào lạy gia-đường, mới biết đồng môn mẹ Tú.

Má phẫn đã lên quá nửa, ghen mãi chưa thôi ;

Trời xanh rặng bạc chi ai, gỡ ra cực khổ !

Bồng có : Nguyệt-Việt-Đông ; đứng anh-hùng.

Đưa thiệp đỏ ; dể lâu hồng.

Liếc mắt cố ng au, há phải những

phương trăng gió ;

Tấm lòng đã chắc, có phen được thấy
mây rồng.

Lửa hương duyên bén chữa bao, vó
câu thẳng ruồi ;

Non nước lời kia dẫu lại, tin nhận
ngày mong.

Phút thấy : hoa bay phượng múa ;
trống nổi cờ giông.

Cúi đầu mười vị tướng-quân, rặng
vàng lệnh-chỉ ;

Nổi gót năm ba thê-nữ, chải-chuốt
hình-dong.

Kíp truyền phượng - liễn ; về chốn-
loan-phòng.

Vinh-hoa bỏ lúc ; ân-oán đều xong.

Cây sức Từ-công, động - địa kinh-
thiên, tính đốt thêm năm năm chẵn ;

Tin lòng Tôn-Hiến, giải-bình thúc-giáp,
nào ngờ một phút như không.

Chua xót thay ! hai chữ cương-thượng,
hằng ghi tắc dạ ;

Một niềm trung-hiếu, mừng tiếng phụ
lòng.

Thời thời thôi : này cái hồng-nhan ;
này cha cái kiếp !

Trăm-luân nào phận, từng mặt nhau
chưa già chốn sông Mê ;

Tế-độ nhờ tay, bưng mặt dây mới hay
thuyền vãi Giác.

Bể lau vạch lối trời ra về ; đưa
muối chay lòng y thừa tri ỳc.

Kệ kinh lại tay lần mi-đag đọc, từ-bi
nhờ đức Thế-lôn ;

Quả hoa thời sớm cúng ối dâng, phổ-
độ chiếu thân lưu-lạc.

Mới hay : đạo trời báo-ph ỳc ; phép Phật
nhiệm-mẫu.

Mười lăm năm sóng vỗ bèo trôi, dẫu-
dài xiết bao nạn trước ;

Nghìn muôn dặm non cao nước biển,
êm-dềm nào chắc duyên sau.

Mau chân sư-trưởng người về, một
nhà kéo đến ;

Lên tiếng Trạc-tuyền nàng hỏi, này
khách nơi đâu.

Xúm quanh nở mặt nở mày, còn ngờ
giấc mộng ;

Kề lễ chân răng kẻ tóc, riêng tưởng
bây lâu.

Này chồng, này mẹ, này cha, hoan-hỉ
lắm, thực tâm-thành đã thấu ;

Giã sư, giã chiền, giã cảnh, tạ-từ rồi,
xin tái-hợp cùng nhau.

Bảy giờ : về chốn huyện-nha ; truyền
bày tiệc rượu.

Dở say dở tỉnh, em Thúy-Vân riêng
nói bên tình ;

Có biển có thương, chàng Kim-Trọng
ngờ bề chữ hiếu.

Tình sau nghĩa trước, thấp cao người
y phải vắng ;

Bướm cũ hoa xưa, lai-láng tình chung
o thiếu.

Tai-nạn xưa trút sạch lâu-lâu : danh-
tốt đẩy gương trong leo-lẻo.

Lạy Phật thung - huyền đôi khóm, việc
gia-dinh được định-tĩnh thân-hôn ;

Ơn trời hộc quẻ một sân, nền phúc-
vẫn nhân bồi nghĩa triệu.

Ầy-Ầy hồng - quần những khách,
ngờ đây thử soi.

Ầy-Ầy hậu-phúc ở ta, tu sao cho
kh ỳo.

KHÁI-SINH sao-lục



MỘT NGƯỜI TIÊU-BIỂU Ở NƯỚC ANH NGÀY NAY:

ÔNG THỦ-TƯỚNG MAC DONALD (1)

Vào khoảng năm 1894, có mấy bậc thiếu-niên nước Anh thuộc về thượng-lưu-xã-hội, tức là phái giàu-sang đệ-nhất trong nước, thường họp ở nhà biệt-thự ông WILFRID BLUNT. Mấy trang công-tử ấy tên là GEORGE WYNDHAM, LORD HOUGHTON, — hiện nay là LORD CREWE, làm đại-sứ nước Anh ở Paris — một đôi khi có OSCAR WILDE và GEORGE CURZON, sau này thành LORD CURZON, lãnh tước bá đất Kedleston. (2)

Bấy nhiêu người đều xuất-thân ở trường Đại-học Oxford, là trường có tiếng nhất trong nước Anh. Thường cả buổi chiều, cả đêm họp nhau bàn chuyện mỹ-thuật vàn-chương, và lễ thường người Anh hề họp nhau tất lập thành một « câu-lạc-bộ », đặt tên là *Crabet Club*. Một buổi họp ở câu-lạc-bộ, GEORGE CURZON đọc cho anh em nghe một bài thơ vừa mới soạn. Nguyên văn có lẽ nay không còn nữa, trừ tác-giả cho bài thơ ấy là có giá-trị lưu-thống giấy riêng thì không biết; nhưng thiên-hạ còn truyền-tụng được một câu rằng :

« Ta là một kẻ tấn-thân phong-nhã,
Tên ta là Lord Curzon... »
*I'm a very distinguished person,
Lord Curzon...*

LORD CURZON rồi sau làm đến ngoại-tướng nước Anh, có tiếng là người đã các cao-kỳ, tính ấy thật đã lộ ra từ thuở trẻ vậy. Mới đây tòa Nội-các nước Anh từ-chức, LORD CURZON phụ-chuyên-giao bộ Ngoại-vụ cho Thủ

tướng mới là ông RAMSAY MAC DONALD, bữa bàn-giao ấy chắc bề ngoài vẫn có vẻ tươi-cười theo cách lịch-sự chốn cửa quyền, nhưng trong lòng tướng cũng khó chịu thay, khó chịu nhất cho cái tính kiêu-kỷ của mình xưa nay.

Bộ Ngoại-vụ nước Anh ở vào số thứ 10 đường *Downing Street*, cạnh nhà thờ lớn *Westminster*, gần ngay nơi công-trường *Whitehall*, là chỗ hội xưa đã đặt một cái đoạ-dầu-dại căng vải đen để trảm-quyết vua CHARLES thứ 1; trong buồng giấy quan Thượng-thư thì có treo những tranh nguyên-soái NELSON, tể-tướng PITT ngày xưa; buổi bàn-giao ở đây, tướng cũng là một cái cảnh-tượng đáng ghi vào một bức họa vậy: một bên là một nhà quý-phái, dòng-dờ đời-dời, con cha cháu ông, lớn lên đi như sẵn để mình vào những địa-vị quyền-quí rồi; một bên là một người xã-ất-thần trong đảng lao-dộng, người bình-thường giản-dị, không ai ngờ lên được cao như thế, mà chỉ vì tài-năng thiên-lực được mấy triệu con người cử làm cầm quyền trong nước.

Người ấy từ nhỏ sinh-trưởng ở trong một cái làng nhỏ đánh cá kia, lúc bấy giờ ai cũng lầm đoán rằng có ngày làm đến Tể-tướng nước Anh, đứng đầu Chính-phủ, lương mỗi năm là một vạn *livre*? (3)

Thuở nhỏ học trường trong làng, ông đồ giả dạy học cũng cho là thẳng bé sáng dạ. Ngoài giờ học thì chạy rong ngoài bãi cỏ chơi những cách

(1) Dịch một bài luận-thuyết trong « Thời-giới tạp-chí » (*Revue Monétaire*).
(2) Chữ *Lord* trong tiếng Anh là thong-tên. Có thể dịch là « đại-abân ».
(3) Theo giá bạc gần đây, một *livre* của Anh có 80 quan của ta, vậy một vạn *livres* thì thành 800.000 quan, tính vào bạc ta 8 quan một

giờ tạp-chí » (*Revue Monétaire*).
ng những bậc danh-giá thì cũng thuộc về quý-phái
Anh có 80 quan của ta, vậy một vạn *livres* thì thành
tính là 8 vạn quan

bạo-tợn (như nhầy ngọn cây nọ sang ngọn cây kia, như con sóc vậy, lại dạy cho anh em bắt-chước); có khi ra đánh cá ngoài bể. Một hôm thấy lão đánh cá nằm ngủ, bèn nhỏ thuyền của lão, rồi chở phăng ra ngoài khơi, không báo cho ai biết. Về sau ông MAC DONALD làm linh-tụ đảng Lao-động, về thăm nhà ở *Lossiemouth*, lão đánh cá cứ điềm-nhiên bảo ông rằng cái tội tình-nghịch của ông thua nhỏ là đảng buộc cổ treo cây, nhưng lão tha cho ông vì ông cũng đã từng biết chơi tình chơi khăm như thế đối với bọn quý-phái nhiều.

Ông MAC DONALD nhà nghèo không thể theo học trường Đại-học được. Song cứ đọc sách mà học thêm, rồi đến kiêm-thông các khoa, thành người yêm-bác, thật là tự mình dạy mình vậy. Từ hồi bấy giờ, ông đã chú-ý về các việc xã-hội và thường chăm xem sách của HENRI GEORGE.

Khi mười tám tuổi đã ham về chính-trị. Một ngày đi ra thành *Bristol* để vận-dộng nghị-viên cho một người về đảng dân-chủ; bấy giờ là năm 1885, ông hăng-hái đến-thuyết, chỉ có ba người đến nghe. Chẳng bì với mấy tuần-lễ gần đây, ông cũng đến diễn-thuyết ở đây. Năm nghìn người thợ họp lại để vỗ tay mừng ông.

Mấy tháng sau ra ki-ô-đô *Londres*, vào làm công cho một sở nào đó, mỗi tuần-lễ được 12 *shillings* (ước 48 quan tiền Pháp), kể công kham-khở túng-bần lắm, nhưng ai rằng được ở nơi trung-tâm trong nước, khảo-cứu được dễ, nên cũng quên cả những nông-nôi khó nghèo. Thế là một cái nhà tồi-tàn mà đêm nào cũng thấp nển học rất khuya, có khi vàng đồng đã rạn bầy còn thấy ấm qui trên quyền sách. Buổi trưa được nghỉ một giờ ăn cơm thì vào buổi công thư-viện đọc sách DARWIN, SPENCER, MARX. Biểu

dấu cách học cần - cù như thế lại không phải là cách học rất thích-hợp cho những kẻ phải ra lo-toan việc nước, vì vừa học mà vừa phải bách vì sự làm ăn khó-nhọc, học thế mới thật có công, học thế mới thật thâm-thiết, học thế mới đoàn-luyện được tinh-chất cho mạnh - mẽ quả - cảm? Từng-trải sự đời mà biết sự đời, giao-tiếp với kẻ bình-dân mà biết kẻ bình-dân, không phải chỉ học trong sách mà thôi, đó chẳng phải là cách giáo-dục hay nhất dễ nghĩ ra các phương-kế tiện-lợi mà giải-quyết những vấn-đề xã-hội dư? Những người đã từng-trải khó-nhọc mới làm nên thời dễ biết công cho người đời hơn là những kẻ ngay từ thừa nhỏ đã học để làm quan rồi, đã qua một trường chính-trị nào, nhiệm được cái thói hoài-phgi cao-kỳ, để thay cho tài-năng, tri-hức, tâm-thuật, công-phu.

Đến khi ông RAMSAY MAC DONALD được vào làm trợ-biện ở một phòng thí-nghiệm về hóa-học, thời bấy giờ trong mỗi năm đã được 100 *livres* (8000 quan), ăn tiêu ít, thế cũng gọi là đủ, từ đấy mới chuyên - tâm nghiên-cứu và cổ - động về việc xã-hội.

Năm 1895, ông ra ứng-cử nghị-viên Đảng tự-do ở hạt *Southampton*, chỉ được có 897 vé. Chính năm ấy ông gặp ở câu - lạc - bộ *Pioneer Club* một người thiếu-nữ tên là Miss M. E. GLADSTONE, sau này cùng ông kết-thiên vợ chồng.

Nhà cô GLADSTONE vốn thuộc về phái tiến-thủ, sau khi hai người đã đính-hôn với nhau rồi, trước ngày cưới, những buổi họp mặt cả nhà, vẫn nom-lop sợ nói đến chuyện chính-trị đảng.

Lần đầu ông mới đến nhà cô, câu chuyện tế quá. Chỉ nói chuyện mua-chuyện năng, không dám dă - động

đến câu gì khác. Hai bên có ý ngượng-ngập cả. Sau có một con vẹt đậu ở cạnh buồng khách, — đầu là của người bà con đi phương xa gửi về làm quà, — thốt-nhiên nó nói lên một câu (chừng ai đã dạy sẵn) : — Tôi là phái bảo-thủ, tôi là phái bảo-thủ. Chờ ông là gì? Chờ ông là gì?...— Ông RAMSAY MAC DONALD chợt nghe thấy câu ấy cũng tức cười; ai lại đi tranh-biến chính-trị với con vẹt « bảo-thủ » đó? Nhưng may có chuyện nực cười đó, nhà gái với ông rề mới mới khỏi ngượng nhau mãi về một khoản chính-trị. Năm 1896 cười, tự đấy là bắt đầu một thiên thú-sử của hai ông bà trong mười-lăm năm.

Cái gia-dình hai vợ chồng ông MAC DONALD thật là một gia-dình hoàn-hảo, hai người thật đồng-tâm đồng-chí với nhau, như gia-dình ông bà SEMBAT⁽¹⁾ ở nước Pháp vậy. Ông MAC DONALD bấy giờ cùng với bà vợ đi du-lich khắp trong đế-quốc nước Anh. Khi về ở *Londres*, mỗi buổi chiều hai ông bà họp ở nhà riêng xóm *Lincoln's Inn-Fields* những nhà chính-trị về đảng xã-hội, nhà mĩ-thuật, nhà văn-sĩ, chuyện-trò bàn-bạc về việc việc nước, nhiều khi đến đêm khuya chưa tan...

Ông RAMSAY MAC DONALD mới thụ vào trong chính-giới từ năm 1906. Từ trước đến bấy giờ, ông chỉ những du-lich, nghiên-cứu, hai lần ra thí-nghiệm về sự bầu-cử mà hai lần hỏng cả, nhà là năm 1900, bấy giờ đảng lao-động nhất-danh là đảng « áo vàng » (*Khaki*) mới ra vận-dụng bầu-cử lần thứ nhất năm ấy ông công-nhiên giữ một cá-thái-độ về ngoại-chính từ bấy đến nay vẫn không hề thay-đổi. Nhưng mãi đến năm 1906, một buổi chiều kia có một đám đông người cười nói rần-rĩ, đốt đuốc sáng trưng, kéo đến nhà một bà cụ già ở làng *Lossiemouth* báo cho bà biết con trai bà mới được

trúng-cử nghị-viên. Ông nghị mới ấy là ai? Là ông RAMSAY MAC DONALD. Bà cụ già kia là ai? Là mẹ già ông, bà vẫn ở cái lều cũ ở nhà quê, không hề dời đi nơi khác.

Ông vừa được bầu nghị-viên, liền đứng đầu đảng Lao-động. Lần đầu ông diễn-thuyết ở Thứ-dân-nghị-viên có ảnh-hưởng to lắm, nhà chính-trị trứ-danh là ông JOSEPH CHAMBERLAIN viết một cái thư dài đề mừng ông, nhà trước-thuật có tiếng là ông W. T. STEAD chào ông là một tay cự-phách sau này. Ông đã giúp một phần to để gây ra đảng Lao-động, từ khi được bầu-cử, vừa kiêm chức nghị-viên, vừa cõ-động rất hăng-hái trong các đảng-viên. Thuật về sự-nghiệp ông RAMSAY MAC DONALD, tức là thuật lịch-sử đảng Lao-động (*Labour Party*) tự năm 1906.

Thế-lực đảng mỗi ngày một bành-trướng ra, xướng-suất được hết sự cải-cách nọ đến sự cải-cách kia, tranh được những nghị-viên rất trọng-yếu, dự được hững đảng-viên càng ngày càng nhiều, cho đến ngày nổi trận năm 1914.

Ngày chủ-thật mồng 2 tháng 8 năm 1914, công-chúng kéo đến đứng chật cả con đường ở trước Nghị-viên để nghe hai ông nghị diễn-thuyết. Một ông vừa ở bộ Ngoại-vụ ra; một ông đương đi đến bộ Ngoại-vụ để bàn. Một ông là Lord MORLEY, có chân tòa Nội-các ASQUITH, còn ông kia là RAMSAY MAC DONALD.

Mấy hôm sau thì LORD MORLEY xin từ-chức Nội-các, còn ông RAMSAY MAC DONALD giá về quê với Chính-phủ thời chắc được tin-nhiệm những chức trọng quyền; nhưng ông cũng biết rằng trận này sẽ tr' dân-gian hoan-nghênh lắm, vì phần-đối cho nước Anh không đem lực vào chiến-cục thời có hại đến lương công-danh của mình (nên ông lấy sự công-

(1) Ông SEMBAT là một tay cự-phách trứ-danh xã-hội nước Pháp. Bà vợ cũng đồng-chí với ông, bà có tài về giới. Năm 1900 Nam 1900 may chết, b... theo... theo...

danh ấy làm trọng hơn hết cả, ông biết như thế mà ông không hề sai cái chủ-nghĩa chủ-hòa của ông. Trong khi thảo-luận ở Nghị-viện, ông đứng lên nói sau cùng cả, đối-đáp với ngoại-tướng LORD GREY, lời-lẽ ôn-liền mà mạnh-mẽ, nói rằng nước Anh đáng nên trung-lập là hơn.

Mấy bữa sau, ngay trong đảng ông cũng bị thiếu-số, ông liền nhường chức lãnh-tụ đảng Lao-động cho ông ARTHUR HENDERSON.

Cái thái-độ ông RAMSAY MAC DONALD đối với việc chiến-tranh như thế, mỗi người bình-phẩm ra một cách, chính trong phái chủ - hòa cũng có người không phục ông là phải vì rằng tuy có người cho sự chiến-tranh là một việc quốc-gia đối với quốc-gia, nếu không phải nước khác đồng-dưng gây sự với mình thì việc chi đồng-dưng mình can-thiệp đến việc đánh nhau của người ta; nhưng cũng lại có người nghĩ rằng làm một cường-quốc phải nên đem võ-lực giúp những kẻ yếu-ho, bị bắt-nạt, và phái chủ - hòa nước Anh ngày mồng 4 tháng 8 năm 1914 không nên phân - đối sự nước Anh can - thiệp vào chiến - cục, mà lại nên ngay từ tháng 7 công-bố cái mặt-nước của Anh với Pháp cho nước Đức phải sợ, có lẽ không dám hành-hu-động chẳng.

Dù thế nào mặc 1914, — và bài này không phải là để nghị-luận về điều đó, — suốt trong kỳ chiến-tranh, ông RAMSAY MAC DONALD chỉ vận-động về sự hòa - bình. Nhưng phải hiểu rõ ý ông mới được. Ông không phải là cầu cho Đồng-minh thua, vì Đồng-minh thua thì cái chủ-nghĩa dân-chủ cũng đến đồ-địa thất-đồng chỉ chằm « nghiên-cứu về vận-địa hòa-bình » — theo như lời ông nói, — dù xét trong cuộc chiến-tranh mà ông bé được dịp nào để bàn chuyện hòa - hòa.

Theo một cái chủ-ý như thế, năm 1915 ông cùng với bốn người khác là các ông CHARLES TREVELYAN, E. D. MOREL, NORMAN ANGELL và ARTHUR PONSONBY, — hiện hai người vào Nội-các ông mới rồi, — lập một hội gọi là « Dân-chủ kiểm-sát hội » (*Union of Democratic Control*), cốt là để phản-đối những cách ngoại - giao bí-mật làm cho các dân - tộc giận - dỗi nhau, và gia - công cổ - động cho sự hòa-bình trong thế-giới; hội ấy hiện nay được đến mấy triệu người. Trong khi chiến-tranh hội « Dân-chủ kiểm-sát » (tiếng Anh viết tắt là U. D. C.), hết sức truyền-bá chủ-nghĩa trong nước, rủ được gần hết những người thuộc về đảng « Độc-lập Lao-động » (*Independent Labour Party*).

Nhưng các đảng chủ-chiến kia phản-đối lại, làm cho nhân-dân ngộ-nhận, không hiểu cái thâm-ý của ông, và lại cũng vì sự tuyên-cử giữa buổi chiến-tranh vội-vàng quá, nên năm 1918 ông MAC DONALD không được tái-bầu. Đến kỳ tuyên-cử tháng 11 năm 1922 thì cái phong-trào chính-trị đã thay đổi đi hẳn. Ông được bầu ở hạt Aberdeon. Sự-nghiệp ông từ bấy đến nay thế nào, thiên-hạ đã biết cả. Ở nghị-viện ông được cử làm lãnh-lu đạo phản-đối Chính-phủ (*Chief of Opposition*). Nước Anh từ trước chỉ có hai đảng bảo - thủ và tự-do chuyên tay nhau cầm quyền; nay đảng lao-động lại được bầu vào nghị-viện nhiều hơn đảng kia, theo cái thế tự-nhiên, nước Anh không thể không vội đến ông lập chính-tự đảng ấy để lập chính-phủ mới. Nhưng việc vua CHARLES I bị đảng Cách-mệnh xữ-tử, trong lịch-sử nước Anh, cũng không có sự chính-biến nào quan-động bằng sự đảng lao-động lên cầm quyền chính-trị trong nước mới rồi. Cái tình-trạng mới ấy sẽ ảnh-hưởng thế nào, kết-quả thế nào, đây ta không

thề phán-đoán được. Nhưng có một điều ta nên biết, là về đường quốc-tế thời ông Thủ-tướng mới nước Anh bây giờ là nhà chính-trị thứ nhất cầm quyền một nước lớn mà thật là xuất-thân ở trong hạng bình-dân, trong hàng lao-động ra. Ông có chân « Quốc-tế Xã-hội liên-hiệp-đảng » (*Internationale Socialiste*), chính ông đã có công tổ-chức lại đảng ấy từ sau khi chiến-tranh; ông thường tham-dự và thường diễn-thuyết ở các quốc-tế-hội-nghị của các đảng công-nhân, đảng xã-hội; bao nhiêu lãnh-tụ các đảng ấy ông quen thân, biết thân cả. Chắc là ông có một cái thế-lực riêng lăm - thời có thể vượt qua các Chính-phủ mà nói thối cho đến các dân-tộc nghe.

Từ ngày làm Thủ-tướng, những khi yến-tiệc ở trong Cung, ông cũng ra dáng chững-chạc lăm, chẳng kém gì

các nhà quý-phái kia, nhưng thủy-chung ông vẫn giữ cái thái-độ giản-dị một người bình-dân. Ông vẫn giữ cái nhà nhỏ ở xóm *Lincoln's Inn Fields*, và gần đây thiên-hạ hãy còn trông thấy ông hằng ngày đi xe điện đến Nghị-viện.

Cách tiêu-khiển thích nhất của ông là đi chân. Khi nghỉ hè, thường có ngày ông đi đến 30 cây-lô-mét, bỏ quyền sách trong túi, vừa đi vừa đọc. Ông cũng ưa đánh quần, nhưng đánh không tài bằng ông LLOYD GEORGE. Song không tài nghề đánh quần, mà có cái phép biết khéo buộc dặt những vết thương cho các dân-tộc, khéo điều-hòa các nước với nhau để mưu sự hòa-bình trong thế-giới, thời tướng thế còn có giá-trị hơn là làm một nhà thể-thao chuyên-môn vậy.

HỒNG-NHÂN dịch

MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÂN-ÔNG (1)

Thượng kính kỹ-sư

上京記事

(Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ)

CHƯƠNG THỨ X

Các công-khanh mời đi
chữa thuốc

(Tiếp chương thứ VII)

Có một ngày kia thấy hai người đem nhiều lính tùy-hành đến, hỏi r thì một người là viên trợ-giáo trường Quốc-tử-giám, một người là quan cù tri-phủ phủ Tiên-hưng; hai ông cùng nói rằng: « Quan Tham-tụng-tả-binh quan 參從左兵官 cho chúng ta

đến mời cụ. » Còi mời vào trong nhà khách cùng ngồi, hai ông nói: « Cụ lớn tôi thụ-ty-nặng đã hơn một tháng nay, mệt khắp các thầy chữa không khỏi, bây giờ nguy-cấp lắm, xin cụ nghĩ tình « lèn-hữu » mà đến thăm cho, đừng quên. » Vì quan Tham đồng-khoa với ông Thự-trấn Lạng-sơn là anh tôi. Tôi nói: « Cụ lớn với gia-huynh tôi là c₅ đễ g-khoa với nhau, tôi đâu dám từ » ; tức-thì mặc áo lên võng ra đi. Một vài ngày đến nhà ngoại-

(1) Xem N.-P. số 77, 78, 79, 80.

sánh, đã thấy quan Tham-nghị 參議 Hải-dương ra mời vào nhà trong cùng ngồi. Ông kể hết bệnh-nguyên cho tôi nghe, được một lát thì mời tôi vào nhà tắm-thất xem mạch. Tôi thấy quan cụ đang nằm trên võng, người nhà việc quan xuống giường, tôi xem mạch thì thấy: tả tam-bộ vi-nhuộc lắm, hữu-xích như đục tuyết, hữu tam-bộ còn vượng, nhưng sảo-án thì tàn, trọng-án thì không thấy gì nữa, đến gần bên thì hơi nóng xông ra cả người ngoài, sờ vào thì chỉ hơi ấm-ấm, hai chân lạnh, thỉnh-thoảng ợ hơi lên, hỏi ra thì nói như người ngồi trong đám khói đặc, mắt cay lắm cứ phải nhắm lại, trong ngực uất-nhiệt lên phải ợ hơi ra, đại-tiện táo-kết, tiểu-tiện xich-sáp, hung-cách nghẹn không ăn được. Rồi cụ lớn Tham bảo tôi rằng: « Tớ với bác là chỗ niên-gia với nhau, mệnh tớ thì không biết sớm tối thế nào, nếu tớ mà qua được thì cái ơn tái-sinh kia chép xương khắc đá bao giờ quên được. » Tôi từ-tạ rằng: « Bệnh này là một chủ g thường, chắc không lo gì, xin ngài cứ yên bụng, độ trong tuần-nhật thì sẽ khỏi được. » Quan cụ nghe tôi nói mừng lắm, tôi bèn xin phép ra ngoài, quan Tham-nghị khẽ hỏi bệnh của ông cụ lớn Tham thế nào. Tôi nói: « Ông ấm đã nội kiệt, dương không y y vào đầu mà muốn ly-thoát, thế dù nơi rồi. » Tôi lại hỏi những bài thuốc đã uống trước, quan Tham-nghị lấy quyển ký-bạ ra cho tôi xem, thì thấy định tinh những thuốc thanh-hỏa, hóa-gam và trừ-thấp cả. Và ông này đã cao-niên mà có hầu ngàn-ngang cả trước mặt, vì người già thì chân-âm nó đã hao sẵn, lại hiệu-sắc để giáng mất tinh-khí đi, thời phần âm phải kiệt, thuốc lại không biết bồi-bổ, cứ tiêu-bại thêm, không nguy sao được. Tôi nghĩ trong bụng nghĩ rằng: « Mạch còn hòa-hoãn là vì vị-hi 胃氣 chưa tuyết, lại tại thuốc là hại chứ không phải tại bệnh kh... n... , phải dùng

hết sức mình thì họa chẳng mới có thể gỡ được. » Tôi mới nói với quan Tham-nghị rằng: « Nguy-cơ lắm rồi, không dám chắc, xin bốc một thang, hay dở thế nào sẽ biết. Nhưng tôi có một điều tâm-sự, nếu cụ lớn có ưng cho thì tôi mới dám bốc hầu thuốc ngài xoi. » Quan Tham-nghị nói rằng: « Có việc gì cụ cứ nói, có lẽ nào cụ lớn tôi lại không nghe. » Tôi nói: « Vì tôi suy-lão không vào châu-chực được, đã nhiều lần dâng khải xin cáo mời được ra tại-ngoại đề phụng-thị thang-dược, các nhà quan sang có việc tìm đến tôi đều từ chối là già, nay cụ lớn là chỗ niên-nghị với anh tôi, tôi không dám kiêu, nhưng Thánh-thượng ngày nào cũng cho quan đến vấn - an cụ - lớn đấy, nếu có ban hỏi đến ai chữa thuốc, thì xin nói đổi đi tên người khác cho. » Quan Tham-nghị vào bẩm, quan cụ sai ông trợ-giáo ra bảo tôi rằng: « Xin cụ hết lòng điều-trị cho, việc ấy ta đã định-liệu rồi, cụ không ngại. » Tôi bèn bốc một thang « Đại-tu-âm » dùng thực-dịa với ban-long mỗi vị đến vài bốn lạng, dặn sắc đặc cho uống luôn cho hết; rồi tôi từ-biệt ra về. Sáng sớm ngày mai thấy ông trợ-giáo đến, mặt mũi tươi-cười mà nói rằng: « Thật là thần-dược, uống một nước thì thấy mát ngay, uống đến hai ba nước nữa thì các chứng người phần giảm được ba bốn, cả bà ai cũng mừng lắm, nay cụ lớn mới cho đến xin cụ chén nữa. » Tôi lấy bài trước bốc bội thêm lên mà gia nhân-sâm. Hôm sau lại mời tôi đến xem mạch lại, hỏi ra mười phần đã giảm được bảy tám; đến bữa cơm, quan cụ thiết-dãi tôi tử-tế quá, cụ nắm tay tôi mà nói rằng: « Hạn vì tôi là ô-duyên, bị bọn dong-y nó làm khổ tuyết nữa không gỡ được, nhưng chỉ trách bác Lạng - trấn vẫn đến thăm tôi mà không nói chuyện bác. » Tôi

nói vì trong chỗ anh em biết nói thế nào, xin cụ-lớn miễn-thứ cho ; quan cụ nói rằng : « Cũ-hiền thì cha con cũng không hiềm-nghi gì, nữa là anh em. » Tôi nói : « Chỉ vị tị - hiềm đây thôi. » Hai người cùng cả cười, tôi bèn xin lui ra chế thuốc, tôi xem bệnh cụ hư-hỏa còn thịnh, mới dùng một thang « bổ-hỏa » và gia những thuốc giữ vị-khí ; xong rồi tôi cáo về. Quan cụ tiễn tôi hậu lắm. Từ đó vắng - lai biểu-sén những đồ thời-vật không biết đâu mà kể. Được độ hơn tuần-nhật, các bệnh của quan cụ lại phát ra, lại vội-vàng cho đến mời tôi, tôi nghe nói chẳng biết tại ra làm sao, hỏi người lai-nhân thì hắn nói : « Đích-thị là cụ lớn ngộ-phòng. Tôi đến thăm rồi dẫn quan cụ rằng : « Phàm sau khi đại-bệnh, cửu-bệnh, khí-huyết không-hư, hễ hơi bất-cần một tí thì bệnh lại khó ngay, cụ-lớn là cái thân vau-kim xin cụ-lớn phải nên nghĩ kỹ. » Quan cụ nói rằng : « Từ giờ điều gì cũng xin tuân lời y-huấn, không dám sai. » Tôi lại bốc thuốc « Cứu-bản » để điều-bổ các chứng lại đỡ. Lúc tôi về nhà trọ có người đến báo tôi rằng : « Không nên dụng lực chữa cho cái ông quái ấy, nếu có khỏi được cũng lộn âm công. » Trong bốn năm ngày mấy người cùng nói với tôi như thế cả, tôi cho là cũng vì cái thói thường trong sự ăn cừ, khi ông này cầm cần này mà trong Triều mà không biết cái lỗi của mình đây thôi, thực cũng đáng buồn cười thay. Lại được độ nửa tháng nữa bệnh lại phát cả ra như trước, lại để mời tôi, tôi hỏi nhỏ ra là vì ăn cơm nếp mà hóa ra như thế. Ông trợ-giáo nói vụng với tôi rằng : « Vị-tất đã ăn cơm nếp mà thế, khi bệnh phục-phục ra, không đi mời cụ ngay, còn người ta nói ông thầy này thần-diệt thì uống thử một chén, lại nghe ông thầy kia hay lại uống một bài, chỉ trong một ngày đêm mà thay đổi đến

bốn năm ông thầy, ý hẳn là ngộ-được đó, xin cụ để bụng mà điều-bộ cho. » Tôi chữa được một hai ngày bệnh tuy giảm được một hai phần, lại biến ra chứng tiết-tả, tôi sợ lại biến ra chứng thoát-đoạt, phải giữ ngay lấy vị-khí thì chỉ ngay được chứng tiết-tả, nó lại biến ra chứng phiền-táo, tôi cứ cất bài tư-âm để cho nhuận, thời mới đỡ. Tôi về nhà trọ năm sáu ngày không thấy cho người đến lấy thuốc nữa, hỏi người ngoài thì họ nói : « Phụng sai quan Ngự - y ra chữa đã mấy ngày rồi, không ăn thua gì, nay mời khắp cả các thầy đến hội nhau cùng chữa. » Tôi nghĩ xa nghĩ gần, rồi tôi tự-thán rằng : « Ông này lấy thân thử thuốc, mà các thầy lang thì lập-dị tranh-công, mệnh ông hồng mất ; đó là vì nhân sự bất-cần, chứ đã biết đâu là thiên mệnh không cải được nữa. » Đến hôm sau lại thấy ông trợ-giáo đến mời tôi, rồi lại thấy quan Tham-nhị cũng cho con đến mời tôi và tạ lỗi vì nghe người ngoài họ cứ vật-nài kêu xin đến chữa ; tôi nghĩ thăm rằng vì ngày nay chữa có đỡ thì ngày mai là cái-đỡ ngay, và vị-khí đã bại rồi thì làm thế nào được nữa, nên tôi không chịu đi ; họ cứ cố mời, tôi mới để cho một bài « Cứu-dương ». Vài hôm sau nghe tin ông đã qua đời rồi tôi ta-thán mãi, nhân nói hai câu cổ thi làm thành một bài đoản-luật rằng :

富	世	有	無
貴	間	心	藥
浮	誰	應	可
雲	有	對	醫
本	芳	鬼	卿
自	名	神	相
期	死	知	命

Thuốc nào chữa được thân khanh-trướng,
 Tâm ấy phó a trưc qui-thần.
 Chỉ có danh thơm còn mãi mãi,
 Ra chi phú cái hủ-vân !

. . . Khi tôi còn ở trong rừng, vẫn tưởng những tay quốc-y quốc-thủ ở trong đế-hương đều là những tay học-thuật quán-thông, tinh-diệu nhập-thần cả, tôi thường phàn-nàn rằng mình vô-duyên không được gặp các ngài. Đến lúc tôi tới Kinh thì thấy cái cách của các ông chữa không cho là « phong-hỏa » thì cho là « thấp-dâm », có khi biết là « hư nên bổ » thì cũng chỉ bổ khí bổ huyết qua-loa mà thôi, đến như « chân - thủy chân - hỏa » là cái gốc lập - mệnh, cái chốt cầu-sinh, thì tuyệt không trịnh - trọng đến chút nào ; ấy cái y-đạo của ta sao mà khó thế. Tôi còn nhớ một bậc tiên - chính nước ta ngày xưa có nói rằng : « Những nhà làm thuốc ở nước ta mà không tinh được là vì có hai cái bệnh : một là bọn nho-học trung - nhân ra học thuốc cầm đến quyển sách thuốc xem qua từ đầu đến cuối, nghĩa nào cũng hiểu, thì tự cho ngay là khó, khó, kíp đến khi bốc thuốc thì đ - suất cái gì cũng là hốt-lược cả ; hai là bọn chữ nghĩa dờ-dang, khi ra học thuốc bắt-miền mập-mò sai-suy, như người giương cung không giương nổi thì cho là cung cứng. » Đầu đó thực là chí - đáng chí - luận. Ôi ! bất-túc đã hỏng, mà hữu - dư cũng hỏng, thế có khó không ? Nhân năm một đoán-luật rằng :

漸	國	生	古
子	手	殺	云
孤	猶	關	用
陋	多	頭	藥
理	虧	係	如
難	乏	匪	用
明	處	輕	兵

Lời xưa dụng đượ nh dụng binh,
Sinh sát trong tay phải phải khinh.
Quốc-thủ có khi k ông ết lẽ,
Phượng-chi cô-lậu đến đư mình.

CHƯƠNG THỨ XI

Nhân đi chữa thuốc lại qua
Tây-hồ

Có một ngày trời đã sấm - sấm tối, thấy một viên tân - khoa Tào - sĩ 造士 họ Vũ người Hà-hoàng đến nhà trọ tôi. Nguyên chàng là con quan Hiến-phó, lúc tôi tới Kinh thì chàng vẫn lấy cái tỉnh châu nuôi mà đi lại. Tôi hỏi hôm tối quan đến chơi có việc gì, chàng nói : « Cự-lớn Quốc-sư Tào-quận-công 國師曹郡公 bị bệnh ly, cho tôi đến mời cụ. » Tôi còn đang hỏi căn-vấn chàng thì lại thấy một bà người ở cổ-hương tôi là vợ quan phủ Duy - tiên 維先 trước, bà có họ ngoại với tôi, đến mời tôi mà rằng : « Phu - nhân của Quốc-sư Nguyễn Thượng-thư 國師阮尙書 bị bệnh đã lâu, cho tôi đến mời cụ. » Tôi cười mà bảo hai người rằng : « Vì họ bên tôn có bên ti thì lẽ mới có ừng bề từng bậc, này hai bên đều là quan đương-quốc đại-thần, cùng đồng-thời cho đến mời, tôi không biết đi bên nào trước bên nào sau, xin quan tân-khoa với bà phủ xử-dịnh cho. » Tôi với hai người cùng tranh-luận với nhau, ai cũng bênh về chủ-nhân mình : tôi nói : « Không phải thế, nhà ta chỉ lấy sự hoãn-cấp làm trước sau. Hiện nay cụ Quận Tào bệnh-thể trầm trọng, lẽ phải nên cần, còn phu-nhân bà gia Văn-quốc-sư, bệnh dai-dẳng đã lâu, cơ còn hoãn được, tôi xin sáng ngày kia sẽ đến đàng Văn-Quốc-sư. » Tôi lại bảo bà phủ rằng : « Bà về thăm cháu cuối cho như thế, chứ không phải là tôi dám có trề-nãi gì. » Bà nói : « Thế thì ngày kia xin cho người nhà đưa lính đến rước cụ. » Rồi bà từ-đi ra về. Tôi bảo chàng tân-khoa rằng : « Dinh cụ Quận xa lắm mà độ này trời nóng-nực, phải đi từ gà-gáy mới được. » Chàng vâng lời trở ra về

đến đêm đem năm người đến đón tôi. Nói chưa dứt lời đã thấy một người thuộc-viên đưa năm người lính kiện-tốt cầm thế « dạ-hành quân-phù » đến mời đi. Tôi bèn đăng-trình ra đền Trấn-vũ, theo mé tả-ngạn hồ Tây mà đi; gần trưa tới nơi, lính canh vào bậm, rồi cho mời tôi vào nhà tắm-thất để án-mạch. Tôi đoán cho cụ Quận là xơi phải đồ lạnh, rồi tôi biện-chứng lập-phương để cụ Quận nghe. Cụ than rằng: « Cụ thầy đoán bệnh không sai một tí nào, mà bài thuốc cũng thiết - đáng lắm. » Vì cụ cũng có biết thuốc. Cụ lại khen rằng: « Điền-quận là người tri-nhân thật, thật không phụ cái người mình sờ-cử, như cụ lang mà thám-minh y-lý thế này, nhất-dán được cứu-trùng biết đến, cũng không phụ cái sờ-học của mình. » Tôi từ-tạ không dám nhận. Cụ Quận bèn sai con là Kiệu-hữu-quan 驛右官 mời tôi ra nhà khách hậu-dãi rồi tiễn tôi về. Tôi xin vào cảm ơn thì cụ Quận truyền chước-miễn cho. Bấy giờ em cụ Quận Tào là cụ Bàn-quận-công 盤郡公, lại mời tôi lạ đề hỏi thăm cái bệnh-thế của cụ Quận anh, tôi nói: « Mạch không còn vị khí thì cũng chẳng lâu được. » Cụ Quận em nghe tôi nói rồi chỉ thờ dài mà thôi. Nói về khi tôi mới đến cửa dinh trông thấy có mấy cái quan-thuyền cắm ở bên bờ hồ Tây, tôi mới nói với cụ Quận Bàn rằng: « Hôm nay trời nóng lắm, đi bộ vất-vả quá, xin cho lính mang cái quan-thuyền để về cho tiện. » Cụ bèn sai lấy sáu người lính thủy-thào thuyền tiễn tôi về. Tôi từ-giã ng rồi ra lên thuyền đi. Thuyền ra khỏi cửa núi đá ở giữa hồ, trông ra nước biếc trời xanh, gợn sóng long-lanh choán lộn, cò trắng bay từng đàn, uyên-ước đi từng cặp, rập-rờn cả ở bên kia cửa.

Về mấy chỗ mé hồ thì bóng cây Ly-cung-tùm-bum, phát-phơ như rõ như mờ, cái bãi nổi giữa hồ thì một dãy lâu-dài, cỏ hoa đang phở hồng khoe thắm, chài ai lanh-lảnh, hát dưới bóng tà - dương; chuông chùa đầu boong boong, đồn theo văng lạc-nhật; tôi ngồi ở trong thuyền, lấy làm hào-sảng không biết là đường nào! Chợt trông thấy một chỗ xa-xa có điện-các nguy nga, cây-cối xanh tốt, tôi cho chỉ thuyền chèo sấn vào, đến gần, thì ra chùa Trấn - quốc. Tôi truyền nhà lái cầm sào vào bờ, tôi lên bờ, rồi đến ngồi lên trên một cái ghế đá ở dưới gốc cồ-thụ, trông ngang trông ngửa khắp mọi nơi, mà trong lòng thồn-thức ứa hai hàng nước mắt dòng-dòng; bọn môn-nhân hỏi vì duyên-cớ gì. Tôi nói: « Lúc còn bé, tôi ở trong Kinh này, có cùng với mấy người anh em bạn kết làm một thi-xã, ước nhau cứ đến mùa xuân mùa thu thì cùng ra Tây-hồ hành-lạc, khi đến thời đem đủ cả rượu và đồ nhắm rồi thuê ba bốn cái thuyền chài chở phóng-cha, ra giữa hồ để du-ngoạn, tiếng đàn hát âm-ran ra cả bốn xung quanh, khuya thì về ngủ ở chùa Trấn-vũ, có khi chơi đến bốn năm ngày mới về. Chao ôi! Tôi đau lòng thay cho chúng bạn tôi nhiều người đã là người cũ rồi, mà ngày hôm nay tôi kiến-cận, hàm-linh ở đây, kia như mấy gốc cồ-thụ ở về mé tây kia với một dãy núi tre ở bên bờ nước nọ, trước thì bãi bình hồ, sau thì cái gác chuông, vẫn còn y-nhiên như cũ, tôi chợt trông thấy cảnh mà tôi sự nhớ đến người, từng - sử tôi có cái ruột gan như đá như sắt, cũng đôi phải mềm ra. » Nói thôi gạt lụy xuống, dò, nhưng nói sâu dặng - dặc muờc vắn khôn dứt, bèn ngâm một thiên đủ tả nỗi lòng người này:

空 風 鎮 離 上 隔 復 西
 嗟 景 武 宮 方 岸 跨 湖
 不 依 鑼 樹 笑 樓 輻 一
 見 依 聲 色 語 臺 船 別
 舊 前 亂 分 水 山 過 三
 辰 樣 出 殘 中 上 浪 十
 人。在。類。照。開。立。類。春。

Ba mươi năm cách chốn hồ Tây,
 Rẽ sóng con thuyền lại tới đây.
 Điện Phật lầu đài nhỏ mặt nước,
 Quần tiên cười nói vắng trên mây.
 Chuông chùa Trấn vũ đồn liên tiếng,
 Bóng xế Ly-cung nhạt sắc cây.
 Phong-cảnh vẫn nguyên phong-cảnh cũ,
 Bâng-khuâng vắng những kẻ xưa ngày.

Đi đến Trấn-vũ-quán đồ bộ về nhà,
 hôm sau sáng sớm đã thấy bọn người
 nhà cụ lớn Văn cho đến đón, tôi cho
 bọn sai-nhân đó đi trước đưa đường.
 Đi qua mấy nơi dinh cũ của tiên-
 quân và tiên - thúc, thấy tình thấy
 cảnh mà thương, xuống võng ra xem,
 những thú hồ-sơn, vẫn y như trước,
 mà cỏ hoa ngày nọ đã về tay ai cả

rồi! Tôi bèn ngâm bốn câu tứ-tuyệt
 đề hoài-cổ rằng :

惟 百 勳 富
 有 年 名 貴
 口 留 本 皆
 碑 姓 自 爲
 文。字。真。幻。

Phú qui là trò dối,
 Huân-danh mới thực hay.
 Chỉ có cái bia miệng,
 Đẽ tiếng mãi sau này.

Lại đi được độ một cung đất thì
 đến dinh Quốc-sư, linh vào bằn quan
 cụ cho con là Thiêm - bình - quan
 簽兵官 ra rước tôi vào nhà khách,
 rồi mời vào phòng chỗ phu-nhân nằm
 để coi mạch. Xem xong ra nhà ngoại-
 sảnh yết-kiến cụ Quốc-sư, tôi kể cả
 căn-nguyên bệnh chứng hầu cụ-lớn,
 đầu nào cụ-lớn cũng bằng lòng rồi
 lâu tiễn cho tôi về.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT dịch

QUỐC-VĂN TRIỆU GIA-LONG⁽¹⁾

II

Tờ giao-thiệp với người ngoại-quốc dùng bằng quốc-văn

Năm Gia-long thứ 6 (1807) có người nước Hồng-mao tên là Kê-lê-miền đi một chiếc tàu đến
 cửa Hàn Quảng-nam (Tourane) rồi lại, rồi đem lên một bức thư của quan Đông-phương-lông-trấn
 nước Hồng-mao tên là Ba-lô-lôn và một cái thư của Trấn-bình thành Ma-da-lát tên là Bình-
 tinh, đại-lược trong thư ấy nói rằng năm trước tên Bình-tự và tên Mạt-răng có chở binh-khi đến
 bán, bây giờ hai tên ấy buồn lờ lẽ heo khờ, xin đem cái thư của chúng nó bán năm trước đến tỉnh để
 lãnh số tiền còn thiếu, vân-vân. Đức Thế-tổ tiếp thư ấy cho tuyên-triệu đến Kinh, đãi ở nhà ông
 Nguyễn Đức-Xuyên, rồi sai quan Tham-trì bộ Hộ là Lý-Việt-Nghĩa, quan Giám-thành-sứ là Trần-
 Văn-Học cùng với ông Nguyễn Văn-Thăng, Nguyễn Văn-Chiến và Nguyễn Văn-I sang đến dịch thư ấy ra,
 và sai ông Nguyễn Đức-Xuyên viết thư bằng quốc-văn trả lời lại. Ngày 9 tháng 10 năm ấy ngài
 ban cho 1708 hốt, 5 lượng, 8 phân bạc tiền, 8 phân bạc tiền, 8 phân bạc tiền, 8 phân bạc tiền,
 đường cát 3 tạ, đường lược 3 tạ, đưa xuống tàu cho người ấy. Những bản dịch và thư trả
 lời như sau này.

(1) Xem Nam-Phong số 30

Thư thứ 1

Hồng-mao Tông-trấn phương Đông tên là Ba-lô-lông cúi lạy Đức vua An-Nam dâng tỏ nhậm lời chúng tôi gửi tàu: Vả thuở trước hai nước có lòng bằng-lữ cùng nhau, từ xưa đến nay lại các quan trấn phương Đông đã lo hết sức cho đặng một ngày một thêm nghĩa bền lâu dài, sự ấy đã tỏ-rạng. Vì thuở trước có quan Sứ chúng tôi qua xin lập việc buôn-bán, đã hay Đức vua không nhân cho chúng tôi, nhưng mà chúng tôi cũng không lòng oán-ni, vì bởi có quan Sứ chúng tôi qua, cho nên hai nước càng thêm quen biết tin nhau.

Vả nước Hồng-mao chúng tôi đã có ơn, việc ấy tỏ rõ, vì nước chúng tôi cho phép hai tên là Áp-but với Mệt-răng là người buôn tại thành Ma-lát, lo việc cho Đức-vua cùng cho phép bán súng khi-giới cho Đức-vua lấy đặng nhà nước. Lại với khi gửi súng khi-giới cho Đức-vua, đến năm niên-hiệu Hồng-mao chúng tôi 1803, bên An-Nam là năm quý-bợi, Áp-but với Mệt-răng thấy những điều các quan Đức-vua không lòng hậu-đãi những kẻ đến giúp binh khi ấy mà đã thiệt chịu giá với nhau; lại Áp-but Mệt-răng đã giao thao-lược nội năm ấy, kẻ làm tôi Đức-vua ăn ở khinh-bạc với tàu-trưởng là Bô-li-bôi, và Bô-li-bôi là người thay mặt Áp-but Mệt-răng qua mà tính-toán các việc, mà cầu-trừ cho xong, rồi còn dư bao nhiêu bạc thời Bô-li-bôi lách lấy đem về cho hai tên ấy, mà bên này không chịu trả bạc dư, lại giục tàu-trưởng là Bô-li-bôi cất hóa-bang tại cửa Hàn rồi thời sẽ cho một cái tờ truyền cho quan trấn Sài-gòn để trả hai vạn lăm bạc cần trả giá hàng hóa cất tại cửa Hàn. Lại sau có tờ truyền dừng phát bạc ấy. Bởi có tờ ấy nên quan Trấn không chịu trả. Qua năm sừ, tàu-trưởng Bô-li-bôi lo hết sức mà chẳng đặng bạc với số cũng như năm trước. Lại Áp-but Mệt-răng có lo đem cho Đức-vua đồ binh-khi kỳ trước, cho nên không có lẽ nào mà chẳng thiếu của hai tên ấy, vậy hai tên ấy có thưa đến trấn Hồng-mao, chúng tôi có chấp đơn thưa ấy, nên chúng tôi buồn-bực, việc chẳng-đã chúng tôi phải gửi tàu lại cho Đức-vua đặng tỏ việc ấy, như ăn ở cho công-bình rộng-rãi mới đặng tiếng trong thiên-hạ. Như Đức-vua đặng công-bình, xin Đức-vua xét công hai tên ấy đem súng khi-giới giúp Đức-vua đánh đặng giặc, thời trả bạc thiếu cho hai tên ấy, cùng

kể giữ việc cho Đức-vua thời phải soát sổ tại các quan Đức-vua; lại xin sao sổ một bản, cho đặng xét lại ai phải ai chẳng. Xin Đức-vua nghĩ lại nước Hồng-mao ăn ở công-bình rộng-rãi, thuở trước có vớt đặng chiếc tàu, tưởng là tàu giặc, đến sau biết lại là tàu Đức-vua, thời có trả vừa vốn vừa lợi rộng-rãi, chúng tôi mong Đức-vua theo đó làm việc phải, cho đặng danh tiếng.

Xin Đức-vua xem các lời trong tờ, và nhà hội buôn cho đặng thiết-nghĩa, ngày sau nội nước Hồng-mao càng thêm hết lòng cung-kính Đức-vua cùng nước An-Nam. Chúng tôi là kẻ bề dưới khiêm-nhượng chiều lụy cung-kính, cúi xin Đức-vua nhận lời gửi tàu.

Niên-hiệu Hồng-mao ngày 1 tháng 7 năm 1807 (ngày 4 tháng 9 nhuận năm丁亥)

Người dịch là :

*Khâm-sai-chưởng-cơ Giám-thành-sứ thần
Trần Văn-Học.*

*Khâm-sai Thuộc-nội-chưởng-cơ thần
Nguyễn Văn-Thắng.*

*Khâm-sai Thuộc-nội-chưởng-cơ thần
Nguyễn Văn-Chấn.*

*Khâm-sai Thuộc-nội-chưởng-cơ thần
Nguyễn Văn-Lãng.*

Thư thứ 2

Ma-da-lát thần Trấn-thành chúng tôi tên là Bình-đinh, cần lạy Đức-vua nước An-Nam.

Nay chúng tôi có tình gửi một phong thư theo một lần cùng ở quan Tổng-trấn nước chúng tôi ngoài cử nhân-dề dâng Đức-vua An-Nam. Xin Đức-vua có dụng-tình xét lại vì sự số mua nợ bạc của hội thương là tên Áp-but Mệt-răng ấy là một sự thứ nhất. Lại lời thứ hai như các việc này thời đã thưa đủ lời tỏ rõ trong tờ quan Trấn chúng tôi, nên chúng tôi không thưa lập lại. Xin Đức-vua hết tình cứu giúp cho hai tên Áp-but Mệt-răng, như hai tên ấy vì lo cho đặng binh-khi đem qua giúp việc nước cho Đức-vua, nay đặng binh-bao. Bởi vậy nay hai tên ấy bị hao-tồn lỗ-lũ đói nghèo cũng vì việc số gửi cho Đức-vua, quả thiệt làm vậy, chẳng phải hư-ngôn. Vả bên nước chúng tôi thời đã nghe đồn Đức-vua nhân lớn, nên chúng tôi đã lấy làm tin. Song nỗi lòng nào Đức-vua chỉ nghe thương hai tên ấy mà chẳng cứu giúp. Vì lời thứ ba, nay

hai tên ấy có lòng trông muốn, xin chúng tôi sai một người qua nước An-Nam tâu Đức-vua, xin Đức-vua sai quan nước An-Nam hiệp-tinh cùng nhau việc này, ngõ đoán sự ấy cho rồi. Xin Đức-vua đoái thương hai tên ấy, mà xét lại cho công-bình minh-bạch. Và lòng chúng tôi thiệt tin Đức-vua trong nước đoán-xử việc công-bình, mà hai tên ấy có kêu thưa với chúng tôi, vậy phải tờ qua xin Đức-vua lấy việc công-bình liệu-xử cho hai tên ấy ngõ nhờ.

Nay lay.

Niên-hiệu Hồng-mao ngày 6 tháng 7 năm 1807 (ngày 4 tháng 9 nhuận năm Đinh-mão).

Người dịch là :

*Khâm-sai-chưởng-cơ Giám-thành-sứ thần
Trần Văn-Học.*

*Khâm-sai Thuộc-nội-chưởng-cơ thần
Nguyễn Văn-Thắng,
Nguyễn Văn-Chấn,
Nguyễn Văn-Lãng.*

Tờ tính số và nhận bạc

Như nội trong số Đức-vua An-Nam thời Ấp-but Met-răng là người buôn tại thành Ma-da-lat còn thiếu bạc quá 23.248 tấm, nay chúng tôi vãng sai tinh số cho rồi cùng theo ý quan Hồng-mao Tổng-tá phương Đông chúng tôi xin tăng cao giá hơn, cho nên thiếu của Ấp-but Met-răng bạc 12.825 tấm, chúng tôi lãnh tại Khâm-sai chưởng-tượng-quân lãnh-tượng-chánh cai tào-vụ Quận công thêm 1200 tấm. Đủ bề trên ăn ban cho theo số do lãnh ngày mùng bảy tháng 11 Hồng-mao niên - hiệu 1807. Khâm-sai chưởng-tượng lãnh-tượng-chánh cai tào-vụ Quận-công phát bạc đồng 21 tấm, bạc nén 1708 nén 5 lạng 2 tiền 8 phân, thế bạc đồng 24.204 tấm. Cộng bạc đồng 24.825 tấm, lãnh trước mặt Kê-lê-miên-xuy-tê chánh tàu với dưới thời Niên-xông đồng tên, La-kim-bê với Xa-an đồng ký lãnh.

Ngày 8 tháng 9 nhuận năm Đinh-mão.

*Khâm-sai Chưởng-cơ Giám-thành-sứ thần
Trần Văn-Học.*

*Khâm-sai Thuộc-nội-chưởng-cơ thần
Nguyễn Văn-Thắng,
Nguyễn Văn-Chấn,
Nguyễn Văn-Lãng.*

CÁI THU TRẢ LỜI

Thư thứ 1

Việt-Nam-quốc Khâm-sai chưởng-tượng-quân lãnh-tượng-chánh cai tào-vụ Quận-công tức thư vu Hồng-mao-quốc Đông-phương Tổng-trấn Ba-lô-lông tri-hội.

Nay thấy Qui-trấn ủy sai Chánh-tào Kê-lê-miên-xuy-nê với Xa-kim-bê Xa-an đệ chỉ biểu-văn trần-tấu rằng: Người hội thương qui-quốc tên là Ấp-but Met-răng có trình cùng qui-trấn rằng các năm trước số-đệ ký-mãi các hạng súng-khẩu dâng-vật qua Bản-quốc giao cho Ba-đa-de phát-mãi, nay xin chiếu ba hội-tinh cho tương-túc-khiếm, các lời trong biểu-văn ấy, hầu-chức đã cụ-sự trần-tấu, cúi vâng Bản-quốc Ngự chỉ-đụ hạ rằng: Và Bản-quốc ở cùng Qui-quốc vốn lòng thành-tín mà tương-đãi, như các năm trước việc ký-mãi súng-khẩu thời đã có thức-dạng cùng tờ gửi qua Qui-quốc, đến sau tàu-trưởng đệ-súng-khẩu cùng các vật qua bao nhiêu thời tàu-trưởng giao tại Ba-đa-de, như Bản-quốc nhận mãi y tri-giá bao nhiêu và đã hoàn ngân-phiếu bao nhiêu, từ năm Ba-đa-de cố-mạng rồi, thời đã có người Qui-quốc là Bô-li-bôi qua tại Hàn-hải môn binh-cán diêm-tiền cần-trừ hòa-giá với Bản-quốc số-mãi súng-khẩu, bình giá lý hoàn ngân-phiếu bao nhiêu, đều đã thanh-toàn, thời có tự-tích Bô-li-bôi biên-lai, lấy làm chiếu-nghiệm. Nay tiếp thấy biểu-văn với lại-nhơn lại đề-khởi sự các năm trước ấy, nên ban-hạ cho hầu-chức soát thử chi-đơn-đơn-bộ tự-tích Ba-đa-de cùng Bô-li-bôi mà hội-tính cùng người chánh tàu Qui-trấn sai qua ấy, thời Bản-quốc số-mãi bao nhiêu, lý-hoàn hao nhiêu, đều đã chiếu giá thanh-toàn, nguyên phi-tích-khiếm, mà Ba-đa-de tiền-biên số khiếm Bản-quốc quan-ngân cũng bấy nhiêu. Nay các đơn hạ ấy, thời chánh tàu đều đã tương nhận hội-tính minh-bạch. Qui-quốc vốn không tích-khiếm, vậy chánh-tàu có lời thông-dịch rằng: và Ấp-but Met-răng các năm trước trang-tải súng-khẩu cũng có các vật qua hầu-quốc phát-mãi đến nay, hai tên ấy tâu-phi thất-lợi và nhiều, hiềm vì số-đệ ký-mãi qua chẳng in thức, nên phát-mãi thấp giá là thất-lợi, nay chánh tàu xin tăng giá các súng cùng bổ-phạm thiết-đinh các hạng ấy, như hạng nào tăng giá bao nhiêu, thời để tờ chánh tàu kê-khai tại b. Lại tới sự

chiếc tàu năm trước ở theo Ba-đa-de kinh nhật sở phí hoá-thực, thời năm ấy Bản-quốc Đức Hoàng-thượng đã ngự ban cho Ba-đa-de một chiếc tàu với tùy ghe binh-khí, như ghe kỵ binh-khí phòng trị giá ngân hơn 6000 tấm, để bổ làm phí-tồn vậy.

Nay chánh tàu nói rằng: sự chiếc ghe ấy ban cho Ba-đa-de lấy làm tư-vật biệt-mãi, nên hội thương cũng không dâng nhờ, xin trông ơn châu-cấp.

Như lời chánh tàu nói sự chiếc ghe làm vậy, thời cũng chẳng biết lấy đâu làm cớ, mà tờ chánh tàu cụ-khai cùng khâu-trình sự xin tăng giá cùng xin châu-cấp cho Ấp-but Mệt-răng ấy, bản-chức đều đã chuyên-tấn, khâm-mòng Thượng-chỉ xét tưởng Ấp-but với Mệt-răng là người hội thương Qui-quốc, như việc các năm trước sở-tải súng-khí qua Bản-quốc tuy là việc thương-mãi, song hai tên ấy cũng chút có lòng cùng Bản-quốc. Nay nghe tin hai tên ấy thất-lợi khiếm-thiếu nghèo-ngặt thời Bản-quốc Thánh-chỉ suy tính chiểu-cổ, nên ban hạ y theo lời chánh tàu kê khai dĩ lãnh quan-ngân bao nhiêu; dĩ đổi trừ Ấp-but Mệt-răng còn thiếu quan-ngân bao nhiêu, tự nhất tăng giá bao nhiêu, nhất ân-ban bao nhiêu, đều ban hạ y như bà khai sở-khất, chuẩn phát quan-lương giao cho chánh-tàu Kê-lê-miên-suy-nê với Kiêm-hê Xa-an đều đã phụng-lãnh, kinh hừa ký tờ minh-bạch đệ hồi Qui-trấn tương-chiếu, dâng phát giao ngân-phiếu ấy cho Ấp-but với Mệt-răng ký lãnh.

Ấy là sự Thánh-chỉ suy ân thời vậy, như trong tờ Kê-lê-miên-suy-nê với Kiêm-hê Xa-an biểu-khai sở-khất, đều có tự-tích đoan đích, đã tất đoan việc các năm trước ấy sự đã minh-bạch, nay đã phát cho quan-ngân cộng số y trong tờ sở-khất ấy, lại giao tờ chánh tàu khai biên sở-khất ấy với sao cá niên hội-tính đơn hạ nhưt-thở, giao cho chánh tàu đệ hồi Qui-trấn, xem đó thời biết hư thiệt.

Lại như trong biểu Qui-trấn nói rằng: thữ các quan Bản-quốc không lòng hậu-dãi cá tên năm trước lai-thương ấy. Và Bản-quốc thiệt quan đều có sở-tư chức-sự, chẳng dấn xâm việc, như người viễn-phương lai-thương thời có quan quân-lãnh, dầu khi tính phát vật-giá, thời ai nấy đều giữ chức-sự, có

dầu mà nói rằng các quan không lòng khoan-hậu.

Lại trong biểu có nói rằng: Năm trước Bô-li-bôi tự Hàn-hải-môn, Bản-quốc trước bảo Bô-li-bôi vào Gia-định-trấn lãnh-ogân hai vạn tấm, sau lại tờ truyền cho Gia-định-trấn đưng phát-ngân, ấy trong biểu thời vậy. Và năm ấy Bô-li-bôi vào Hàn-hải-môn thanh-trừ việc Bản-quốc bera mãi súng-khẩu, thời tỉnh Ba-đa-de còn thẳng-lãnh Bản-quốc quan-ngân, nên Bô-li-bôi chịu binh-cân diêm-tiền, ô-duyên căn-hoàn, mà chưa đủ số quan-ngân, thời Bô-li-bôi xin tả tự-tích rằng Ba-đa-de sở-khiếm quan-ngân ấy lại giao cho sở-tư chức-thủ, mà Bô-li-bôi lại trình rằng trước ấy Bô-li-bôi vốn không hay sự Ba-đa-de thẳng-lãnh quan-ngân, bằng nay đã binh-cân y tàu hóa-hang cấu-trừ, tất Bô-li-bôi không lấy chi buồn bán hóa-thực, dĩ vi qui-kể, thời năm ấy vâng Bản-quốc Thánh-chỉ chuẩn hạ phát tại Kinh quan tiền 6000 quan cho Bô-li-bôi sở-lãnh với truyền Gia-định-trấn lựa-trấn-quan chuẩn-phát quan-mễ quan-tiền và súc-bản, mà Bô-li-bôi vào đến Gia-định có tăng-lãnh quan-mễ quan-tiền súc-bản, hóa-vật các hàng tỉnh thành ngân-phiếu 5103 phiếu 3 tiền 4 phân, dùng làm hóa-thực thương-mãi phân-hồi Qui-quốc; như việc lãnh-ngân ấy tiền ấy đều có Bô-li-bôi lên-lai tự-tích. Ấy sự có thời vậy, còn như trong biểu nói rằng khiếm ngân mười một nghìn phiếu, với xin sao ba mà chẳng cho, như sự ấy thời không; những các lời ấy đều là chẳng thiệt. Qui-trấn ký thực tự chỉ, ban hành ở giới-y.

Tư túc thư.
Tư thứ 2

Việt-Nam-quốc Khâm-sai-chưởng-tượng-quân lãnh tướng-chánh cai-tào-vụ Quận-công túc thư và Giang-mao-quốc Ma-da-lát, thành Trấn-thành Bình-tinh tri-hội:

Nay tiếp thấy Qui-trấn đệ chỉ biểu-văn gửi tàu rằng: Người hội thương Qui-quốc là Ấp-but với Mệt-răng việc bảo mãi súng-khẩu các vật năm trước, nay hai tên ấy thất-lợi hao-khiếm nghèo-ngặt xin suy-ân tư-trợ, cùng hội-tính đơn hạ cùng thông-niên cho tương-túc-khiếm. Các sự ấy bởi chức đã cụ-sự trên tàu, vâng Bản-quốc Đức Hoàng-thượng ban cho bản-chức sở-lãnh các niên đơn hạ tự-chức.

tiếp Bô-li-bôi, cũng tự-tích Ba-đa-de mà hội-tính cùng chánh tàu là Kê-lê-miên-xuy-nê với Kiêm-bê Xa-an. Thời các năm ấy sở-mãi bao nhiêu, đều đã chiếu giá tính trừ, thời bản-quốc đều không tích-khiếm. Vậy chánh tàu Kê-lê-miên-xuy-nê với Kiêm-bê Xa-an có lời thông-dịch rằng: Áp-but với Met-răng việc thương-mãi thất-lợi, nay đã nghèo-ngặt, xin thêm giá các hạng súng, cùng bổ-phần thiết-dính các vật, lại với xin ân-cấp cho Áp-but Met-răng, thời các lời ấy bản-chức đều đã chuyển-lầu khâm-mông Bản-quốc Đức Hoàng-thượng chuẩn-phát quan-ngân, cứ tờ chánh tàu Kê-lê-miên-xuy-nê với Kiêm-bê Xa-an sở-khất-chuẩn phát quan-ngân, y theo ở trong tờ sở-khất, đệ-hồi Quý-trấn giao cho Áp-but Met-răng.

Sự ấy thiệt nhờ lượng trên đoái-thương đến kẻ viễn-thương, đã suy tính châu-cấp làm vậy, ki tư khai sở-khất công ngân-phiếu ấy, đều đy y sở sở-khất trong tờ giao cho chánh tàu Kê-lê-miên-xuy-nê với Kiêm-bê Xa-an nhận lãnh đệ-hồi giao cho Áp-but với Met-răng sở-lãnh, như trong tờ Kê-lê-miên-xuy-nê với Kiêm-bê Xa-an biên khai sở-khất, đều có tự-tích đoan-dịch đã tất-đoán việc các năm trước, ấy sự đã minh-bạch, Quý-trấn xem trong tờ kê-khai thỉnh-khất mà nhờ đặng lượng trên châu-hứa ấy, thời tỏ biết sự-thế.

Tư tức thư
AN-KHÊ sao-lục

(Còn nữa)

CHƠI VỊNH HẠ-LONG

Ngày 20 tháng 4 năm 1924 tôi với ông Chủ-bút Bản-chi Phạm Quỳnh cùng với mấy ông bạn là : ông Ngô Vi-Liễn, Ngô Vi-Lan, Đỗ Đình-Đặc, cùng ra chơi vịnh Hạ-long. Vì hôm ấy được mấy ngày nghỉ, chưa biết đi chơi đâu, mà xưa nay vẫn thấy người nói đi chơi Hạ-long là thú hơn cả từ thì đi chơi. Thế thì cái sự đi chơi đó cũng ngẫu-nhiên, cũng là một sự thường, xưa nay người ta đã đi chơi chán, có gì mà kỹ-thuật.

Thói thường người ta đi chơi Hạ-long thì hay đi tàu thủy từ Hải-phòng ra thẳng Hongay, rồi sáng hôm sau thuê thuyền ở Hongay đi vòng quanh xem các hang các động, chiều quay về đáp tàu thủy Hongay lại trở về Hải-phòng, đi như thế cũng tiện. Hay là thuê riêng một chiếc tàu thủy nhỏ đi độ hàng trăm người hay độ vài ba chục người, chạy xem một lượt rồi quay về, cái đó cũng là một cách đi chơi lối mới. Nhưng hôm nay chúng tôi đi chơi chỉ có độ gần ba anh em thôi. Sáng sớm đi thuyền xe hỏa từ Hà-nội xuống Hải-phòng, 12 giờ trưa thì xuống tàu thủy ra chơi qua Quảng-

yên. Vì ở đây có ông Hoàng Mạnh-Ngọc làm phán-sự ở tòa Sứ, có hẹn chúng tôi qua chơi đó rồi cùng đi. Và lại từ Quảng-yên ra Hạ-long cũng không xa mấy nữa, đi tàu hay đi thuyền cũng tiện. Đi tàu thì đã có chuyến có giờ, không phải nói chi. Còn đi thuyền thì hoặc người nói phải đi đến một ngày, hoặc hơn một ngày, cái đó cũng còn là nhờ về gió với nước thủy-trào, thuyền ra thì chóng, nếu không gặp nước gặp gió thì lâu, cũng không biết lâu làm chừng được.

Nhấn chuyến đi chơi này mà chúng tôi lại được đi qua con sông Bạch-dăng, một con sông lớn đã từng có danh-tiếng trong lịch-sử, là một con đường thủy-đạo người Tàu có qua đó mới vào đất được nước Nam ta. Thế mà đã một lần Ngô-vương Quyền đánh giết Hoàng-Bào là thái-tử nhà Nam-Hán ở đó; lại một lần Trần Hưng-Đạo đánh bắt được Trần-Mã-Nhi là tướng Nguyễn sang xâm nước Nam ta cũng ở đó. Đến nay mới thăm qua cái nơi chiến-trường trên dòng sông bãi cát này, thì còn biết đâu là nơi cắm tròng sắt, nơi phục binh thuyền, chỉ thấy ngọn nước thủy-

trào sớm hôm lên xuống ào-ào, cuộc tang-thương đã thay đổi mấy đời triều, ai còn nhớ đến những đoạn lịch sử về vang ở trên dòng sông nước chảy này nữa. Song những người hữu-tâm với giang-sơn tổ-quốc qua đây mà sự nhớ đến câu thơ : « *Đông-giang tự cổ huyết do hồng* 藤江自古血猶紅。 » thì cũng tưởng-tượng như trông thấy Ngô-vương Quyền, Trần Hưng-Đạo đương hò-hét quân-sĩ ở trên ngọn trào lớp sóng ; về-vang lấm tháy ! hùng - tráng lấm tháy !

Tàu vừa chạy qua sông Bạch-dăng, chớp mắt đã thấy đến bến Quảng-yên, chừng vào hồi ba bốn giờ. Chúng tôi lên bến thì đã gặp ông Hoàng Mạnh-Ngọc đưa về nhà ông nghỉ ngơi. Ông nói tàu ra Hongay, thì còn phải đợi đến 9, 10 giờ đêm mới có chuyến chạy. Nhân dịp đợi tàu, chúng tôi lại được đi ngoạn-cảnh Quảng-yên.

Tỉnh Quảng-yên đóng ở trên một cái núi đất hình người tiên, cho nên hoặc gọi là Tiên - thành. Trước mặt trông xuống sông Chanh, chỗ bến tàu đó tức là bến Ngự. Trong tiếp với Hải-phòng, ngoài trông ra Hongay, tỉnh Quảng-yên ở giữa, chỉ là chỗ tàu thuyền qua lại tạm đỗ đó mà thôi. Cho nên công việc cũng giản, buôn-bán cũng không có gì. Chúng tôi có tiếp quan Tuần ở đây nói chuyện : « Chỉ có một mình ngài là quan tỉnh, kiêm cả việc cai-trị, việc tòa án, mà suốt ngày không có mấy việc, chỉ ngồi đọc sách mà thôi. » Quanh tỉnh chỉ có mấy cái giếng nước ngọt, nước ăn cũng hiếm, củi rừng cũng khan, mà gạo ăn cũng kém, thế thì dân tỉnh này cũng khó-khan lắm nhỉ !

Nhân hôm ấy ngày lễ, nghe nói làng Yên-trị gần đây có rước nhà thờ đạo. Làng ấy là một xứ người Tây-ban-nha sang truyền đạo đã lâu lắm, dân-dinh kể đến hàng mấy nghìn người, mà

con gái có tiếng đẹp. Khi chúng tôi lên chơi thì chưa thấy rước, ông Ngọc có giới-thiệu chúng tôi vào chơi với mấy ông Linh-mục. Các ông Linh-mục tiếp khách rất ân-cần chân-thật, người bên đời ngờ đâu lại được các ông khuyên mời chén rượu thánh, qui thay ! Các ông Linh-mục mời ở lại đến 6 giờ để xem rước. Nhưng chúng tôi nghĩ xem thế là đủ, cáo-từ ra về. Khi về, qua thăm hang cổ-mộ ở dưới chân núi, là một cái hang trường Bác-cổ đã đào thấy năm xưa. Dưới xây gạch cổ dày lấm, ngoài xây cửa cuốn tròn, trong cửa cuốn vuông, hòn gạch nào cũng có vết vạch như đường chỉ. Không biết đó là nơi để của hay là để mã tự đời nào. Ngờ đâu lại để cho đến chúng ta ngày nay trông thấy, thì cổ-nhân cũng chẳng tốn công-phu xây đắp làm gì. Những kẻ chôn hổ vàng, cây huyết đá, tưởng cũng là si-mộng ló mà thôi. Qua đó là nơi bệnh-viện, còn trông thấy mấy gốc thành cò, diu-đi là cây ngọn cỏ buổi tà-dương. Rồi chạy qua một cái cửa tam-quan xây gạch, trông ra cửa đã có nét cổ, hỏi ai mới biết là cửa đền Trung-liệt, thờ ông Hiệp-Thống Trương Quốc-Dụng khi đem quân ra đánh giặc là tên nguy hiểm-quân Ước, Hậu-quân Độ ở Quảng-yên, tử-tiết ở trận đánh tổng Hà-bắc trong năm Tự-đức nhằm-tuất thập-thứ. Thế ra vùng Quảng-yên khi xưa là nơi tử-giặc, còn ai dám đi phiếm-du như chúng ta ngày nay nữa. Các cụ lão-thần ta khi xưa đã gia sức vì dân vì nước mà giờ cuộc trị-an, cũng vắng nên tạc bia kỷ-niệm lấm tháy ! lâu tôi đã cháu ghè thơ, đến đây viết-giác lại thừa-hưng có chuyết-vĩnh ị bài « Tiên-thành âm bảng » rằng :

*Hình-thắng non sông đất nước này,
Núi Tiên bến Ngự lầy ỳ đây.
Cửa hang cổ-mộ xưa mờ đá,
Bên góc hoang-thờ hững hờ cây.*

*Non nước rập-rờn sóng cửa Cẩm,
Cánh buồm thấp-thoảng vũng Hòn-
[gay.*

*Hồn xưa trung-liệt đèn dầu đó?
Đề khách qua chơi nhớ những ngày.*

Chiều mát, qua thăm mấy ông thân-bào có chân hội Tri-tri ở tỉnh ấy, đều lấy làm vui-vẻ lắm. 7 giờ tối cùng trở về nhà ông Ngọc. Ông đã biết ý các quan-viên Hà-nội hay thưởng-thức cá bễ, không biết ông đã câu sần ở Hải-phòng tự bao giờ, mà bày tiệc hôm ấy thấy có nhiều thứ cá bễ lắm. Thế ra ông thực có lòng trọng-đãi bà con đường ngược chỉ hay thích hải-vị, khác với các ông đường bễ thì lại hay thích đồ Kinh; mà ông thực đã hiểu ngầm cái nghĩa chữ « câu » là lời sáo-ngữ của các quan phủ huyện đường bễ xưa nay vẫn có tài câu đề đem biếu...!

Trước khi 9 giờ thì chúng tôi ra chơi bến Ngự đề phòng mát và đợi tàu. Tình-cờ thế nọ lại thuê được một chiếc thuyền, kìa-dung được độ mươi người, chừ tôi liền cùng xuống thuyền ra đò, chớ không đợi tàu nữa. Trong thuyền thì ông Ngọc đã sai dự-bị đủ các thức tửu-bào. Ông lại đem theo cả hai cậu con trai nhỏ đi chơi. Lại được ông Ký Bùi-Nguyên-Huân là người đồng-sự với ông Ngọc cùng đi ra chơi, ông có tài nói chuyện rất lý-thú. Thuyền tuy rằng hẹp, nhưng mà ngồi trong khoang người ngoài mũi lại được cái thú kê đùi kê vế với nhau nói chuyện gẫu trong khi thuyền đã lênh-đênh trên mặt nước bóng trăng, trông bát-ngát ra ngoài bễ, thì thú-vị biết chừng nào! Chỉ tiếc rằng không đem được một vài cặp nỉ-nhệm nào để đàn-ca xướng-họa với nơi sông. Nhưng đã dùng lối đi chèo nỉ-nhệm, thì sao hay kiếm được cái lối chơi phong-lưu đàn hát náo-nhiệt như ngày nay được.

Trong khi đêm khuya, bóng trăng khi mờ khi tỏ, mấy anh em bảo nhau đem rượu ra đề thưởng-ngoạn cái cảnh đêm ở trên mặt bễ, trông ra dưới bóng trăng suông thấy các ngọn núi đá chập-chồng vòng quanh, nước thủy-trào khi lên khi xuống, không biết rằng thuyền đã đi được bao nhiêu đường đất, mà ta đã vượt qua được mấy vạn trùng non-nước rồi! Chỉ thấy tên lái dò trở bảo rằng: Kia là dò Lá, cống Mương, kia là bãi cát Trương-mò, kia là Hòn-một, kia là Bầy-giếng, về quá phía trong kia là ghềnh Phướn, kếm Chùa; trông về phía trước kia là cặp Bìm-bìm, ông Lã-Vọng. Lại quá ra nữa là ông thầy Tều, bà Thanh-lãnh. Đó đều là những tên kênh tên núi, mà người mình trông thấy cái hình-trạng nó như thế nào thì đặt ngay tên nôm nó như thế, kể ra thiên-hình vạn-trạng sao cho xiết được. Cũng có cái núi nay ta vừa đi qua, mà có cái nay ta chưa đi qua đến, chỉ mơ-màng trông thấy thấp-thoảng ở xa xa. Lái dò lại bảo ta rằng: Đi lối trong thì qua kênh Bà-già rồi ra mãi đến hang Con-gái. Nhưng đêm nay nghe đã khuya rồi, thế nào chèo tới hang Con-gái được. Tiếc thay! Đêm thanh vắng-vắng, lại nghe lái-dò hát rằng:

*Cửa Rõ lai có hang Luồn,
Qua sông Bò-lội tới miền Tuấn-
châu.*

*Hỏi thăm cửa Lục nơi đâu?
Cửa Lục lại có lối thông kênh
Đông.*

*Miếu Đức-ông là nơi cửa Suốt,
Khách vắng-lai hòn Gác xa với....*

Ấy là mấy câu ca hành-trình nay ta còn thấy truyền-khẩu ở các chũ lái dò, chính là cái câu hát đề trở lối đưa đường đi ra cửa Lục đó.

Đêm hôm ấy may sao lại được trời êm sóng lặng, thuyền đi đúng-định một

con chèo. Sáng mờ-mờ đã trông thấy các thuyền đi đánh cá, người ta gọi là đi ngòi, buồm phấp-phới như bướm-bướm. Dần dần thấy ánh sáng mặt trời mọc lên. Chừng vào hồi 7 giờ sáng ngày 21 thì thuyền đến hang Đầu-gỗ. Tới nơi mới biết đây chính là cửa Lục, mà chữ nho là Lục-hải-khẩu 綠海口 chính là đây, không biết cái tên « Hạ-long » là bởi đâu đặt ra, mà tên tây thì gọi là *Baie d'Along*. Tra trong địa-dư thì có núi Đầu-mối ở trong cửa Lục (tức là Xà-đầu-dư 蛇頭嶼), nhưng không thấy nói có hang có động. Chỉ thấy nói đảo Cành-độc ở tận ngoài xã Phù-long có một cái động rộng, khả-dung đến nghìn người, tạo-tác tự-nhiên, chạm-trở như vẽ. Nhưng vị-lật đã phải là động này. Động này cũng rộng, vào có tầng ngăn, đá mọc trông như cột trụ, chạm-trở nhấp-nhoáng, có vô-số nhũ đá rủ xuống hình như miếng khăn, lại có tầng bậc đá ở trên trông như hình sàn gác, cũng là một cái động thiên-tạo tự-nhiên tuyệt-xảo. Tự dưới chân núi bước lên non một trăm bậc, rồi mới vào cửa hang, rộng hơn động chùa Hương nhiều. Khi mới bước vào đã trông thấy tên người Nhật đề nhan-nhan. À, thế ra chúng ta vô-tình với non sông thật, giang-sơn mình mà chỉ thấy những tên người ghi tạc đó tự bao giờ. Nhưng mà không, ta quên, cũng có tên đôi ba người ta đề theo vào đó, mà nay tam mới tới đây, mới biết đây chính là Lục-hải, mà ngoài Vân-hải kia là cửa bể Vầu-dồn, chính là nơi tự đời Lý Anh-tôn đã mở cho tàu khách các nước đến thông-thương. Đời Trần đã có ông Trần Khánh-Dur ra làm Vân-dồn-phó-tướng, để giữ chẹn đường bể không cho quân Tàu tải-lương sang. Ông đã từng phục-quân ở cửa Lục-hải đánh cướp được hơn 50 chiếc thuyền lương của Trương Văn-Hồ. Vì thế quân Nguyên hết lương, đức Trần Hưng-dạo mới đánh bắt được tướng Nguyên

là Ô-Mã-Nhi ở trên sông Bạch-đăng. Thế thì tên ba chữ: « Trần Khánh-Dur 陳慶餘 » đã ghi tạc với non sông này tự bao giờ, giá thử chúng ta có đề thêm cái tên Văn-Kèo Văn-Cột của chúng ta vào đó cũng chỉ làm thêm vách đá ra mà thôi. Nay chúng ta mà còn được trông thấy cái cảnh trời xanh nước biếc, khe thăm hang sâu này, cũng nên nhớ đến cái công của tiên-nhân ta đã từng rưới huyết-hãn ở trên mặt sông mặt biển này, mới có ngày nay, không thì là nơi hang hùm hổ giặc, chớ ai còn dám qua chơi tới đây nữa. Không lẽ đi chơi mà không có thơ, nếu tôi cũng giữ lối hủ mà chấp-nhặt mấy vần tả cái cảnh « Lục-hải phiếm-chu » rằng :

*Mênh-mông cửa Lục núi vòng quanh,
Lớp sóng ló-sổ đá gập-ghềnh.*

*Khe thăm hang sâu xây-lạc động,
Trời xanh nước biếc vẽ vờ tranh.
Thuyền lương tướng Hồ tam kền*

[lặng,

*Buồm khách đồn Vân bóng dè chênh.
Thơ tạo khen thay bày-dặt khéo,
Hạ-long riêng một cảnh xinh-xinh.*

Khi chúng tôi xem trong hang Đầu-gỗ phải thấp nển, thấp đèn đất, đi dần mãi vào đến hai ba ngăn. Nhưng còn rộng còn sâu, không dám vào nữa, và cũng không dám leo lên những chỗ gác cao. Lại lui ra thuyền, bơi quanh một dãy núi đá, hồi ra các dãy núi đá vùng này có đến hơn mười cái hang cái động, nào là hang cửa Dừa, núi Cặp-gà, chúng tôi không thể nào đi xem cho khắp được. Chừng vào hồi 11 giờ trưa, chúng tôi neo thuyền lại ở dưới một hòn núi đá tách đôi ra đứng ở giữa bể, rồi cùng mở tiệc ở trên mũi bồng mặt bể quỳnh-tương lẫn cho nhau. Nhân ông Lan có đem theo cái hòm ảnh nhỏ, và lại có cậu con ông Đắc cũng biết ngắm ảnh, có chụp mười

phiếu ảnh, nhưng chỉ rõ được vài ba
phiếu, vì đứng trong hang có chỗ không
đủ ánh sáng mà chụp cho rõ được.

Tà-tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thần giang tay ra về.

Đó là cái cảnh cô Kiều có ý buồn
bâng-khuàng nhớ cảnh mà lại nhớ
người. Nào chúng ta thì nhớ ai bây
giờ? Chỉ nhớ cái non sông cổ-Quốc
này mà thôi. Bóng xế chiều, thuyền
qua vũng Thùng, ghé vào thẳm hang
Đình, rồi bơi vòng quanh về phía
« Núi Đê-thơ ». Khi đến nơi trông lên
vách đá, thấy có nét thơ đề, nhân
thế người ta mới gọi là núi Đê-thơ,
chừng cái tên ấy mới thành tên tự
dời Hậu-Lê, chứ nguyên tên núi ấy là
núi Truyền-dăng 傳燈. Đê thơ đó là
ai? Chúng tôi chỉ sao được mấy câu :
« Quang - thuận cửu niên, xuân nhị
nguyệt 光順九年春二月。 » và câu
kết rằng : « Thiên Nam vạn cổ sơn-hà
tại, 天南萬古山河在。 Chính thị tu
vấn yên vũ niên 正是修文偃武年。 »
Cuối cùng tự-danh là : « Thiên-nam
đồng - chủ đề 天南洞主題。 » Xét :
Thiên-nam đồng-chủ, là hiệu vua Lê
Thánh-tôn, bài thơ đó là vua Thánh-
tôn đề tự năm 1468, đến nay non
năm trăm năm nay, chữ đã mờ rêu
đi cả. Nhưng chỉ đọc cái câu :
Thiên-nam vạn cổ sơn-hà tại, thì khí-tượng
hùng-tráng biết là chừng nào ! Nguyên
vua Lê Thánh-tôn khi ra diệp-võ ở
sông Bạch-dăng, rồi kéo quân luôn ra
tuần-hải, có sai mài đá đề bài tựa và
thơ. Nay xin tra lục cả toàn-văn đăng
như sau này :

光順九年春二月。余
親率六軍。試武于白
藤江上。是日風和景
麗。海不揚波。乃泛黃
海。巡安邦。駐師于傳
燈山下。磨石題一律
云。

巨浪汪洋朝百川
亂山碁布碧連天
壯心初感咸三股
信手遙提巽二權
辰北樞機森虎旅
海東烽燧息狼煙
天南萬古山河在
正是修文偃武年

南天洞主題

Nghĩa bài tựa trên là : " Mùa xuân tháng hai, năm
Quang-thuận thứ 9 (1468). Ta thân đem sáu quân
diệp võ ở trên sông Bạch-dăng. Ngày hôm ấy, gió hòa
cảnh đẹp, bề không nổi sóng, ta phiếm-chu luôn ra
Hoàng-hải, tuần xữ An-bang. Đóng quân ở dưới núi
Truyền-dăng, mài đá đề một bài thơ. » Nghĩa bài thơ là :
" Sông lớn cuốn cuộn, trăm ngọn sóng chảy số cả về
Núi đá bày như bàn cờ, sắc biếc liêu trời. Tráng-tâm ta
vẫn sợ quyền-chính đi về kể dưới, nên phải ra tay mà
cầm lấy quyền trên. Mưu-mô bởi tự chốn Bắc-thần
(nhà vua) nghiêm bày quân hùng-bộ, vì thế khỏi lo
con lang ở cõi bề Đông cũng yên lặng cả. Non sông
trời Nam ta muốn thuở hầy còn, chính là cái lúc đẹp
việc và sửa việc văn đó. "

Đi theo dãy núi ấy lại có một bài
thơ của chúa Trịnh, họa theo văn bài
trước, đề năm Bảo-thái kỷ - Dậu, vào
khoảng độ hai trăm năm nay, chữ
còn rõ, chép được đủ cả, lời tựa và
thơ như sau :

留 于 石。	述 懸 崖 遺 韻。 琢 就 七 言。 永	壯 丹 神 逸 興。 池 草 湧 生。 爰	清 耀 水 步 之 如 雷。 虎 師 桓	漠 覽 島 嶼 之 如 畫。 蛟 室 澄	余 整 舟 師。 駕 艦 鯨 臨 于 東	務 之 餘 閒。 式 一 遊 之 有 度。	時 調 玉 燭。 歲 熟 金 穰。 適 萬
--------------	--	--	---	---	---	--	--

溟渤無涯滙總川
山連醴水水漫天
神奇莫狀安排掌
源潤難名化育權
代遠尙遺擒韃臭
春光疊見爛花煙
載遼一豫孚兌悅
羣扈咸歌海晏年

保泰己酉仲春四七日

日南鄭主題

Bài tựa trên nghĩa là : « Nay gặp buổi thái-bình, năm được mùa. Thích-nhân muốn việc du-nhân, nên cũng đi qua chơi để làm phép. Ta cười bình-thuyền ra tới bề Đông, trông thấy núi non như vẽ, bề lặng sóng trong. Quán thủy bộ đều mạnh mẽ như hổ, vang lừng như sấm. Tinh-thần ta khi ấy mới sinh hươg-thú, bèn thuật theo vần thơ để vách đá trước, làm ra bài thất-ngôn, lưu-đề vào đá ». Nghĩa bài thơ là : « Bề lớn mệnh-mông hợp cả các sông lại. Núi thì lấp loáng bóng nước, nước thì lênh-lững lưng trời. Cái tay an-bài ra thơ là thần-ký rất mực, cái công làm-nhuận khắp cả như là công hóa-đục của trời, không biết đầu mà nói xiết được. Đời xưa có bắt được giặc Nguyên ở đây; bây giờ đương mùa xuân thấy yên-hoa sản-lạc rất đẹp. Đi chơi lần này đều vui-vẻ cả. Các quan đều ca-tụng bề lặng sóng trong ».

Sau cùng bài thơ đề hiệu là : *Nhật-nam Trịnh-chùa*, đề ngày bốn bảy tháng trọng-xuân năm kỷ-dậu niên hiệu Bảo-thái. Xét : Trịnh-chùa tức là Trịnh-Cương 鄭 綱 mà năm Bảo - thái kỷ-dậu là năm 1729, thuộc về đời cuối Lê. Ngày tháng mà đề là *trọng-xuân tứ-thất nhật* 仲春 四 七 日, chừng là ngày 28 tháng hai chẳng ?

Cuối dãy núi ấy lại có một bài thơ mới đề là :

聖尊皇帝題詩石。
 東溟之山高百尺。
 天風海濤日夜激。
 五百餘年猶赤。
 和稱御筆繁何人。
 鄭王忘意同不氓。
 我來拔劍怒欲噴。
 吁嗟後黎之君臣。
 庚戌臘月初三日
 菊畦阮謹

Ý-giả bài thơ này là khi cụ Nguyễn Cần làm quan ở Quảng-yên cụ mới

sai tạc đá đề thơ, có ý bình-phâm về đời vua Lê chúa Trịnh. Gụ lại đề cho hậu-nhân tha-hồ mà bình-phâm về sau.

Khi qua xem dãy núi Đề-thơ rồi, quay thuyền về Hongay, thì trời đã chiều hôm. 5, 6 giờ rồi. Lại gặp được một ông bạn tốt là ông Nhị làm việc sở Thương-chính ở đó. Ông biết rằng người đi bề xưa nay vẫn hay khan về nước. Ông cung-cấp cho đủ các thứ nước uống nước rửa mặt - mẻ. Tối đến ông lại đưa thuyền cho đi giơng dưới bến tàu mà trông lên trên núi, bên này Hongay, bên kia Bãi-cháy, đèn sáng lập-lòe từng đợt núi một, coi như sao sa, trông ra càng biết cái công cuộc mỏ than ở đây rất là to-tát. Các tàu bè đều ghé đỗ ở đó để lấy than. Thuyền đi vòng quanh khắp cả khúc sông ấy để hóng mát, rồi chúng tôi từ giã lên tàu. Đợi 9, 10 giờ đêm thì tàu lại chạy về Hải-phòng. 1 giờ ngày 22 lên xe hỏa về Hà-nội. Vừa về đến nhà gặp được trận mưa to mát-mẻ, đêm hôm ấy chúng tôi lại được một giấc mộng-du êm-dềm, bâng-khuâng đỉnh Giáp non Thần, vẫn hình như chơi trên cửa Lục.

Kỳ sau sẽ có một bài thuật lại về địa-dư và lịch-sử tỉnh Quảng-yên.

ĐÔNG-CHÂU



TIÊU-THUYẾT

TUYẾT-HÔNG LỆ-SỪ (1)

雪 鴻 淚 史

(Ai-linh tiêu-thuyết)

VI

CHƯƠNG THƯ XI

Tháng mười

Thu 秋 tâm 心 hai chữ chấp nên chữ sầu 愁.

Tháng chín thì quít dô chôn,
Tháng mười thu hết lại còn sầu hơn.

Hôn-nhân tưởng đến nguồn-cơn,
Thạch-Si đã sắp quan-sơn tới nhà.

Người ta hết thu thì hết buồn mà tôi thì vẫn còn buồn, vì Thạch-Si hẹn đến tháng mười về, lo rằng việc hôn-nhân của Quán-Thiến xong quách mất. Nhân khi buồn có nghĩ một bài từ tiễn thu như sau này:

(Điệu Phá-tê-trận)

Bãi cát vẽ tranh có trắng,
Bên sông ánh sáng chiều vàng.

Sườn núi lá rơi,
Chân mây nhận lạc.

Nghìn thu trải mấy tà-dương?
Tịnh-đầu hoa nở ghen cho kiếp,
Đến kiếp phù-dung thật đoạn-tràng!
Tiễn thu, thu chẳng thương!

* * *

Quyển nhật-ký này của tôi lại qua mười hôm nay bỏ chưa chép được, vì Thạch-Si chuyển này về chỉ được hạn 10 ngày rồi phải đi, mà cái việc hôn-sự của tôi cũng phải vội-vàng mà làm cho xong việc. Trong mấy ngày ấy bụng rối bồng-bong, nên nhật-ký cũng không kịp chép, nay Thạch-Si đi vắng rồi, tôi mới có thì-giờ để chép. Giá người ta chép

những công việc trong mười ngày ấy thì đem những lời vui-vẻ, đem những sự hạnh-phúc để tô-điểm cái văn nhật-ký, nhưng trong mười ngày ấy cái việc đính-hôn của tôi thì thật một sự tôi bất-như-ý, sầu-khò thì có, chứ còn vui-mừng gì, tội-lỗi thì có, chứ còn hạnh-phúc gì! Quyển nhật-ký này tôi cũng chỉ chép qua, không muốn chép kỹ làm gì cho đau lòng.

Hôm Thạch-Si mới về, Lê Ảnh nhắn tin ngay cho tôi để giục tôi cái việc hôn-nhân ấy, nhưng mà nước lã ao bèo, tan nhiều hợp ít; ngọn đuốc tày song quẩn-quít, bài thơ hồng-diệp then-thò. Nghĩ tình riêng thì thành ra mình phụ Thạch-Si nhiều lắm.

Đại-phàm người ta gặp những sự không được hả bụng, thì dẫu đến bước đi bước đứng, tiếng cười tiếng nói, cũng trái hết cả những khi-dộ ngày thường, những tình-ý ấy, tôi chắc cũng không thể che mắt Thạch-Si được.

Thạch-Si về được ba ngày, ngày nào cũng tiếp chuyện với tôi, khi thì bàn những chuyện mây-gió năm châu, khi thì kể những chuyện anh-hùng bốn bể.

Lời bàn như rót vào tai, mà tôi như nước đổ lá khoai lạ-lùng!

Có lúc Thạch-Si nói đến mười câu, mà tôi chỉ đáp lại một hai câu, trong lòng rộn-riếp quá, cũng có

(1) Xem Nam-Phong số 77, 78, 79, 80, 81.

lúc muốn thừa-cơ để nói cái việc ấy, nhưng lại ngọng lưỡi không nói được.

Đã mấy lần như thế, đến chiều hôm thứ ba Thạch-Si mời tôi sang chơi đưa vào cái buồng vắng uống rượu.

Mới uống được mấy chén, Thạch-Si dừng đũa hỏi tôi rằng : — Bác có biết cái ý tôi hôm nay mời bác sang chơi hay không ?

Tôi đáp rằng : — Thật quả chưa biết.

Thạch-Si nói rằng : — Tôi có một sự ngờ, muốn hỏi bác. Nhưng trong nhà trảng đông người, không tiện nói chuyện. Bây giờ tôi xin lỗi bác nhé, nếu bác có thật lòng tin tôi thì có điều gì khác bác nói cho tôi nghe.

Tôi nghe nói rồi ngạc-nhiên. Ô hay! Lời nói Thạch-Si lạ quá, đường-đốt quá ! Hay có việc gì quan-hệ đến mình chăng ? Đoạn rồi tôi đáp lại rằng : — Bác ngờ tôi việc gì, nếu việc gì tôi có biết thì thật không dám giấu bác.

Thạch-Si nhìn tôi tìm-tìm cười rằng : — Cái việc tôi muốn hỏi là về phần việc của bác. Tôi hỏi nhé : Bác sang ở nhà ông Thôi từ bao giờ ?

Tôi nghe đến câu ấy ghê mình, dựng tóc gáy. Chết nỗi ! cái việc này dễ dãi có ai nói chuyện với Thạch-Si chẳng, nên mới hỏi như thế. Nghĩ bụng Thạch-Si rất là một người anh-hùng, chứ không như thằng Lý Ký-Sinh, thì dẫu nói thật cũng không sao ; và mình còn đang chực nhờ người ta, nếu không nói thật thì sao cho được việc.

Nghĩ đến đây tôi mới định-thần lại mà đáp rằng : — Vâng, sau khi bác đi du-học độ ba bốn ngày thì thấy ông Thôi đón tôi về để dạy riêng thằng cháu. Từ đấy sang ngụ ở nhà ông cụ Thôi ngay. Tôi đã mấy lần gửi thư trình bác, bác quên rồi ư ?

Thạch-Si nói rằng : — Tôi đã biết, nếu thế thì bác ở nhà ông Thôi đã

chín tháng rồi có phải không ? Tôi hỏi bác như thế thật đường-đốt, bác đừng ngờ bụng tôi, xin bác thử nói thật cho tôi nghe, may mà tôi giúp được bác cũng nên.

Khi Thạch-Si nói chuyện, tôi xem ý rất chân-thành, vậy tôi quyết lòng để thú thật, rồi nói lược qua những sự đầu đuôi ấy cho Thạch-Si nghe. Thạch-Si giật mình, rằng : — Ô cha ! có thế à ? Tôi với bác thật là biết bụng nhau, thảo nào từ tháng tư tháng năm đến giờ những thư-từ gửi cho bác, thường-thường gửi hai ba lần mới thấy bác trả lời một lần, mà những lời trong tờ xem có ý vắn-vơ bối-rối, tôi vẫn có ý ngờ vì Bạch-phu-nhân (Lê-Ảnh) là người tài cao, lại góa chồng sớm, bác ngồi dạy cháu ở đấy, trong khuê-khôn một người tài-sắc, ngoài tường hoa một khách văn-chương :

*Giai-nhân tài-tử một phương,
Gợi lòng mê-cảm vì đường văn-thơ,*

nên khiến bác tinh-tinh diên-đảo mà sinh uất-ức. Khi tôi còn ở bên Đông, tôi đã đoán chừng như thế, đến khi về thấy Lý Ký-Sinh mách tôi rằng bác có một sự ám-muội, nhưng tôi chắc rằng Bạch-phu-nhân là người rất tốt, tài-sắc cao hơn Đạo-Uần, tinh-tinh khác hẳn Văn - Quân, mà bác thì tuyết-sương sửa chỉ, vàng-ngọc giữ mình, chắc không đến nỗi bất-chước như Tư-mã Tương-Như ngày trước, vậy lời Ký-Sinh tôi có dám tin dẫu.

Tôi đáp lại rằng : — Đa-tạ bác có cái lòng biết đến tôi, tôi bình-sinh thật không có sự gì phải giấu-giếm ai cả, nhưng mối sâu dang-dở, khôn đại linh-tinh,

*Trót da-mang lấy chữ tình,
Một duyên hai nợ tại mình kêu ai ?...*

Thạch-Si nói rằng : — Thế thì có phải tỵ bác mua lấy cái phiến-não hay

Thông ? Đã biết rõ rằng không nên mà sao lại còn dùng cái tình vô-vị như thế? Tương-tư bày một cuộc cờ, bác định kết-cục lại thế nào cho chính-đáng ?

Bấy giờ tôi mới đem cái ý của Lê-Ảnh thuật hết cả với Thạch-Si, và nói rằng :— Cái sự này thật là Lê-Ảnh ép, tôi không thể sao tránh thoát được ; vậy quan bác có thể thay tay Nguyệt-lão mà xe giầy cho tôi hay không ?

Thạch-Si vỗ tay mà nói rằng :— Hay lắm ! tốt lắm ! Nếu thế thì cái việc này tôi không dám từ-chối. Thế này thì không khác gì là một tấn kịch vậy. Trong một lát mà người đang khóc lại hóa cười, đang buồn lại hóa vui, thật là lạ quá, thú quá ! Nhân-phẩm của bác, tài-học của bác, kén được rề như thế còn đâu bằng ; mà cô kia cũng gương trong ngọc chuốt, tài-sắc không kém gì người chị dâu, sánh với bác thì thật là đẹp đôi tốt lứa. Đề sáng mai tôi sẽ ước ý ông Thôi xem thế nào ; mười phần cũng có lẽ được tám chín.

Chiều hôm ấy tôi với Thạch-Si ngồi nói chuyện lan-man đến mãi non nửa đêm mới về. Cũng còn nhiều câu chuyện khác nữa, nhưng không quan-thiệp đến việc của tôi, nên tôi cũng không nhớ hết.

Đến quá trưa hôm sau, thấy Thạch-Si đưa thư sang trả lời tôi, ý nói ông Thôi thì rất bằng lòng lắm, chứt vì Quán-Thiến tập-nhiệm lối tân-học, say lòng chữ tự-do, mà ông Thôi chỉ có một người con gái quý-hóa ấy, nên không muốn ép-uông ; ông ấy đã dặn Lê-Ảnh gửi thư bảo Quán-Thiến nếu được tờ trả lời bằng lòng thì là việc xong.

Tôi nghe tin ấy hơi mừng thầm, vì nếu Quán-Thiến say lòng tự-do thì chưa chắc việc đã xong, mình cũng đủ tặc-trách với Lê-Ảnh được.

Nga-hồ thuyền bến gần kè,

Hôm sau Quán-Thiến đã về đến nơi.

Sao không viết thư trả lời mà thân-hành về như thế là ý làm sao ? Thật không hiểu được. Tôi chắc rằng Quán-Thiến về đề phá ngang cái việc ấy thì chắc sự không xong.

Ngờ đâu sáng hôm sau ông Thôi cho người sang mời Thạch-Si đến, cười nói vui-vẻ, và nói Quán-Thiến bằng lòng, vậy nay ông Thôi xin nhận lời. Tôi lấy làm lạ quá, Thạch-Si đem cái tin ấy sang trả lời tôi xem có ý rất mừng cho tôi, mà tôi thực là dờ-dẫn cả người ; nhưng anh em đã nói giúp xong việc rồi, vậy tôi cũng phải đem lời đề cảm-tạ Thạch-Si. Cất lời cảm ơn mà trong ruột đau-dớn, khi ấy Thạch-Si giả có ý nhằm tôi hẳn trông thấy nét mặt tôi như tro nguội vậy.

Việc hôn-ước đã định rồi, ý tôi thì sợ rằng dất khách chân nung, lễ-nghi sửa-soạn, nhiều điều không tiện, muốn đề đến ra giềng sẽ làm lễ ăn hỏi, nhưng Lê-Ảnh nhất - định không nghe, mà Thạch-Si cũng phải kêu rằng sắp phải đi vắng không thể đợi được, cũng giục tôi nên làm ngay đi. Mấy hôm ấy tôi một mặt thì nhờ Thạch-Si sắm sửa công việc, một mặt thì gửi giấy trình mẹ tôi và anh tôi, túi-bụi mất hai ngày bận quá. Công việc xong cả rồi thì Thạch-Si cũng cất bước ra đi.

Giắt tay nhau chốn Hà-lương,
Mấy phen li-hợp đôi đường bắc-nam.

Quãng này quyền nhật-ký của tôi, thật là một quyền sử rất thương-tâm. Đương lúc bấy giờ duy có một việc cần phải chép ; vì khi trước tôi có đưa bài từ « Tiếc-thu » đề trình Thạch-Si, có một hôm Thạch-Si lại mời tôi sang nhà uống rượu, trời lạnh ngán-ngắt, tuyết sa mù-mù, chén rượu ngà-ngà.

lòng thơ phơi-phới, Thạch-Si thừa-hưng làm một bài từ đề đáp lại bài « tiếc-thu » của tôi như sau này :

(Điệu Nhất-tiên-mai)

*Gió bắc hây-hây tiễn gió thu,
Tuyết trắng phau-phau,
Mai trắng phau-phau.
Cổ-hương phong-cảnh nhớ bấy lâu,
Liễu trụ bên cầu,
Mây phủ đầu cầu.
Hồ bề công-danh chứa bạc dàu,
Thu đi không sầu,
Đông lại không sầu.
Tiếc thu nào đã hết thu dàu,
Bạn ta yêu nhau,
Bạn ta tiếc nhau !*

Trong mười ngày hôm nay, thốt-nhiên mà mỗi vợ, thốt-nhiên mà ăn hỏi, thốt-nhiên Thạch-Si ở Đông về, thốt-nhiên mà Quán-Thiến ở Nga-hồ về; công việc dộn-dịp như thế mà tôi thì vẫn lạnh-lẽo nhạt-nhẽo như không.

Bây giờ việc đã xong, chắc Lê-Ảnh dành lòng lắm. Tôi tuy rằng chưa được dành lòng, nhưng phạm việc gì làm cho Lê-Ảnh được dành lòng, thì tôi cũng xin phải dành lòng; tôi cứ vất hẳn mình tôi đi thì thôi !

Nhân phú một bài thơ gửi cho Lê-Ảnh.

Thơ rằng :

*Đã trót thương nhau phải hết lòng,
Nợ trời toan muốn gỡ cho xong.
Đổi thay loan-phượng tình khôn đổi,
Chung-chạ uyên-ương phận chẳng*
chung.

*Trách chị trăng già xe chỉ thắm,
Đổ cô gió cả chấp cánh hồng.
Tình-duyên ấy thực tình-duyên lạ,
Vui-vẻ xui nên sự nỡ-nùng !*

Chưa thấy Lê-Ảnh họa thơ, chợt đã tiếp được cái thư Tĩnh-Am gửi sang; bạn cũ tình thâm, đường xa vắng mặt, trông bức thư như trông thấy người, mừng lắm, mở ra xem; thư như sau này :

« Đầu núi bóng mai, sóng Ngô hoa đại. Thu đi đông lại, cảnh-tượng này lại khác cảnh-tượng hôm xưa. Trước mắt bóng câu thắm-thoát, nhớ người tri-kỷ xa-xa. Thấy cảnh động tinh, xiết bao là nỗi trù-trướng. Bữa hôm nợ tiếp được bác gửi cái thư, lòng xưa quuyến-chú, nghĩa cũ ân-cần, tôi lấy làm mừng quá, quý quá; lại được tin bác độ này bệnh cũ đã yên, mưa thu mát-mẻ, câu ca đang họa, bóng xuân la-dà; thật tôi vui lòng biết chừng nào ! Trộm nghĩ quan bác lâu nay : cái cảnh trái với cái lòng, chữ *tái* ghen cùng chữ *mệnh*; Phan-Nhạc tóc đã bạc xóa, Dữu-lang tuổi vẫn chưa già; khóc mình rồi lại khóc người, giọt lệ hòa cùng giọt máu !

« Đêm thơ ngày rượu, nay thăm mai sầu, không trách cất ngòi bút thì toàn là những lời tiêu-tao cả. Cái nợ chung - tình chính là cái nợ của phượng anh em chúng ta, tôi có dám trách bác đâu; nhưng mà : hoa rụng nước trôi, sự đó thật là vô-nại; nhà nghèo mẹ yếu, thân này chưa được tự-do; đạo trời chưa biết thế nào, việc người cứ phải cho hết. Huống-chi : Nhà vàng đợi khách, Oa-hoàng kia là đá vá trời; đai ngọc thêm hoa, mảnh gương nợ là trăng tròn mãi. — Lại được : Xem những bài của ông Thạch-Si xướng-họa với bác thật là : chủ khách sớm khuya, văn thơ thù-dáp, khi ngâm gió mát, lúc vịnh trăng trong; hồng-trần lại gặp tri-âm, bạch-tuyết thiếu gì người họa; nghĩ đến đây thì tôi lại vừa ghen với bác, mà thêm với bác nữa.

« Than ôi ! Sóng xuôi bè ngược, hương lửa ba sinh, cùng là có phận-mệnh cả.

« Còn về phần tôi ngâm tàn rượu hết, một đèn một bóng, ngồi trơ một mình; nhớ bác quá, mong bác quá, bác có yêu nhau xin gửi thư luôn luôn về cho nhé !

« Tĩnh-Am kính-thư »

CHƯƠNG THỨ XII

Tháng mười một

Cái việc Quân-Thiến về, tôi vẫn lấy làm lạ, nghĩa là bằng lòng hay không, chỉ gửi một mảnh giấy cũng đủ, việc gì phải thân-hành về? Tôi cứ tưởng rằng chắc là tại Lê-Ảnh bách-bức quá, nên phải kịp về, để mà phản-đối cái việc ấy; ngờ đâu đến lúc về, mà lại bằng lòng ngay. Than ôi! biết đâu rằng lại có một sự lạ quá nữa; từ hôm Quân-Thiến về đến nay, đã hơn hai tuần-lễ, quá hạn xin phép rồi mà vẫn không thấy vào trường học, thế là làm sao? Hỏi Bằng-lang thì nó nói rằng: «Cố tôi không muốn học nữa, hôm nọ đã làm tờ trình với quan Đốc đề xin bỏ học, mẹ tôi ngăn mãi thì có tôi cứ khóc mà không ăn cơm.» Tôi nghe câu ấy càng quái lạ quá: một người con gái đang trai trẻ, đang sửa trí lập thân, có làm sao mà bỏ học? Lại cứ làm sao phải khóc-lóc, tất là có sự bất-đắc-dĩ lắm. Sự bất-đắc-dĩ ấy, chắc chỉ vì một sự kết-hôn, nên nguội cả cái lòng đi học, mà cảm-xúc đến cái thân-thể một đời. Nhưng cái sự ấy thì chỉ tại Lê-Ảnh cả. Quân - Thiến đã không thiết, mà tôi cũng không có lòng nào, cái làm đã dứt nên khuôn, thì còn làm thế nào được nữa? Thành ra tôi và Quân-Thiến như kho tượng gỗ, hình như thặng bù-gi.

Chắc rằng Quân-Thiến oán tôi, mà tôi thì biết oán ai bây giờ?

Hôm chủ-nhật, ước đó lúc quá trưa, tôi ngồi buồn quá, đi tản-bộ ra vườn sau, nghe bên nhà trong thấy vắng-vắng có tiếng đàn. Lúc bấy giờ vắng-về, tôi sẽ lên đến gần mà nghe trộm, thì thấy vừa đàn vừa ca, nghe những lời ca thì mới biết chính là Quân-Thiến.

Ca rằng:

I

Em từ tấm bé không quen sầu,
Đánh bạn gió xuân cùng trăng thâu.

Không ham thù ghét, ham nghiên bút,
Bền hoa ngậm vịnh quen phong-lưu.
Than ôi! Than ôi!
Vui nào vui hơn cái tự-do!

II

Thầy em đầu đã bạc phơ-phơ,
Nàng giã ai người buổi sớm trưa?
Trên thêm vắng-về ngồi vô-võ,
Ngoài sáu-mươi còn đưa cháu thơ.
Thầy ơi! Thầy ơi!
Bạch-đầu ngậm đến lệ như mưa!

III

Mẹ em chẳng may khuất tuổi vàng,
Sinh tử biết bao lòng nhớ thương.
Trong bảy năm trời dài dằng-dặc,
Những mong gặp mẹ trong mộng-tràng.

Mẹ ơi! Mẹ ơi!

San-sát gió lay cây bạch-dương!

IV

Anh em quyết-biệt mấy năm trời,
Tuổi mới hai mươi cũng một đời.
Em muốn tìm anh tìm chẳng thấy,
Chim xanh đưa lối biết nhờ ai?

Anh ơi! Anh ơi!

Chân trời chiếc nhạn tiếng bi-ai!

V

Chị em yêu-điều trạc xuân xanh,
Giận gió đông-phong dứt mối tình.
Chim yềng ngấp-ngừng nói không rõ,
Mảnh gương bụi lấp bóng rành rành.
Chị ơi! Chị ơi!

Hoa Lê rụng hết chỉ còn cành!

VI

Em toan thương người hóa thương
[minh]

Vì ai dặt-dtu cái giày tình?
Trăng kia cũng chẳng nên tròn nữa,
Hoa nọ không người cũng vẫn xinh.
Đời người đã bỏ quyền thân-thể,
Bao nhiêu hạnh-phúc thôi cũng đành.
Bí-ca mấy khúc kia trời đất,
Mặt trời mặt trăng đừng chệnh-vênh!

Tôi nghe dứt lời ca, thối chết rồi ! thảo nào mà bỏ học, cái việc này thật là Lê-Ảnh khéo quá hóa vụng !

Trống đánh ngược kèn thổi xuôi, cái sự nhân-duyên ép-uồng ; trở một đường đi một nẻo, trách người thu-xếp loanh-quanh-

Cái tâm-sự của Quán-Thiến, tôi nghe lời ca mà cũng đủ biết. Hưởng-chi Lê-Ảnh với Quán-Thiến ăn ở một nhà, đêm ngày đôi bóng, há lại không biết hay sao, mà làm sao không thấy Lê-Ảnh đưa tin cho tôi biết ? Mà lạ quá, đưa cho Lê-Ảnh bài thơ đã sáu hôm nay cũng không thấy họa thì chắc là cũng khốn-dốn lắm, muốn viết giấy sang hỏi nhưng lại sợ động lòng Lê-Ảnh. Đến hôm nay đã tiếp được thư Lê-Ảnh như sau này :

« Tiếp được bài thơ của anh non mười ngày nay chưa làm được chữ nào họa trả anh, chắc anh cũng lấy làm quái-lạ. Nhưng tôi muốn từ nay trở đi tôi với anh thôi không chơi cái nghề văn-thơ ấy làm gì nữa. Thau ôi ! Hà-lang ôi ! Anh có biết mấy ngày hôm nay tôi tan gan nát ruột, lại hăm thân vào cõi lo-sầu phiền - não này không ?

« Cái việc tôi bàn với anh vẫn tưởng định đề đền cái hạnh-phúc cho anh, mà cũng vì Quán-cô kén rề ; bây giờ mới biết là cái sự lầm quá. Khi Quán-cô mới về thì xem ý cũng còn nửa song nửa nga. Sau tôi tác-thành mãi thì mới bằng lòng. Ai ngờ đến lúc việc xong thì thấy Quán-cô đối với tôi biến hẳn ra một cách khác. Đến bây giờ cũng vẫn không thấy tươi-cười ; vả lại tự-nhiên vô - cổ mà bỏ học, tôi cố khuyên mãi thì gay-gắt mà đáp rằng : — Làm thân con gái mà đi học thì là chỉ học lấy chữ tự-do để sửa lấy cái phẩm-giá hoàn-toàn trong một đời, bây giờ chữ tự-do mất rồi, thì học làm gì nữa ? Tôi nghe câu ấy

sợ quá, không dám đáp lại nữa. Cái lòng tôi yêu Quán-cô mà thành ra bây giờ để cho cô ấy mất cái tự-do, thật là tôi làm lỗ cô ấy quá :

Cái lầm lầm quách mất rồi.

Bây giờ muốn chữa ai người chữa cho ?

« Cái phận-sự ấy bây giờ cốt ở anh, chứ tôi không thể sao được nữa. Bây giờ tôi xin đem bao nhiêu những ái-tình mà xưa nay anh đã cho tôi, xin mang trả lại đủ cho anh, để anh đem cái ái-tình ấy mà đền lại cho Quán-cô, đừng có để cho chút nào oán-vọng, mà giảm bớt mất cái hạnh-phúc. Còn đến thân tôi thì không dám lụy anh nữa, tuy chưa chết ngay được để tạ anh, nhưng cũng không bao lâu nữa đâu ! Xin anh đừng nghĩ đến tôi nữa, hễ anh tuyệt được tôi, thì tôi lấy làm cảm ơn anh nhiều lắm. »

Tôi xem hết cái tờ ấy rồi phần quá.

Thế ra Lê-Ảnh chỉ biết yêu Quán-Thiến mà không biết thương tôi, chỉ biết yêu Quán-Thiến mà không biết yêu tôi ; nào tôi có muốn như thế đâu, Lê-Ảnh đã làm lỗ người ta mà lại muốn đứng ra vòng ngoài, để bách tôi phải đền cái lỗ ấy, mà làm sao không biết lượng cho tôi như thế ? Tức quá, cầm bút viết một cái tờ trả lời như sau này :

« Tiếp được tờ đã xin biết cả rồi ; cái việc Quán-Thiến không bằng lòng, tôi cũng biết rồi, tại mợ chứ còn đồ cho ai ? Than ôi ! Lê-Ảnh ôi ! thật bây giờ tôi oán mợ quá ! Quán-Thiến là một người yêu của mợ, sao mợ chấp vào duyên tôi, là một người vô-tình của người ta, để cho người ta mất cái hạnh-phúc, mợ làm cho người ta mất cái hạnh-phúc thì mợ phải đền người ta, chứ sao lại còn nhờ tôi đền hộ ? Tờ mợ nói như thế này mợ chực thoát thân mà hăm hai người này vào cái khổ cảnh hay sao ? Cái việc ấy tại mợ gây lên, tôi biết cứu thế nào được nữa ?

Tôi yêu mẹ thật, nhưng tôi quyết không để cho mẹ thoát thân, quyết không để cho mẹ lừa bỡn. Thôi, mẹ ơi ! yêu tôi hay là tuyệt tôi, tôi không hỏi đến nữa, muốn gỡ khỏi sự khó-khăn, chỉ trừ đến tận lúc chết...

« Mộng-hà thư-phục »

Cái tờ ấy phân quá, thành ra nhiều câu nói đường-đốt, phát đi rồi lại hối. Ba ngày không thấy tin-tức gì.

Chập tối hôm nay thấy Bàng-lang chạy thọt đến vất một cái gói ở trên bàn, rồi chạy mất. Mở xem thì thấy một cái khăn tay bọc một tập thơ và một nắm tóc, một cái tờ. Tập thơ ấy tức là tập thơ Thạch-Đầu-Ký mà Lê-Ảnh mượn của tôi ngày trước. Mở thư xem ; thư rằng :

« Anh là người đa-tình, tôi vẫn muốn vì anh mà chết vì tình, nhưng tự nghĩ thân mình :

*Cành hoa có chửa xuân rồi,
Gió đông khôn lẽ bán đào mua mai ;*

nên phải tính một cái cách như thế, thật là một sự rất phải. Ai ngờ mà lại thành ra sự lăm. Vì anh thật đã biết bụng tôi, nên dù bao nhiêu sự khó-nhọc, bao nhiêu sự trách-oán, tôi cũng không dám từ. Bây giờ xem cái tờ của anh thì thực là anh chưa biết bụng tôi. Than ôi ! Hà-lang ôi ! tôi với anh cùng lăm vì tình, tôi chưa từng đề lăm cho anh, anh cũng chưa đến nỗi đề lăm cho tôi. Bây giờ anh bảo tôi lăm anh, thì tôi còn nói lăm sao được nữa ? Thôi anh ơi ! tôi đã lăm lăm anh rồi, tôi không dám lại lăm lăm anh lần nữa. Anh thì oán tôi mà tôi vẫn không dám oán anh. Nửa năm trời một cuộc tương-tư, rút lại cũng là một giấc mộng. Hà-lang ơi ! thôi, từ nay ta tuyệt nhau nhé ? Tập thơ này xin lại trả anh để cắt cái mối tình của nhau ; nắm tóc này xin biểu anh để

tỏ lòng đau-dớn và lưu lại một vật kỷ-niệm cái tình của nhau. Tôi bây giờ phụ người nhiều lắm, phụ người sống, phụ người chết, phụ anh, phụ Quân-Thiến, phụ người đã vậy, lại phụ mình biết chừng nào ! Từ nay trở đi, một quyển kinh, một cái mõ, xin sám-hối cái tình-duyên xưa. Trong cuộc đời bao nhiêu những sự vui, sự buồn, không dám hỏi đến nữa. Xin anh liệu đấy. Thằng Bàng-lang cũng không dám nhờ anh nữa : đời của của máy, đời cây cỏ đào, cứ mặc kệ nó cũng được.

« Xưa nay sắc tức là không, chẳng gì trước mắt ; thảng-hoặc tình còn chưa hết, xin hẹn kiếp sau !

« Lê-Ảnh kính-thư »

Tôi xem hết cái tờ ấy gục đầu xuống cái gói xếp, nước mắt chứa-chứa không thể nào nhìn được. Có ngóc dậy vờ lấy tờ giấy trắng, rồi cầm đầu ngón tay lấy máu viết một cái tờ đáp lại như sau này :

« Than ôi ! mẹ tuyệt tôi thật ư ? Thế mà mẹ nữ tuyệt tôi thật ư ? Thì tôi còn biết nói thế nào ? Nhưng sao tôi lại không nói ? Mẹ nhận làm rằng tôi muốn tuyệt mẹ, vậy nên tôi phải nói cho tỏ cái bụng của tôi. Cái tờ của tôi vừa rồi thật cũng nhiều câu quá-kích, nhưng cái sự cảm-tình của tôi như thế, không nói với mẹ thì còn nói với ai ? Tôi cũng chắc mẹ không nỡ tuyệt tôi. Thôi, nhưng mà tôi có lỗi thật, có tội thật, tôi tuyệt mẹ trước, không trách rằng mẹ muốn tuyệt tôi. Tôi không phải là cây gỗ, không phải là hòn đá, há chẳng biết mẹ vì một người tri-kỷ mà đến nỗi nát ruột tan gan, hết lòng hết sức đến thế là cùng. Mẹ không yêu tôi thì còn ai yêu tôi nữa, mẹ không thương tôi thì còn ai thương tôi nữa ? Mẹ muốn tuyệt tôi, thế là mẹ định giết chết tôi ; mẹ nữ giết chết tôi ư ?

Mợ ơi! ừ, mợ muốn giết tôi thì tôi phải chết, nhưng tôi chỉ muốn mợ giết tôi mà tôi chết, chứ tôi không muốn tuyệt mợ mà tôi chết. Cho dù tôi có chết, tôi cũng còn hồng mợ thương đến tôi.

« Thôi, thôi! nói có thể thôi. Tấm lòng oán-hận còn dài nghìn thu.

« Năm kỷ-dậu, tháng 11, ngày 11, trống canh tư. Mộng-hà cắn máu tay viết bức thư này. »

Hôm sau là ngày chủ-nhật, giao bức thư cho Bằng-lang rồi cứ nằm như chết; đến non trưa thấy Thu-Nhi đến đánh thức tôi mà hỏi rằng: — Tôi dọn cơm thầy xơi nhé!

Tôi nói rằng: — Không, bây giờ không thể sao nuốt được.

Thu-Nhi vạch xem ngón tay tôi, mà hỏi rằng: — Có đau không?

Tôi nói rằng: — Không đau, ta đau ruột chứ không đau tay.

Thu-Nhi thở dài nói rằng: — Thầy kêu đau ruột, nhưng mợ tôi lại đau ruột hơn thầy.

Tôi kịp hỏi rằng: — Mợ làm sao?

Thu-Nhi nói rằng: — Mợ tôi cũng như thầy: tự hôm qua đến nay, cũng không ăn uống được, cũng không cất mình được nữa, dẫn tôi sang thăm thầy xem làm sao.

Tôi nói rằng: — Thôi, tao thật không thể sao ăn được, nếu mợ có hỏi, cứ nói tao đã ăn rồi.

Đoạn rồi Thu-Nhi bụng măm trở vào nhà trong.

(Còn nữa)

Nguyên-văn chữ Hán
của TỪ TRÂM-Ả
M. K. dịch

Cải - chính

Trong số báo 81, mục « Bàn góp về truyện Kiều » trang 231, câu: « Tôi viết bài này tặng vong-linh cụ giáo Nguyễn Hữu-Đan », xin đọc là: « Tôi viết bài này kính tặng vong-linh cụ giáo Vũ Hữu-Đan », cho đúng.

VĂN-UYÊN

Đề ảnh

I

Trần-hải làm chi cũng có ta,
Sự đời muốn nói nói không ra.
Văn-chương cử-nghiệp chân lầm lỗi,
Danh-lợi mê lòng mắt đã hoa.
Vui-thú chỉ quen miền Bắc-lùng,
Mơ-màng vào thật giấc Nam-kha.
Trăm năm hình-thẻ ai không hóa,
Còn có thiên-dài để vịnh ca.

II

Thế cũng tu-mi đứng coi đời,
Nghĩ ta ta lại tự buồn cười.
Cánh bằng vượt gió teo nghìn dặm,
Lối thỏ tìm chân lối nửa đời.

Mấy độ bèo mây chùng vượt khỏi,
Và câu phong-nhã đề ngâm chơi.
Kiếp sinh chẳng thẹn trong trời đất,
Nào sợ Diêm-vương hỏi sự đời.

Tặng bạn làm thông-phán

Sóc-sơn nền cũ đất chung-linh,
Tuổi trẻ tài cao đã hiển-danh.
Lộc nước diêm-trang người hân-mặc,
Phúc nhà quang-hiền đôi trăm-anh.
Ngựa xe bên Tượng từng quen lối,
Hoa cỏ vườn xuân sắc thích tình.
Kiều-mộc chở che nhờ bóng cả,
Đường mây nghìn dặm bước thênh-thênh.

NGÔ THẾ-THUY

Qua cảnh cũ nhớ người xưa

Cách mấy năm xưa cũng độ này,
 Cùng ai gặp-gỡ chốn này đây.
 Lời thề tiếng hẹn tai còn nhớ,
 Lối dọc đường ngang cảnh đã thay.
 Ngán nỗi sao đời cùng vật đổi,
 Buồn tênh bèo giạt với mây bay !
 Nhớ người nhớ cảnh băng-khuàng những,
 Tâm-sự cùng ai dễ giải bày ?

Đi đường ngẫu-vịnh

Gió thổi mây bay cát bụi mù,
 Hai bên bờ cỏ tốt xanh u.
 Người đi kể lại xe cùng ngựa,
 Kuaca quí quan sang võng với dù.
 Ban nước mây cô ngồi chễm-chệ,
 Gàu trâu va đĩa đựng lu-bù.
 Hỏi thăm những khách qua đường đó,
 Nay lối về Nam có phải ru ?

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Đi đường gặp mưa

Em trông xa tí tí mù khơi,
 Em bước chầu ra đất với trời.
 Nửa khúc chưa xong đường khắp-khênh,
 Trận mưa dâu đến gió tới-bời.
 Bước đi cũng lỡ về thêm dờ,
 Ở lại không xong chạy khó xuôi.
 Ai hỏi khách trần hay nỗi nhỉ ?
 Đường trần khó tính lắm ai ơi !

Chán

Nào phải rằng ta dám chán đời,
 Nỗi đời chán lắm, hỏi ai ơi !
 Chán nên luân-lý ngày thêm đờ,
 Chán nỗi non-sông chỉ thấy vơi.
 Chán truyện tri-âm không kể nói,
 Chán vãn câu-thế ít người chơi.
 Chán người hữu-hạn xuân vô-hạn,
 Mà kiếp trăm-luân quá nửa rồi.

Cảnh xuân

(Ngũ-ngôn)

Cảnh xuân ai khéo vẽ ?
 Cho khách những mê say !
 Hớn-hở hoa khoe thắm,
 Vui-mừng bướm liệng bay.
 Cảnh đảo chim yến đỗ,
 Ngọn liễu gió xuân lay.
 Xuân độ bao lâu nhỉ ?
 Non sông gánh nợ đầy !

Chơi thuyền nhớ bạn

(Thi-ca liên-hành)

*Con thuyền dừng-dình mặt Bờ-giang
 Dòng nước trong xana sóng gợn liêu
 Gió thổi hiu-hiu bướm nhẹ cánh,
 Lương trời văng-vẳng tiếng rỏ-khoan*

Trên mây một mảnh trăng tròn,
 Trăng lồng mặt nước, mây cuốn đáy sông,
 Nước mây trắng nước tương-phùng,
 Tỉnh như mây nước cang uống cang xinh.

*Nước mây, chuan-chưa biết bao tình !
 Thơ-thần riêng ai cảnh một mình,
 Bến Hậu (1) trông vơi lùn khói tỏa,
 Xa-xa râu-rỉ cuộc cầm cana.*

Giế than giũa khóc buồn tênh !
 Tri-âm khuạt néo ngan xanu tuyệt mủ.
 Tiếng chuông thoang-thoang bên chùa,
 Hồn tảo như động, thơ giờ gửi ai ?

*Nhớ lúc cùng ai nói nói cười,
 Trên bờ đạo gót bước thanh-thời,
 Chiều trời êm-à cầu kim-cổ,
 Nay bông chân mây kẻ cuối trời.*

Chiếc thuyền ngược-ngược xuôi-xuôi
 Hỏi trắng trắng mãi vui cười nước mây
 Cơn buồn như tỉnh như say,
 Ai ơi, cảnh nợ những ngày nhớ quên

NGUYỄN VĂN-NĂNG

(1) Hậu = bến Hậu-trung là nơi bạn ở thuộc tỉnh Thái-binh.

Lữ - hoài

Muôn dặm quan-sơn luống ngậm-ngùi,
 Đêm chen giấc điệp dạ nào nguôi.
 Gương vàng vắng-vặc soi lòng kẻ,
 Mây bạc xa-xa nhớ những người.
 Tiếng giẻ kêu sầu thêm áo-nào,
 Giọng chim chộc nhớ những bồi-hồi.
 Ai ơi, có thấu tình chàng tá !
 Muôn dặm quan-sơn luống ngậm-ngùi.

Cảm - hứng

Năm canh lơ-lửng bóng Hằng-nga,
 Tựa cửa tình riêng ta với ta.
 Phận bạc đã đành tay kẻ tạo,
 Má hồng đâu tưởng khách tài-hoa.
 Lắm hai lơ một duyên đành thế,
 Đôi trắng thay đen kiếp đó đà
 Cung Quảng cậy ai tin chị Nguyệt,
 Đường tu em quyết thế thối mà.

BUI-THỊ THU-CÚC

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Việc tổng-tuyên-cử ở bên Pháp. — Tổng-tuyên-cử ở bên Pháp là khi Nghị-viện đã hết hạn, bầu lại cả nghị-viện ở Hạ-viện. Có quyền đi bầu là hết-thảy dân-dính trong nước không thuộc vào cấm-lệ riêng, nghĩa là bao nhiêu đàn-ông tự 21 tuổi không có can án mất quyền công-dân đều được bỏ vé bầu cả. Gọi là dân-chủ ấy, tức là nhất-ban quốc-dân có quyền bỏ vé chọn người nào mình xét xứng-dáng thay mặt dân để lo việc nước như thế. Ở một nước dân-chủ lão-luyện như nước Pháp, việc tổng-tuyên-cử là việc quan-hệ nhất về chính-trị. Đảng tả hay đảng hữu được nhiều vé hay ít vé, đảng bảo-thủ thắng hay đảng cấp-tiến thắng, đảng xã-hội mạnh hay đảng cộng-hòa mạnh, điều đó có thể thay đổi chính-cục trong nước, mà ảnh-hưởng đến cả thời-cục trong thế-giới nữa. Cho nên không những ở nước Pháp và các thuộc-địa như bên ta, khắp các nước đều chú-ý xem-xét về việc tổng-tuyên-cử ngày 11 tháng 5 tây vừa rồi.

Hiện nay chưa nhận được các báo-chí bên này, không thể biết rõ về tình-hình cuộc tổng-tuyên-cử ấy thế nào. Nhưng cứ xem điện-tin hằng ngày cũng đủ biết đại-khái. Như trong mục « Thời-đàm » kỳ trước đã dự-đoán, Nghị-viện mới này sẽ nánh về

bên tả hơn Nghị-viện trước, các đảng bảo-thủ ôn-hòa có ý sút kém mà các đảng tự-do cấp-tiến xem ra phần hơn. Theo điện Havas ngày 12 tháng 5, thì các đảng chia ra như sau này :

Đảng « bảo-thủ » (*conservateurs*), được 11 người, kém khóa trước 7 người ; — Đảng « cộng-hòa » (*républicains*), 139 người, kém khóa trước 66 người ; — Đảng « cộng-hòa tả-dạng » (*républicains de gauche*), 92 người, kém trước 62 người ; — Đảng « Độc-lập Cấp-tiến » (*radicaux indépendants*) được 34 người, kém trước 14 người ; — Đảng « Cấp-tiến xã-hội » (*radicaux socialistes*), được 127 người, hơn trước 47 người ; — Đảng « Cộng-hòa xã-hội » (*républicains socialistes*) được 39 người, bằng kỳ trước ; — Đảng « Liên-biệp xã-hội » (*Socialistes unifiés*) được 101 người, hơn trước 44 người ; — Đảng « Cộng-sản » tức là quá-khích (*Communistes*), được 29 người, hơn trước 7 người.

Trong số đó còn thiếu ít nhiều nơi chưa bầu xong, hoặc chưa đệ về Paris kịp, nhưng cái đại-thế thời như thế. Cứ các đảng liệt kê trên kia thời ba đảng thứ nhất (Bảo-thủ, Cộng-hòa và Cộng-hòa-tả-dạng, đảng sau này tức là đảng quan Thủ-tướng Poincaré, tuy gọi là tả, nhưng chỉ hơi nánh về tả một chút đỉnh mà thôi, kỳ-

thực là đứng giữa), là thuộc về bên hữu và trung-ương; còn từ đảng « Độc-lập Cấp-tiến » là thuộc về bên tả hết, mà đảng « Cộng-sản » là phần cực-tả, tức là đảng quá-khích như ở nước Nga bây giờ. Nếu cộng cả ba đảng trên, có thể gọi chung là đảng hữu, thì được 242 người (những số này là nói đại-khái mà thôi, chưa cho là nhất-định được); cộng cả các đảng dưới thì được 330 người, mà trừ phần quá-khích là phần cực-tả đi, thì hợp các đảng tả ước được 300 người. Một bên 242 người (cho tròn là 250 người), một bên 300 người, chênh nhau chừng 50 người về bên tả, mà tính cả phần cực-tả thì chênh nhau tới 80 người.

Như thế thời tòa Nội-các POINCARÉ sớm trưa tất phải từ-chức (1), và một tòa Nội-các mới thuộc về bên tả sẽ lên cầm quyền. Các đảng tả hiện nay có ba tay lĩnh-tự có thế-lực, là BRIAND, PAINLEVÉ và HERRIOT, có lẽ một người trong ba người ấy làm Thủ-tướng (hai ông trên đã từng làm Thủ-tướng rồi).

Nay hai phe tả hữu đối nhau, có những đặc-sắc gì? Phe hữu đại-khái chỉ chủ vận-trởng cái thế-lực của nước Pháp cho rất mạnh, ở trong nước thời tựa vào bọn tư-bản, đối với ngoài thời có nghiêm-khắc với Đức, không sợ bất cảm-linh với liệt-cường; phe tả thời về nội-chính ngoại-giao đều giữ một thái-độ khoan-dung hơn nhiều, vẫn giữ thế-lực cho nước Pháp mà lại muốn hòa-hợp với liệt-cường, mà đối với Đức thời có ý nhân-nhu hơn.

Ấy là nói đại-cương như thế; quốc-

dân ta cũng phải nên biết qua mới hiểu được sự thay-đổi trong chính-trị quốc-quốc.

Việc tổng-tuyên-cử ở nước Đức

— Đầu tháng năm này, Đức cũng đến kỳ tổng-tuyên-cử. Nhưng ở Pháp thì bên tả thắng, mà ở Đức xem ra lại bên hữu được phần hơn. Song cứ xem các điện-tin thời chưa biết rõ được số hơn kém là bao nhiêu. Các chính - đảng ở Đức đại-khái chia ra như thế này: về bên hữu, đảng quốc-dân (*parti national*) và đảng binh-dân (*parti populiste*), muốn khôi-phục quân-chủ; về trung-ương, đảng Gia-tô (*parti du Centre ou parti catholique*) có ý nánh về bên hữu và muốn kết-liên với hai đảng trên; về bên tả thì có những đảng dân-chủ (*parti démocrate*), đảng xã-hội (*socialiste*), và đảng cộng-sản (*communiste*). — Nếu quả các đảng bên hữu và trung-ương liên-hiệp với nhau mà chiếm được số nhiều ở Nghị-viện thời chắc sớm trưa sẽ khởi ra cái vấn-đề khôi-phục quân-chủ. Hiện nay bọn quân-phiệt và quan-liêu đương hết sức vận-động về việc ấy, mà trong bọn quân-phiệt có tướng Von SEECKT là tay cứng lắm, có người nói tài-lực không kém gì BISMARCK (Ti-tur-mạch) khi xưa.

Nay khôi-phục quân-chủ thì ai làm vua? Chắc liệt-cường không khi nào để cho GUILLAUME II và Thái-tử KRONPRINZ lại về ngôi cũ. Có người nói có lẽ là con trai thái-tử, vì tuy vậy dân Đức vẫn còn nhiều người mến nhà vua Hohenzollern.

Việc Á-đông

Việc tổng-tuyên-cử ở Nhật-bản

— Độ rầy thật là mùa bầu-cử. Ở Nhật-bản mới rồi cũng bầu lại Nghị-viện. Xét ra thì các đảng tự-do thắng các đảng bảo-thủ và đảng quan-liêu. Tòa Nội-các Kiyoura (Thanh-phố tử-tước) là đại-biểu đảng quan-liêu qui-tộc, thế nào nay mai cũng phải từ-chức, nhưng chắc còn đợi làm lễ

tránh-hôn Nhiếp - chính Thái-tử là Du-nhân-thân-vương xong đã.

Theo điện Tokyo ngày 13 tháng 5 thì các đảng chia ra như sau này:

Kenseikai (Hiến-chính hội),	150 người.
Seiyuhonto (Chinh-hữu tân-đảng (?)),	120 —
Seiyukai (Chinh-hữu-hội),	101 —

(1) Mới có điện từ chức ngày 1 Jun.

Đảng Độc-lập	57 người
<i>Kakushin Club</i> (Cách-tán Cầu-lạc-bộ),	50 —
Đảng Doanh-nghiệp	8 —

Từ - trước Kato (Gia - đảng) lãnh - tụ đảng *Kenseikai* (Hiển-chính-bộ) là đảng được số nhiều nhất, có lẽ sẽ lên làm thủ-tướng mà lập tòa Nội-các mới.

— Việc ngoại-giao thì vấn-đề người Nhật kiều-cư ở Bắc-Mĩ lại xuất-hiện ra kịch-liệt hơn mấy năm trước. Người Mĩ đối với bọn Nhật-kiều càng ngày càng có ác-cảm, Chính-phủ càng ngày càng đặt luật-lệ để hạn-chế người Nhật. Sự giao-thiệp hai nước gần đây có ý kém thân-thiện hơn trước nhiều. Nhưng cũng chưa đến nỗi quyết-liệt được, vì Nhật vừa phải cái thiên-tai mới rồi, thế nào cũng rầu lòng nhần-nhục mà cố chịu vậy, đợi có ngày (1).

Việc bán-xứ

Quan Toàn-quyền di công-cán sang Nhật-bản. — Quan Toàn - quyền cùng các quan văn võ tùy-hành ngài và một phái-bộ Tây-thương đã dời Đông-Pháp sang Nhật-bản từ cuối tháng tư. Việc di này về phần quan Toàn-quyền thời công-nhiên là thay mặt Chính-phủ Pháp để một là chia buồn với Chính-phủ Nhật-bản về việc động-đất vừa rồi, hai là chia vui với nhà vua Nhật về việc thành-hồn Thái-tử Nhiếp-chính; còn về phần phái-bộ thời để đi-entra về việc thông-thương Nhật với Đông-Pháp. Ấy ở đây ta chỉ biết có thể mà thôi. Vả từ khi quan Toàn-quyền tới Nhật đến giờ, phủ Toàn-quyền thông-báo cho các báo cũng chỉ thuật về sự các quan-thân Nhật-bản ngbèch-tiếp quan Toàn-quyền trọng-thể là dường nào, và hai bên chúc-tụng nhau ân-cần là dường nào. Các báo Tây ở đây thỉnh-thoảng cũng có bài bàn về việc quan Toàn-quyền di Nhật-bản, nhưng đại-khái chỉ bàn chung về sự ích-lợi Đông-Pháp ta nên giao-hiệp với Nhật-bản, hay là nói về cách tổ-chức cuộc đi ấy thế nào, như quan Toàn-quyền có đem theo 750 cân đồ tặng-phẩm để hiến vua quan Nhật-bản, v. v.

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu gần đây không có tin gì lạ. Việc Trung-Nga giao-thiệp về đường xe-lửa Mãn-châu chưa thấy nói giải-quyết xong. Về vấn-đề kim-phát-lãng với nước Pháp cũng vậy.

Duy mới đây trong mấy hôm có mấy cái điện luôn nói rằng SUN YAT-SEN (Tôn Văn) chết; rồi lại nói rằng không chết; không biết thực hư thế nào. Nhưng nghe SUN bị đau, kẻ không ưa cầu cho chết đi, bèn lấy sự ước-ao của mình làm sự thực mà phao truyền đi như thế. Làm người bề ra xô-sát với đời lắm thì lắm kẻ muốn cho chết đi cho xong chuyện. Còn nhớ độ trước LÉNINE (Lý-Ninh nước Nga) chưa chết thật, biết bao nhiêu phen có điện-báo rằng chết rồi, khiến cho khi có tin chết thật, ta còn hồ-nghi chưa biết có thật hay không!

Vậy trong khi chính ta ở đây chỉ biết có thể thôi, thời một sở điện-báo nước Anh kia báo tin rằng quan Toàn-quyền MEXLIN sang Nhật-bản là chủ-ý thương-thuyết với Chính-phủ Nhật cho người Nhật sang kiều-cư bên ta nhiều hơn trước, lại định kết-ước Đồng-minh Pháp-Nhật để chống lại với Đức Nga. Lại có người đồn rằng chuyến này người Nhật không kị xi giảm thuế thương-chính cho đồ Nhật nhập-cảng vào ta được nhiều hơn. Đó toàn là tin truyền ở ngoài cả, không lấy gì làm đích-thực, nhưng thật rõ đúng câu phương-ngôn ta: Trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay ...

Cuộc bay tự Paris sang Tokyo.

Hà-nội ta mới rồi mới được ngbèch-tiếp quan hai PELLETIER D'Oisy và thầy đội Bessin cưỡi chiếc tàu bay kiêu *Bréguet* bay tự Paris sang đến đây trong 18 ngày, cỡi được 13.000 cây-lô-mét, qua suốt cả Âu-châu và Á-châu, vượt những núi cao nhất trong thế-giới, như giãy Hi-n-ã-lap-son. Thật cũng can-dảm thay!

(1) Có tin sau cùng nói rằng Chính-phủ Nhật đã cho phép đại-sứ Nhật ở Washington về nước rồi. Thế là Nhật Mĩ tuyệt-giao nhau hay sao?

Từ sau khi chiến-tranh, nghề tàu bay ở các nước mỗi ngày một tài hơn, và nước Pháp vẫn đứng đầu. Hiện nay có mấy bọn người Anh, người Mỹ, người Bồ-đào, định bay vòng quanh thế-giới. Quan hai PELLETIER D'Oisy thời được Chính-phủ Pháp đặc-phái bay từ Paris sang Tokyo (Nhật-bản), qua Hà-nội thay máy. Hôm đến đây được các quan dân đón tiếp vui vẻ và trọng-thể lắm. Nghỉ bốn năm ngày, rồi lại bay nốt sang Tokyo. Nhưng mới đây được tin khi đổ ở Thượng-hải, đâm liệng xuống, máy gãy hỏng cả, may người không việc gì. Hiện còn đợi ở đấy, để sửa tàu bay đây gửi cho cái máy khác mới bay nốt sang Nhật-bản.

Việc lựa thóc giống. — Kỳ trước nói về cuộc đấu lúa ở Nam-kỳ có nói rằng vì nhà nông ta không chịu khó lựa thóc giống nên lúa ta kém lúa các nước. Nay Công-ti nấu rượu có thí-nghiệm đặt ở sở Hà-nội một cái máy lựa thóc giống kiểu mới, có mời các thầy-hào và nhà báo lại xem; xét ra thì máy ấy tiện và được việc lắm. Công-ti có nhờ thông-đat cho các chủ ruộng ta biết rằng buổi đầu xin sẵn lòng đem máy giúp nhà nông An-Nam, nhận lựa thóc giống giùm, không lấy tiền, ai có thóc cứ đem đến sở ruộng Hà-nội.

Nước ta gốc nghề nông; phạm những sự cải-cách gì có ích cho nghề nông, tưởng ta cũng nên chú-ý. Nay Công-ti Rượu mới đặt cái máy mới như thế, các nhà nông ta tưởng nên thí-nghiệm cho biết sự lợi-ích thế nào.

Giới-thiệu sách mới. — Trong tháng mới rồi, bản-chí tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này, xin giới-thiệu cùng các bạn đọc báo:

1. — *Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ*, có phụ chép sự-tích các nơi danh-lam thắng-cảnh, của ba ông ĐỖ ĐÌNH-NHIỆM, NGÔ VI-LIÊN và PHẠM VĂN-THU soạn. Trong có bản-đồ xứ Bắc-kỳ và bản-đồ từng tỉnh. Sách giấy 140 trang. In ở nhà Kim-Đức-Giang, Hà-nội. — Bản-chí chủ bút có làm bài tựa cho sách ấy, xin lục-dăng như sau:

« Cửa miệng thường có câu: *Tổ-tiên đất nước nhà*. Đất nước với tổ-tiên, người ta ở

đời, ngoài nhân-thân mình, có hai mối đó là quan-hệ nhất. Nhà danh-sĩ Thái-Tây đã có người lấy đây làm nền gốc mà lập một đạo làm người rất thâm-thiết, dựng một khoa triết-học rất cao-xa.

« Thờ-kính tổ-tiên, yêu-mến đất nước, ấy là nghĩa-vụ thứ nhất của kẻ quốc-dân. Ấy cũng là cấp-vụ thứ nhất của sự giáo-dục.

« Cho nên kẻ con em trong nước từ thừa nhỏ đã cần phải học lịch-sử nước nhà, cho biết sự nghiệp của tổ-tiên đời trước, học địa-dư nước nhà, cho biết hình-thế của đất nước quê hương.

« Ta thường xưng con tiên cháu rồng, nhưng mấy ai thuộc lịch-sử của ông cha? Bởi vì sách phổ-thông-quốc-sử hãy còn hiếm. Lại thường phở non sống găm vóc, nhưng mấy ai biết hình-thế của nước nhà? Bởi vì sách phổ-thông-địa-dư hãy còn ít.

« Nay ba ông ĐỖ ĐÌNH-NHIỆM, NGÔ VI-LIÊN và PHẠM VĂN-THU soạn quyển *Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ* này, tham-khảo các sách Tây sách Nho, kể rõ về hình-thế, sơn-xuyên, dân-cư, khí-hậu, các phủ-huyện xã-thôn, đường giao-thông đi lại, canh-nông, thổ-sản, kỹ-nghệ, thương-mại, cho chí cò-tích thắng-cảnh của mỗi tỉnh, lại phụ thêm bản-đồ, vẽ ra tinh-tế thật là bổ được một sự khuyết vậy.

« Ba ông có đưa tôi xem, nhờ tôi làm bài tựa. Tôi đọc qua một lượt, bất-giác có cái cảm vô-hạn đối với cổ-Quốc-giang-sơn, và sự nhớ đến câu thơ sấm của Thần sông Như-nguyệt ban đêm ngâm cho ông Lý Thường-Kiệt nghe:

Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư,

Tiệt-nhiên định phận lực thiên-thư.

« Ờ, Trời đã sinh ra giống Việt-Nam ta ở trong một cõi sơn-hà tốt-đẹp như thế này, khí thiêng của sông núi có khi tan, rồi cũng có khi tụ, có lẽ nào người mình cứ yếu hèn mãi hay sao? Cuộc đời biến đổi, thế-sự thăng-trầm, nhưng núi sông vẫn còn đó trơ-trơ, bao giờ mất được. Nòi giống ta ắt cùng cùng với non sông này sống lâu muôn tuổi; há phải lo chi?

« Đọc sách có cảm, nhân viết ra đây làm bài tựa để tặng ba ông tác-giả, và mừng cho ba ông đã làm được quyển sách hay, rất bổ-ích cho sự giáo-dục quốc-dân.»

2. — *Le Cochinchine à la Foire de Hanoi* (Nam-kỳ ở Hội-Chợ Hà-nội, năm 1923). Của ông H. CUCHEBOUSSET, chủ-bút báo *Éveil économique* soạn bằng chữ Pháp. Trong có nhiều ảnh và một cái bản-dồ lớn về Nam-kỳ và vùng Sài-gòn. Sách giấy 32 trang giấy rộng. In ở nhà Đông-kinh Ấn-quán Hà-nội.

3. — *Bên tình bên nghĩa*. Tuồng hát cải-lương theo lối Sài-gòn. Của ba ông sinh-viên Nam-kỳ trường Đại-học TRẦN QUANG-HIỆN, THƯƠNG KẾ-AN và NGUYỄN THÂN-SỰ soạn. Đầu năm 1924, các sinh-viên Nam-kỳ đã diễn tại Hà-nội để giúp Hội Nam-kỳ Tương-tế. Sách giấy 71 trang. In tại nhà Mạc Đình-Tư Hà-nội.

4. — *Hồng-phấn phiêu-lưu*. Tuồng hát cải-lương. Của ông VƯƠNG GIA-BÁT, giáo-học trường Sơ-học tỉnh Khánh-hòa soạn. Tác-giả cùng Hội Đồng-Ấu-ban đã diễn mấy lần từ Nha-trang ra Huế. Sách giấy 64 trang. In tại nhà in Nguyễn Văn-Cửa, ở Sài-gòn. Giá 0 \$ 50 một quyển.

5. — *Bà thánh Monica và ông thánh Acutinh* Sự-tích hai vị thánh về đạo Thiên-chúa. Của cô HUONG (R. P. Huc, biệt-hiệu Tây-dương) soạn.

Sách giấy 130 trang. In tại nhà in *Nazareth* ở Hong-kong (Hương-cảng).

6. — *Quốc-ngữ Sơ-học văn-tản*. Sách dạy văn quốc-ngữ. Của ông NGUYỄN MẠNH-KHOA soạn. Sách giấy 38 trang. In ở hiệu Nghiêm-Hàm, Hà-nội. Giá : 0 \$ 10.

7. — *Anh-hùng nào tam môn nhai*. Tiểu-thuyết cũ Tàu. Ông VŨ ĐINH-LOAN dịch. In ở nhà Kim-Đức-Giang. Quyển thứ 2. Quyển 1, bản-chí đã giới-thiệu một kỳ trước.

8. — *Phép hiền chéo xô-sách buôn-bán*. Của ông HỒ VĂN-Y, quản-lý An-hà-Ấn-quán và An-hà-báo, soạn. Sách giấy tới 80 trang. In tại *Imprimerie de l'Ouest*, Cần-thơ (Nam-kỳ). Giá 1 \$ 00 một quyển.

9. — *La Doctrine des Nho. Confucius et ses disciples* (Nho-giáo. Khổng-phu-tử và các môn-đệ.) Bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM ở Hội Việt-Nam-Thanh-niên. Hội in riêng thành sách, có dịch ra chữ Pháp. Trong có bản đồ nước Tàu về đời Xuân-thu và có hình Đức Khổng-tử. Sách giấy 174 trang. Giá 0 \$ 40. Bán tại Hội Việt-Nam, Thanh-niên Hà-nội.

TẬP KÝ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Biên - bản kỷ đại - hội - đồng thường-niên ngày mồng 4 tháng 5 năm 1924. — Ngày chủ-nhật mồng bốn tháng năm năm 1924 (tức ngày mồng 1 tháng tr năm Giáp-ti niên-hiệu Khải-dịnh thứ 9), đúng 3 giờ chiều, các chủ-tri tán-trợ hội-viên Hội Khai-trí họp đại-hội-đồng thường-niên ở Hội-quán.

Chương-trình kỷ đại-hội-đồng như sau này :

10. — Tờ trình của tòa Trị-sự về việc Hội trong năm 1923 ;

20. — Tờ trình của Hội-đồng Kiểm-quĩ ;

30. — Duyệt các khoản chi-thu năm 1923 ;

40. — Duyệt sổ dự-toán năm 1924 ;

50. — Việc ấu-trì-viên và việc đấu-xảo mỹ-ngệ ;

60. — Lời thỉnh-cầu của các hội-viên ;

70. — Bầu lại 12 ông có chân Hội-đồng Quản-tri bị rút thăm năm ngoài ;

80. — Việc linh-tinh.

— Đến dự Hội-đồng có những chủ-tri tán-trợ hội-viên kê tên như sau này, cả thảy 117 ông (theo như sổ biên tên khi vào hội-đồng) :

Bạch Thái-Bưởi, — Bạch Thái-Sơ, — Bary, — Bùi Huy-Tín, — Bùi Huy-Tiến, — Bùi Tiến-Đức, — Bùi Đình-Tà, — Bùi Trạc, — Bùi Xuân-Học, —

Chế Quang - Ân, — Đỗ Uông, — Đỗ Huy-Phụ, — Đặng Trần-Vĩ, — Đỗ Vi-Dục, — Đặng Đình - Ngọc, — Dương Bá-Trạc, — Đào Hữu-Khôi, — Đặng-Dinh-Quang, — Đỗ Kiêm - Thiện, — Đỗ Huy-Cảnh, — Đỗ Văn-Điền, — Hoàng Đình-Cương, — Hoàng Trọng-Phụ, — Janvier, — Lê Thành-Ý, — Lê Trung-Ngọc, — Lê Văn-Phúc, — Lê Đình-Tĩnh, — Lan, — Lê Cư, — Lê Đình-Thắng, — Lê Văn - Hiến, — Lê Văn-Bái, — Lê Văn-Ý, — Lê Quang-Tiến, — Lê Đình - Ngạn, — Lương Hữu-Nhân, — Lê Văn-Xuân, — Mai Đăng-Đệ, — Mai Du-Lân, — Nam-Sinh, — Nguyễn Đức-Thắng, — Nguyễn Văn-Tích, — Nguyễn Khắc-Cần, — Nguyễn Đức - Long, — Nguyễn Đỗ - Mục, — Nguyễn Xuân-Rong, — Nguyễn Trạc-Yên, — Ngô Hải - Phán, — Nguyễn Hữu-Hàm, — Nguyễn Trọng-Thuật, — Nguyễn Địch - Tư, — Nguyễn Văn-Thuyết, — Nguyễn Hữu-Sử, — Nguyễn Đình-Sinh, — Nguyễn Qui - Toàn, — Nguyễn Văn-Luân, — Nguyễn Văn-Điền, — Nguyễn Trinh-Cát, — Nguyễn Diệp-Quảng, — Nguyễn Đăng-Phát, — Ngọc Văn-Đồng, — Nguyễn Thuận-Lợi, — Nguyễn Xuân-Lan, — Nguyễn Văn-Vĩnh, — Nguyễn Đón - Phục, — Nguyễn Quang-Hoặc, — Nguyễn Bá-Tiếp, — Nguyễn Năng-Quốc, — Nguyễn Đệ, — Nguyễn Thành, — Nguyễn Văn-Cương, — Nguyễn Quang-Oánh, — Nguyễn Hữu-Giáo, — Nguyễn Ý-Củ, — Nguyễn Hữu-Quy, — Nguyễn Đình-Phẩm, — Nguyễn Hữu-Tiến, — Nguyễn Trương-Trừ, — Nguyễn Huy-Cơ, — Nguyễn An - Hòa, — Nguyễn Mộng-Dinh, — Nguyễn Văn-Kỳ, — Phạm Quỳnh, — Phạm Văn-Lộc, — Phạm Huy-Lục, — Phạm Huy-Bích, — Phùng Văn-Kim, — Phạm Văn-Mễ, — Phúc-Mỹ tức Trần Diễn - Diêm, — Phạm Duy - Tiên, — Philippe Thuộc, — Reny, — Khang, — Trần Văn - Trạc,

Trần Hữu-Khánh, — Tạ Công-Chế, — Thạch Quang - Tiến, — Trần Như-Khuê, — Tăng Xuân - Mai, — Trần Thọ-Huy, — Trần Trọng-Kim, — Trần Thúy, — Trịnh Văn-Minh, — Trần Văn-Phiên, — Trịnh Xuân - Nghĩa, — Từ Đạm, — Trần Văn-Thông, — Trần Quang-Hiệu, — Trần Việt-Soạn, — Vũ Đình-Chung, — Vũ Đình-Khôi, — Vũ Văn-Châu, — Vương Chí-Chính, — Vũ Ngọc-Thúy, — Vũ Thành, — Vũ Đức-Đón, — Vũ Hữu-Dung.

— Những ông không đến dự hội đồng có giấy ủy-quyền như sau này, cả thảy 155 ông :

Ủy-quyền cho ông Hoàng Trọng-Phụ

Nguyễn Hoàng-Đán ; Trương Văn-Bền ; Lê Văn-Nuôi.

Ủy-quyền cho ông Phạm Quỳnh :

Đỗ Văn-Dị, — Trần Duy-Nhất, — Lưu Đức-Tâm, — Mai Trung-Cát, — Lê Tường, — Trần Văn-Phúc, — Nguyễn Trử, — Nguyễn Văn-Minh — Trương Minh-Lý, — Nguyễn Kỳ-Nam, — Nguyễn Văn-Thọ, — Trần Văn-Hoàn, — Triệu Văn-Phù, — Nguyễn Hữu-Chi, — Nguyễn Văn-Thỉnh, — Vương Khả - Lãm, — Nguyễn Văn-Đào, — Hoàng Yến, — Hồ Văn-Ngoan, — Thân Trọng-Huê, — Đản Vũ-Quyền, — Nguyễn Khắc-Khoan, — Phạm Văn-Hanh, — Mai Tâm-Tĩnh, — Nguyễn Bá-Trác, — Thái Văn-Toàn, — Bùi Thiện-Cẩn, — Vũ Hữu-Tụng, — Nguyễn Ngọc-Thành, — Trần Quáo, — Trần Lưu-Vị, — Nguyễn Văn-Đáp, — Nguyễn Văn-Át, — Nguyễn Đình-Quy, — Nguyễn Văn-Khan, — Trần Phương-Thé, — Đoàn Chí-Phụng, — Lê Văn-Giải, — Trần Văn-Có và 5 người nữa ủy - quyền cho ông : Nguyễn Ngọc-Phong, Nguyễn Văn-Lê, Trần Văn - Nghiệu, Nguyễn Ngọc - Giai, Lý Văn-Hai, — Vũ Cầu, Lưu Hữu-Điêm.

Ủy-quyền cho ông Lê Văn-Phúc :

Phạm Bá-Rong, — Đặng Vũ-Trợ,
— Phó Bá-Thuận, — Nguyễn Trí-
Phú, — Nguyễn Văn-Bình, — Mai
Thế-Son, — Vũ Văn-Khang, — Đào
Văn-Bình, — Trần Văn-Tịnh, — Hà
Vũ-Giặc, — Lại Văn-Hàm, — Vũ
Đình-Siếu, — Nguyễn Mạnh-Trác, —
Sư cụ Đình Văn-Điệp, — Lê Hữu-Tiến.

Ủy-quyền cho ông Bạch Thái-Bưởi :

Nguyễn Thừa-Đạt, — Nguyễn Hữu-
Thu, — Nguyễn Sơn-Hà, — Phạm Cao
Kuongue, — Trần Thiện-Lập, —
Nguyễn Xuân-Đài, — Phạm Quang-
Huy, — Vương Hữu-Lạc, — Đặng
Đình-Tiếp, — Vũ Đức-Hồi, — Vũ Túc,
— Tô Văn-Lượng.

Ủy-quyền cho ông Trần Thọ-Huy :

Cầm Ngọc-Phương, — Hoàng Quang-
Cát, — Ngô Sĩ-Kiệm, — Ngô Tiến-
Cánh, — Hoàng Huy-Giao, — Nguyễn
Văn-Nguyên, — Hoàng Trung-Thứ, —
Hà Lương-Tin, — Nông Ích-Lương.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Bá-Tiếp :

Bùi Phát-Trường, — Trần Lưu-Thứ,
— Nguyễn Đình-Tuân, — Trần Hữu-
Chiêm, — Nguyễn Văn-Hoạch, —
Nguyễn Dur-Hoài.

Ủy-quyền cho ông Phạm Huy-Lục :

Lê Văn-Quế, — Phạm Duy-Tri, —
Lê Nguyên-Úc, — Nguyễn Văn-Toản,
— Nguyễn Huy-Hợi.

Ủy-quyền cho ông Trần Trọng-Kim :

Nguyễn Văn-Canh, — Nguyễn Quang
Bật, — Nguyễn Văn-Đông, — Nguyễn
Văn-Dy, — Vương Tứ-Đại.

Ủy-quyền cho ông Vũ Đình-Chung :

Nguyễn Văn-Thư, — Thảo Như-
Bích, — Nguyễn Giáp, — Trần Văn-
Lợi.

Ủy-quyền cho ông Đỗ-Thận :

Nguyễn Hữu-Lộc, — Đào Vũ-Môn,
— Chu Quang-Quán, — Vi Văn-Lam.

Ủy-quyền cho ông Mai Du-Lân :

Bùi Mạnh-Hợp, — Mai Thành-Cần
— Nguyễn Văn-Khôi, — Viên Văn-
Khôi.

Ủy-quyền cho ông BùiĐình-Tá :

Vũ Văn-Đình, — Trần Nhật-Tĩnh,
— Nguyễn Hữu-Thụ, — Bùi Trọng-
Huyền.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Đệ :

Nguyễn Thiệu, — Vũ Văn-An, —
Lê Văn-Đình.

Ủy-quyền cho ông Trịnh Xuân-Nghĩa :

Chu Tam-Duy, — Lê Đlob-Văn, —
Vũ Chính-Bình.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Luận :

Phạm Bùi-Cầm, — Vũ Quang-Phúc,
— Thân Trọng-Quế.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Hữu-Gián :

Nguyễn Duy-Kham, — Nguyễn Đình-
Toán, — Nguyễn Văn-Kỳ.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Thành :

Sơn Xuân-Hoan, — Nguyễn Văn-
Thí, — Đào Văn-Sử.

Ủy-quyền cho ông Bùi Trạc :

Nguyễn Trần-Mô, — Vũ Cầu.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Quý-Toản :

Đào Huống-Mai, — Mai Toàn-Xuân.

Ủy-quyền cho ông Trần Viết-Soạn :

Hoàng Tích-Phụng, — Nguyễn Hữu-
Tùng.

Ủy-quyền cho ông Bạch Thái-Sơ :

Đỗ Văn-Điền.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Vinh :

Nguyễn Thụy-Bách.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Năng-Quốc :

Vũ Duy-Úc.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Đăng-Phát :

Nguyễn Đăng-Thu.

Ủy-quyền cho ông Bùi Xuân-Học :

Bùi Xuân-Thành.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Trạc-Yên :

Trương Hán-Thu.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Quang-Hoặc
Đoàn Thiếp.

Ủy-quyền cho ông Đỗ Kim-Lắm :
Đỗ Lê-Thanh.

Ủy-quyền ông Nguyễn Văn-Kỳ :
Nguyễn Quế-Dương.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Xuân-Lan :
Nguyễn Quang-Trang.

Ủy-quyền cho ông Ngạc Văn-Đông :
Trần Văn-Hanh.

Ủy-quyền cho ông Lê Trung-Ngọc :
Lê Văn-Chính.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Văn-Nho :
Bùi Văn-Bia.

Ủy-quyền cho ông Lê Đình-Ngan :
Bửu Vi.

Ủy-quyền cho ông Bùi Huy-Tín :
Trần Ngọc-Uyển.

Ủy-quyền cho ông Trầu Văn-Thông :
Vương Hữu-Hậu.

— Những ông không đến dự hội-đồng có giấy cáo : Favreau, — Hoàng Tường, — Nguyễn Ngọc-Bình.

— Ông Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu làm chủ-tọa, hai ông Chánh Phó Thư-ký Phạm Quỳnh và Lê Thành-Ý giữ việc giấy-má.

— Khi các hội-viên ngồi đầu dấy, ông Hội-trưởng khai hội-đồng.

I. — Trước nhất đọc tờ trình của tòa Trị-sự, về công việc Hội trong năm 1923. Tờ trình như sau này :

« Thừa các ngài,

« Tôi xin thay mặt Hội-đồng Quản-trị Hội Khai-trí trình các ngài về công-việc Hội trong năm 1923

« Tình-hình Hội ta năm vừa rồi được hoàn-hảo cả. Về lý-tải, về các công-cuộc lập ra, về thanh-thế trong xã-hội, mọi đường đều thấy tấn-tới hơn trước.

« Số hội-viên các hạng tăng hơn năm ngoài được ngót hai trăm người.

« Tổng-số hội-viên năm 1922 đã được 1099 vị, năm 1923 lên tới 1286 vị; trong số đó thời :

« Danh-dự hội-viên Tây. . . 90 vị.

« Tân-trợ hội-viên. . . . 80 vị.

« Chủ-trì hội-viên. . . . 933 vị.

« Thường-hội-viên. . . . 183 vị.

« Trừ những người xin ra Hội và những hội-viên quá-cổ, còn lại được 1270 vị.

« Một Hội có hơn một nghìn hội-viên, kê cũng là một hội to vậy. Nếu hơn một nghìn người ấy đều đồng-tâm hiệp-lực, một lòng nhiệt-thành về chủ-nghĩa Hội, thì thế-lực của ta mạnh biết dường nào ! Thời này là đời trọng số nhiều, số hội-viên ta không phải là không nhiều, và còn mỗi ngày một nhiều hơn nữa, nếu khéo kết thành đoàn-thể bền - chắc, thì lo gì không đủ sức làm những công-cuộc to có ích cho nước ?

« Tục-ngữ có câu : Có bột gột nên hồ. Nay bột ta đã có, phải làm thế nào mà gột cho nên hồ. Đó là phận-sự của 1270 v. hội-viên ta.

« Trong số 1270 vị đó, có thể cho là gồm cả phần lạc-lối trong quốc-dân ta ở xứ Bắc-kỳ. Chắc nhân-tài không thiếu chi, mà tiền-tài cũng có đủ. Bây giờ chỉ phải làm nên công-cuộc cho xứng-đáng với lòng kỳ-vọng của quốc-dân.

« Về lý-tải thì lát nữa ông thủ-quin sẽ trình các ngài về các khoản chi-thu trong năm 1923. Lại Hội-đồng Kiểm-quin cũng sẽ trình các ngài về hiện-tình công-quin cửa Hội thế nào.

« Quĩ Hội chia ra làm ba phần : quĩ chính là chủ các khoản chi-thu chung của hàng Hội; quĩ Ấu-trì-viên và quĩ Công-quản.

« Thuộc về quĩ chính thì năm ngoài tổng-cộng các khoản thu là 9.152\$69; trong số đó có 4.000 của phủ Toàn-quyền-trợ cấp, còn thì là tiền quyen và tiền nộp của các hội-viên và mấy nhà hảo-tâm ở ngoài.

« Tổng-cộng các khoản chi, tính cả tiền làm nhà bồi nhà bếp, tiền sắm-sửa đồ đạc, tiền trả nhà Bàng hơn 1.000 đồng, tiền trả lại quỹ ấu-trí-viên hơn 800 đồng, là **8.896\$56**.

« Ngày 31 *Décembre* 1923. còn lại trong quỹ chính là 256\$13.

« Thuộc về quỹ ấu-trí-viên, thì trong năm 1923 thu được **4.354\$28**, số ấy cùng với số tiền còn lại trước được cả thảy **8.058\$40**.

« Số chi, phần nhiều là trợ-cấp cho ấu-trí-viên các tỉnh Hà-dông, Hưng-yên, Hải-dương, Bắc-ninh từ năm 1922. cộng là **8.712\$75**.

« Vậy còn lại trong quỹ cuối năm 1923 là **4.340\$85**.

« Thuộc về quỹ công-quản thì cuối số thu trong năm 1923 cả thảy là 5.585\$84 số chi 5.297\$16, còn lại trong quỹ ngày 31 *Décembre* 1923 là 288\$65. Nhưng trong số chi-thu đó phải chia ra làm hai kỳ: một kỳ từ tháng giêng đến tháng sáu, một kỳ từ tháng sáu đến tháng 12. Kỳ thứ nhất thì Hội-quản-lý lấy, phải nuôi bồi nuôi bếp, trả tiền đèn tiền nước, lỗ mất 662\$62, quỹ chính phải phụ cho ngót 700 đồng; kỳ thứ hai thì Hội giao cho người linh-trung quản-lý, các khoản chi-phí Hội không phải chịu đồng nào cả, mà được hoa-uống 15 phần, cuối năm tính được thừa ra 257\$22. Xem như thế thì cách cho linh-trung có phần lợi cho Hội hơn, nhưng mà cũng lại có điều bất-tiện, vì người linh-trung có khi ham lợi, dọn ăn không được tuơng-tất, tính giá thường lại quá cao, các ngài hội-viên đã có khi phải phàn-nàn. Việc này hội-đồng coi Công-quản đã từng xét đến, định cho hết hạn linh-trung một năm (nghĩa là đến cuối tháng sáu tây này), rồi sẽ liệu cách chỉnh-dốn lại.

« Nay xin nói về những công-cuộc của Hội đã làm trong năm 1923.

« Về việc ấu-trí-viên thì lát nữa ông Phó Thư-ký Lê Thành-Ý sẽ đọc tờ trình của quan Tissot là Chánh Hội-đồng chủ

sự cuộc ấu-trí-viên về tình-hình các vườn ấu-trí năm ngoài. Trong năm ngoài quan Tissot đã tận-tâm trông-nom về việc ấu-trí-viên, chúng ta cũng nên nhân dịp đây cảm ơn ngài.

« Hiện đã lập được ở bốn tỉnh Hà-dông, Hưng-yên, Hải-dương và Bắc-ninh 11 cái ấu-trí-viên, đại-đề cũng là thịnh-vượng cả. Có vài ba nơi nữa đương lục-tục sắp mở xong. Nhưng cả Bắc-kỳ mới được 10, 15 số ấu-trí-viên như thế thì còn ít lắm. Ước gì mỗi tỉnh được số ấy, hơn bù kém, thì mới gọi là đạt được cái mục-dịch bảo-trợ cho bọn con nhỏ miền nhà quê.

« Lệ thường ở nước ta, việc gì mới khởi-xướng ra cũng nhiều người nhiệt-thành, rồi sau nguội-lạnh dần đi. Việc ấu-trí-viên này xem ra cũng thế, gần đây không thấy mấy nơi nói lập thêm được số nào nữa.

« Nhân-tiện đây tôi xin các ngài lưu-tâm cổ-động cho số ấu-trí-viên mỗi ngày được tăng thêm lên. Việc này cũng như mọi việc khác, cần phải nhiệt-thành bền-chí, lại phải có bụng thực-hành, chứ không vụ-phô-trương mà thôi. ấu-trí-viên hay là vì sự hoạt-động hằng ngày, chứ không phải vì một ngày khánh-thành rực-rỡ. Lại cũng không nên miễn-cưỡng: nơi nào xét ra có thể lập được ấu-trí-viên, thì nên giục-giã lập cho thành, thành rồi phải nên giữ cho bền, lại phải nên mở-mang cho mỗi ngày một rộng thêm ra. Vậy trước khi khởi-xướng, phải tru-tình cho đủ mọi điều và mưu lấy sự thành-lập vĩnh-viễn. Nhưng nơi nào xét ra chưa thể làm được vững bền, hoặc vì người ta chỉ a-dua mà không hiểu rõ, vụ-danh mà không cầu-thực, hay vì duyên-có gì khác, thì không nên miễn-cưỡng làm để trắng-quan-chiếm một lúc, rồi đến nửa chừng bỏ đó không ai nhìn nữa. Tôi thường nghiệm thấy những điều khuyết-diểm đó trong các công-cuộc của người mình, nên muốn nhân đây kính-cáo các ngài có bụng về việc xã-hội.

« Việc xuất-sắc nhất của Hội ta trong năm mới rồi là việc mở đấu-xảo.

« Cuộc đấu-xảo mỹ-nghệ cuối năm 1923

thịnh-hành thế nào, các Ngài chắc còn nhớ cả, và các tân-văn tạp-chí đã nói tường, các Ngài ở xa tường cũng đã biết rõ.

« Cuộc đấu-xảo này chủ-ý là để khuyến-khích tưởng-lệ cho các nghề đẹp nghề khéo trong nước. Ở nước ta bây giờ mĩ-thuật cũng như học-thuật, đương vào buổi giao-thời, lối-lãng chưa có định-thức. Có nên giữ kiểu cũ không? Có nên theo lối mới không? Hay là nên chằm-chước cả hai đường? Có một cái hiềm-tượng cho mĩ-ngệ ta, là nha nghề thường hay a-dua, theo lối tây quá, đến mất cả cốt-cách An-Nam đi, chính người qui-quốc cũng phải kêu. Nếu mở cuộc đấu-xảo mà giúp cho các nhà nghề nhận-chấn được mấy điều đó, thì cũng là ích-lợi cho mĩ-ngệ nước nhà nhiều lắm. Chắc một lần đầu này, chưa trông thấy công-hiệu ngay được, nhưng mỗi năm có một kỳ đấu-xảo như thế, ít lâu tất có ảnh-hưởng hay.

« Kỳ đấu-xảo năm ngoài mà thành-công được là phần nhiều nhờ quan Đốc Hiêrotz, các ông giáo, bà giáo và học-trò trường Bách-ngệ giúp vào tận-tâm lắm.

« Cuộc đấu-xảo bắt đầu mở từ ngày 25 tháng 11, đến ngày 10 tháng 12 tan. Từ hôm mở cho đến hôm đóng, ngày nào cũng đông người xem. Nhất là người qui-quốc lại lấy làm khen lắm, vì đồ bày ít mà kén chọn lọc-lỗi, lại bài-trí một cách rất trang-nhã. Ngày chủ-nhật, trong vườn nhà Hội lại có bày các trò vui, mỗi lần kể đến nghìn người đến xem. Tiền thu về bán vé trong 15 hôm được non 1.400\$, coi đó thì đủ biết số người đến xem đông là dường nào. Trước khi mở cuộc đấu-xảo vẫn sợ kinh-phí mất nhiều, không khỏi phải trích tiền công-quĩ, nhưng nay thu-nhập cả thấy được hơn 1.900\$, chi-phí các khoản rồi lại còn 465\$ bỏ vào quỹ.

« Cuộc đấu-xảo này là lần đầu của Hội mở ra, được như thế đã là tốt lắm rồi. Thật là nhờ cả các ông có phần việc trong Hội, vì công-ích mà trong một tháng trời bỏ cả việc riêng, lo về tổ-chức cuộc đấu-xảo. Hội lấy làm cảm ơn

các ông. Lại xin có lời kính-cáo cả các Ngài hội-viên ở ngoài, hoặc trong sự sắp-đặt có sơ-suất điều gì, xin cũng miễn-chấp cho và đừng trách-bị quá. Trách-bị quá là phụ-công những người đã vì việc công mà chịu phần khó-nhọc. Nghe đâu chỉ vì một việc phải lấy vé hai hào ngày thường và năm hào ngày chủ-nhật để vào xem đấu-xảo và xem các trò vui mà có ít nhiều các hội-viên lấy làm không bằng lòng, khởi ra những lời dị-nghị. Nguyên việc này Hội-đồng Quản-trị định như thế là chiều theo lời bàn của mấy qui-quan có chân Hội-đồng bảo-trợ, nghĩ rằng mở ra cuộc đấu-xảo tất kinh-phí mất nhiều, không lẽ bắt công-quĩ phải chịu cả, nên đặt ra lệ vào xem phải mất tiền, người trong Hội cũng như người ngoài, người trong Hội vừa làm gương cho người ngoài, vừa giúp thêm vào cho Hội. tưởng số tiền chẳng bao nhiêu, các hội-viên cũng có đủ công-tâm mà không phân-bì vậy. Các qui-quan nghĩ như thế, vì sự đó là sự thường ở các nước văn-minh. Vậy mà có ngài hội-viên lấy thế làm mếch-lòng, thì có lẽ sự thường ở các nước văn-minh chưa thi-hành được ở nước ta chăng? Đó là một điều kinh-nghiệm cho sau này.

« Bữa khai đấu-xảo, chính quan Toàn-quyền MERLIN thân-hành đến khánh-thành, Ngài lấy làm ngợi-khen lắm. Lại quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT cũng tỏ lòng ân-cần về việc ấy, Ngài có hứa rằng Ngài sẽ sẵn lòng thưởng phàm-hàm và mền-day cho những người có đồ đấu-xảo đẹp và những người có công về việc đấu-xảo để biểu-ý Chính-phủ khuyến-khích cho kỹ-ngệ bản-xứ.

« Còn một việc nữa, Hội Khởi-hành năm ngoài, cũng là việc quan-hệ và là việc lâu-dài, tức là sự khởi-thảo một bộ Việt-am-tự-điền. Việc này cần-cấp là dường nào, không cần phải nói chắc các Ngài cũng biết cả. Hội-đồng Quản-trị chúng tôi có giao cho một Văn-học-ban đã bắt đầu làm từ cuối năm ngoài. Văn-học-ban có các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn

Văn-Vinh, Trần Trọng-Kim, Đỗ Thận, Bùi Kỳ, Nguyễn Văn-Luận, Phạm Huy-Lục, Dương Bá-Trạc, Nguyễn Hữu-Tiến, Nguyễn Đôn-Phục, toàn là những người làm báo, làm sách ở Bắc-kỳ bây giờ, chắc các ngài cũng cho là có đủ tư-cách trông-nom về việc tự-diễn được. Nhưng một Hội-đồng dù sành-sỏi, dù chăm-chỉ đến thế nào, cũng không thể đương được hết một việc to-tát như thế. Chẳng qua là thu thập các tài-liệu mà sắp-dặt cho thứ-tự mà thôi, còn những tài-liệu ấy phải nhờ cả quốc-dân giúp cho. Cho nên Hội có gửi giấy đặt đi các tỉnh, nhờ các quan đầu tỉnh giúp cho việc điều-tra về tục-ngữ ca-dao. Hiện đã có mấy tỉnh gửi về, nhưng còn chưa nhận được khắp. Lại các hội-viên và người ngoài Hội cũng được ít nhiều ông nhiệt-tâm giúp. Sau nữa trường Bác-cổ có cho Hội những tài-liệu của ông OGER sưu-tập ở tỉnh Nghệ năm xưa, và các nhà báo quốc-văn đều có mở một mục điều-tra về tục-ngữ để giúp cho việc làm tự-diễn. Song việc này là việc chung của cả quốc-dân, không phải là việc riêng của một Văn-học-ban của Hội Khai-trí, cũng không phải là một việc riêng của Hội Khai-trí. Vậy suốt trong nước, ai có bụng với quốc-âm, quốc-túy, cũng nên giúp cho Hội ta làm nên cái công-trình lớn-lao, là bộ *Tự-diễn* đó.

« Lát nữa ông Phạm Quỳnh sẽ đọc các Ngài nghe mấy chữ làm thí-dụ, và dấu cái cách-thức của Văn-học-ban làm *Tự-diễn* thế nào.

« Trong năm ngoài Hội ta tháng nào cũng đặt tiệc tháng, khi thì diễu-thuyết, khi thì chóp bóng, khi thì đờn-ca, mời cả các quí-quan cùng gia-quyển các hội-viên đến dự nữa, cũng là những dịp mua vui mà lại có ích về đường giao-lễ.

« Ấy tình-hình Hội ta trong năm 1923 đại-khái như thế.

« Cái thaub-thế của Hội thì mỗi ngày một to. Về phần người mình cũng công-nhận cho là hội đứng-đầu, có thể tiêu-biểu cho cả quốc-dân được. Không những ngoài Bắc ta, mà trong Nam-kỳ cũng có nhiều các ngài

thân-hào, đảm cái chủ-nghĩa của Hội, vai lòng quyền tiền cho Hội. Tôi về chơi Lạc-linh mới rồi, cũng thu được hơn 4.000 đồng lạc-quyển cho Hội. Ấy là mới cử-động qua trong gần ba nơi quen biết mà thôi; nếu đi được rộng nữa thì có lẽ còn được nhiều hơn. Tôi xin các Ngài nhân-tiền đây đồng-thanh cảm ơn cả các Ngài thân-hào Nam-kỳ đã có hảo-tâm với Hội ta như thế.

« Về phần Chính-phủ thì đã thừa-nhận cho là một đoàn-thể lớn nhất trong nước Nam, gồm được cả những người thượng-lưu tài mắt trong các giới.

« Quan Thống-sứ MONGUILLOT thường săn-sóc đến việc Hội. Quan Toàn-quyển MERLAN từ ngày sang trọng-nhậm bên này, đã nhiều lần tiếp chuyệu các quan-viên Trị-sự Hội, lần nào cũng tỏ lòng yêu-mến cái chủ-nghĩa của Hội ta. Đầu năm nay Ngài có trích trong công-khố Đông-Pháp trợ-cấp cho Hội ta 4.000 đồng. Bữa Hội đặt tiệc trà nghênh-tiếp Ngài ở đây, Ngài có đọc một bài diễu-thuyết lời-lẽ thật cao-xa, đã có dịch đăng trong báo. Cuối bài diễu-thuyết Ngài có nói một câu như sau này : « Hội Khai-trí là cái thea máy của sự phủ-cường nước Việt-Nam sau này. » « *L'A. F. I. M. A. peut et doit être une des chevilles ouvrières de la grandeur de l'Annam* ».

« Tôi cũng xin kết-luận bằng một câu đó, và nguyện xin anh em trong Hội gắng sức cho Hội ta làm được như lời quan Toàn-quyển đã kỳ-vọng cho ta vậy ».

II. — Ông Chánh-Hội-trưởng đọc xong tờ trình chung về các công việc Hội, đến ông Tổng Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc, thay ông chánh Hội-đồng kiểm-quĩ là ông Đào Văn-Sử vắng mặt, đọc tờ biên-bản của Hội-đồng ấy như sau này :

« Tiều-hội-đồng do Hội-đồng trị-sự đặt ra ngày 11 Mars 1924 để khám-xét sổ-sách về việc tiền-tài của Hội trong năm 1923, có những ông sau này :

« Đào Văn-Sử, Chủ Hội-đồng

« Lê Nguyên-Úc, Thư-ký.

« Phạm Văn-Duyệt, Hội-viên.

« Hội-đồng họp từ ngày 23 Avril cho đến ngày 2 Mai 1924; hai tối tại nhà ông Lê Văn-Phúc, phố hàng Gai,

còn các tối khác đến họp tại nhà Hội-quán, phố hàng Trống, làm từ 8 giờ tối đến 11 giờ đêm mới nghỉ.

« Việc tiền-tài của Hội thì chia ra làm ba quỹ :

« 1^o Tổng-quĩ.

« 2^o Quĩ Ấu-trĩ-viên.

« 3^o Quĩ Công-quán.

« Trong ba quỹ ấy thì quỹ nào cũng tính-toán đúng cả, bên thu tiền và bên phát tiền đều có đủ giấy chứng-chỉ cả, cái thì làm hợp cách, cái thì làm sơ-sài chưa hợp cách.

« *Việc Tổng-quĩ.* — Xem trong tổng-quĩ thì Tiền-hội-đồng chúng tôi thấy năm 1923 Hội thu được 9.152\$69, và bên chi thì hết 8.896\$56, còn thừa là 256\$13. — Các khoản chi thu chia ra từng khoản thì đã có giấy trình minh-bạch của ông Thủ-quĩ. Tiền-Hội-đồng chúng tôi không phải nói đến nữa; chỉ biết rằng trong số chi-tiểu có trả được: 1^o Nhà Đông-Pháp Ngân-hàng 1.000 đồng về món tiền Hội vay 6.000\$ tiền năm 1922; 2^o Quĩ Ấu-trĩ-viên 821\$19 cũng là tiền Hội vay tạm đề tiêu về năm 1922. Lại lấy được 678\$41 công-mà quỹ trao cho quỹ công-quán chi-tiểu các khoản. Trừ 3 khoản: 1.000\$00 — 821\$19 và 678\$41 ấy ra, thì tiền công-quĩ chi-tiểu về năm 1923 thật hết 6.396\$96 — Vì Hội có 8.822\$65 gửi nhà Thực-nghiệp-Ngân-hàng không lấy ra được, cho nên năm 1922 Hội phải vay mất 6.821\$19 đề chi-tiểu. Trong số ấy thì năm 1923 trả được 1.821\$19 rồi, vậy còn nợ nhà Đông-Pháp Ngân-hàng 5.000\$ nữa.

« *Quĩ Ấu-trĩ-viên.* — Số quỹ Ấu-trĩ-viên thì năm 1922 còn lại 2.877\$93; năm 1923 thu được 4.354\$28, cộng là 7.232\$21. Số chi-tiểu đi tính hết là 2.891\$56, thì còn thừa cả thấy được 4.340\$65. Còn số 821\$19 cho Tổng-quĩ mượn thì có biên sổ cả bên thu và bên phát, nên chúng tôi gác ra ngoài.

« *Quĩ Công-quán.* — Việc thu chi trong quỹ Công-quán thì năm 1922 chưa xét đến; cho nên năm nay chúng tôi phải xét cả hai năm 1922-1923, công việc khó-khăn và mất nhiều thì-giờ. Tính cả hai năm mà xét, thì quỹ công-quán thu được 11.509\$52 và Tổng-quĩ cấp cho 1.828\$41, thành ra 13.337\$93. Tiền hai năm hết đi 13.049\$28 thì cuối năm 1923 còn lại là 288\$65. Nếu trừ số tiêu thừa này ra, thì chỉ trong hai năm Hội phải tổn về việc Công-quán mất 1.539\$76. (Năm 1922 hết 1.134\$36, năm 1923 hết 405\$40).

« *Tổng-kết.* — Rõn ba sổ lại, thì trong năm 1923, Hội thu cả thấy được:

« Tổng-quĩ	9.152\$69.
« Quĩ Ấu-trĩ-viên	4.354, 28.
« Quĩ Công-quán	4.891, 76.

« Cộng là 18.398\$73.

« Mà Hội phải chi-tiểu đi :

« Tổng-quĩ	8.218\$15.
« Quĩ Ấu-trĩ-viên	2.891, 56.
« Quĩ Công-quán	5.297, 16.

« Cộng là 16.406\$87.

« Vậy còn thừa ra được: 18.398\$73 — 16.406\$87 = 1.991\$86. Số tiền thừa ra 1.991\$86 cộng với số tiền năm ngoái còn lại 2.877\$93 tại quỹ ấu-trĩ-viên, 15\$64 tại quỹ công-quán, thì đến cuối năm 1923, Hội còn là: 1.991\$86 cộng 2.877\$93 cộng 15\$64 = 4.885\$43. Hiện ở sổ Tổng-quĩ 256\$13; sổ quỹ ấu-trĩ-viên 4.340\$65, sổ quỹ công-quán 288\$65.

« Tiền-Hội-đồng chúng tôi thấy trong ba quỹ còn ngót 5.000 đồng thì tưởng nên lấy bớt ra 3.000 mà trả vào món nhà Đông-Pháp-Ngân-hàng, như thế thì Hội đỡ được một ít tiền lãi, đề chi-tiểu việc khác.

« Tiền-Hội-đồng chúng tôi xét ra thì các ông Thủ-quĩ trong 3 quỹ của Hội đều hết lòng trông nom việc tiền-tài cho Hội được rất cẩn-thận. — Trong

quĩ ấy thì quĩ công-quán có phần phiến-kịch hơn nhiều mà cũng đều được chu-tất cả thì lại càng đáng khen lắm.»

« Đào Văn-Sử.

« Lê Nguyễn-Úc.

« Phạm Văn-Duyệt ký.»

III. — Tờ biên-bản của Hội-đồng kiểm-quĩ đọc xong, rồi ông Hội-trưởng hỏi đại-hội-đồng có điều gì dị-nghị về các khoản chi-thu của Hội trong năm 1923 không, nếu không thì xin duyệt-y cho sổ-sách của các ông Thủ-quĩ. Đại-hội-đồng không dị-nghị điều gì và đồng-thanh duyệt-y cả.

IV. — Ông Tổng-thủ-quĩ liền đọc các khoản dự-toán chi-thu về năm 1924, mỗi khoản đều có cất nghĩa rõ-ràng và so-sánh với các khoản năm ngoài.

Các khoản dự-toán kê ra như sau này :

Dự-toán thu :

Khoản thứ 1. — Tiền đóng của hội-viên 3.000\$00-

Khoản thứ 2. — Tiền trợ-cấp của Chính-phủ 4.000\$00.

Khoản thứ 3. — Tiền lạc-quyền 4.000.00.

Khoản thứ 4. — Tiền thu về các hội tiệp 1.000.00.

Khoản thứ 5. — Tiền còn lại : 10) ở nhà Thực-nghiệp Ngân-hàng 8.822.65.

20) ở quĩ Hội 256.13.

Khoản thứ 6. — Tiền thu về nhà Xéc 1.000.00.

Cộng các khoản dự-thu : 22.078\$78.

Dự-toán chi

Khoản thứ 1. — Xây dựng và giữ-gìn các nhà cửa 1.000\$ 00

Khoản thứ 2. — Mua đồ-đạc 1.000. 00

Khoản thứ 3. — Mua sách và báo 200. 00

Kinh-phí về việc làm Tự-diễn 500. 00

Thưởng cho người làm sách 500. 00

Khoản thứ 4. — Hội-tiệc, đấu-xảo v. v. 1.000\$ 00

Khoản thứ 5. — Công lương người làm 1.000. 00

Khoản thứ 6. — Tiền giấy bút, in thư từ, tem gửi thư 500. 00

Khoản thứ 7. — Tiền nước, điện, máy nói 350. 00

Khoản thứ 8. — Tiền thuê đóng đất, thổ-trạch 200. 00

Khoản thứ 9. — Tiền phái-bộ, thưởng cho học-trò các trường 200. 00

Khoản thứ 10. — Tiền tạp-chi 806. 13

Khoản thứ 11. — Tiền dự-toán để phòng việc chi bất-kỳ 8.822. 65

Khoản thứ 12. — Tiền chi về nhà Xéc 1.000. 00

Khoản thứ 13. — Tiền trả nợ nhà Đông-Pháp Ngân-hàng 5.000. 00

Cộng các khoản dự-chi : 22.078\$ 78

— Nghe đọc xong các khoản dự-toán như trên, ông chủ-trì hội-viên Janvier nói rằng ông lấy làm lạ, nay đã đến gần nửa năm 1924 rồi, Hội mới dự-toán về các khoản chi-thu năm 1924, như thế thì có lẽ khi chậm. Ông Hội-trưởng trả lời rằng tuy gọi là dự-toán năm 1924, nhưng kỳ-thực là từ tháng 5 năm 1924 đến tháng 5 năm 1925, vì năm nào Đại-hội-đồng cũng vào khoảng tháng tư tháng năm.

Không ai dị-nghị điều gì nữa, Đại-hội-đồng bèn duyệt-y sổ dự-toán và chuẩn cho thi-hành.

V. — Đoạn ông Phó Thư-ký Lê Thành-Ý, thay quan Chánh-hội-đồng Quân-trị Ấu-trí-viên là quan Tissot vắng mặt, đọc tờ trình về công-việc ấu-trí-viên trong năm 1923. Tờ trình như sau này :

« Thừa các Ngài,

« Chúng tôi xin trình các ngài rõ cái hiện-tình công-cuộc Ấu-trí-viên mà Hội Khai-trí đã khởi-xướng ra được hơn một năm nay.

« Không nói thì các ngài cũng rõ, cái vấn đề thiết-lập ra các Ấu-trí-viên rất là quan-

trọng, vì có ảnh-hưởng cho cuộc tương-lai xã-hội ta, vì thế cái công-cuộc Ấu-trĩ-viên là một cái công-cuộc vinh-viễn, phải dần dần tuần-tự mà làm.

« Phạm những sự to-tát tờ-chức lúc đầu hay gặp những sự khó-khăn, nhất là việc công-ích và nhất là ở xã-hội ta.

« Đạt được tới mục-đích, tưởng cần phải có công-lực, có chân-tâm lắm.

« Công-cuộc Ấu-trĩ-viên của Hội ta nay đã trải qua cái thời-kỳ khó-khăn lúc sơ-dầu và ngày nay có cái vẻ thịnh-dạt, khiến cho ta có thể hi-vọng được rằng càng ngày càng phát-dạt, càng ngày càng thịnh-vượng hơn.

« Hiện bây giờ có 11 Ấu-trĩ-viên thi-hành trong bốn tỉnh, là tỉnh Hà-dông, Hải-dương, Hưng-yên và Bắc-ninh.

« Trong bốn tỉnh ấy thì tỉnh Hà-dông đứng đầu, nhờ quan Hoàng Trọng-Phu là đại-biêu cuộc Ấu-trĩ-viên ở hạt Hà-dông có lòng sốt-sắng, cho nên trong hạt này nhiều vườn ấu-trĩ hơn cả, và cách xếp-đặt những vườn ấu-trĩ thập-phần viên-mãn có thể làm mẫu được.

« Trong hạt Hà-dông có 4 ấu-trĩ-viên là :

« 1o ấu-trĩ-viên làng Phương-trung, huyện Thanh-oai, hằng ngày một trăm đứa trẻ đem đến gửi ;

« 2o ấu-trĩ-viên làng Đại-mỗ, phủ Hoài-đức, 50 đứa trẻ ;

« 3o ấu-trĩ-viên làng Thanh-liệt, huyện Thanh-tri, 60 đứa trẻ ;

« 4o ấu-trĩ-viên làng Xuân-tảo, phủ Hoài-đức 100 đứa trẻ.

« Lại còn một vườn ấu-trĩ thứ năm nữa, ở làng Thượng-cát, phủ Hoài-đức, đã sửa-s soạn xong cả rồi chỉ nay mai là thi-hành.

« Sau đến tỉnh Hưng-yên, cũng nhờ được ông đại-biêu rất là nhiệt-thành là quan Nguyễn Năng-Quốc cho nên mới từ ngày 15 Septembre 1922 đến nay mà đã tờ-chức được bốn ấu-trĩ-viên là :

« 1o ấu-trĩ-viên làng Xích-dăng, huyện Kim-động, hằng ngày 40 đứa trẻ đem đến gửi ;

« 2o ấu-trĩ-viên làng Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, 50 đứa trẻ ;

« 3o ấu-trĩ-viên làng Đào-đặng, huyện Tiên-lữ, 50 đứa trẻ ;

« 4o ấu-trĩ-viên làng Đặng-xá, huyện Tiên-lữ, 20 đứa trẻ.

« Tỉnh Hải-dương thì nhờ quan Từ Đạm đại-biêu cũng rất nhiệt-thành, trong hạt này lập được hai ấu-trĩ-viên trong làng Hà-thượng và làng Yên-lạc, nhân-dân trong làng rất lấy làm vui-vẻ mà đem con đến gửi ở vườn.

« Trong hạt Bắc-ninh thì nay mới có một vườn ấu-trĩ do quan huyện Yên-phong cũ là ông Hoàng Hữu-Đồn sáng-lập ra.

« Còn một ấu-trĩ-viên nữa định lập ở làng Gia-thuy, huyện Gia-lâm, ấu-trĩ-viên này quan Mai-Trung-Cát là đại-biêu Hội tại hạt Bắc-ninh ủy ông Nguyễn Gia-Huy tờ-chức ; cứ theo như tờ trình của ông và các ông có chân hội-dồng hương-hội làng Gia-thuy ngày 27 tháng Avril năm 1924, thì đã làm được một cái nhà gạch ba gian, nhưng chưa khánh-thành là vì còn muốn xin Hội ta trợ-cấp cho mỗi năm một món tiền để cho ấu-trĩ-viên được vinh-viễn.

« Những ấu-trĩ-viên kể trên này là Hội ta bảo-trợ cho cả.

« Nhưng chỉ có năm bảy làng là Hội phải trợ-cấp cho đồng-niên làng thì 200 \$, làng thì 250 đồng, để thêm vào mà chi-dụng hằng ngày. Trong tỉnh Hà-dông, làng Thanh-liệt và làng Xuân-tảo không phải Hội cấp tiền cho, những sự chi-tiền nhật-dụng dân chịu cả.

« Cái lợi của ấu-trĩ-viên về việc vệ-sinh cho con trẻ thời mất trông thấy.

« Nước ta là một nước đa-dinh, số trẻ con khật là đông-đức. Song về các làng, trẻ con thông mấy đứa được sáng-sủa, đứa thì chột đầu, đứa thì ông bụng, đứa thì ho-hen, đứa thì đau mắt, có đứa mới lên ba lên năm mà đôi con mắt đã bị lòa rùi.

« Thật là một cái cảnh-tượng rất đáng thương-tâm. Trẻ con mà tàn-lật như thế cũng vì người mình phần nhiều không biết giữ vệ-sinh cho con trẻ, không biết giữ-giữ sạch-sẽ cho chúng nó.

« Từ khi trong làng có ấu-trĩ-viên, những nhà nghèo đi làm không trông nom được con, đem con đến đấy gửi, có bà bảo-mẫu tắm-rửa săn-sóc, cho ăn cho uống cho chơi đùa dưới bóng cây mát. Khi trẻ có đau mắt có lở ghẻ chốc mụn thì tìm phương điều-trị chỉ trong nửa tháng là đứa trẻ khắc khôi ngay, trông đã ra có khí-sắc hơn trước nhiều.

« Không những trẻ con đem đến gửi ở ấu-trĩ-viên được hưởng sự bảo-duỡng tử-tế

như thế, những nhà không đem con đến gửi mà trông thấy những trẻ gửi ở ấu-trĩ-viên được dưỡng-dục tử-tế, lúc nào cũng sạch-sẽ mà trông ra khỏe-mạnh ít tật-bệnh, thì cũng phải cảm-hóa mà bắt-chức noi theo phép vệ-sinh mà nuôi con mình.

« Xem như thế thì lập ấu-trĩ-viên cũng là một sự truyền-bá vệ-sinh thực-hành ở chốn hương-thôn rất là công-hiệu.

« Mai sau người mình có tráng-khiến, thân-thể có minh-mẫn thêm lên, số người yếu-ớt có bớt đi cũng là nhờ về sự vệ-sinh mà ấu-trĩ-viên đã làm lan khắp ra trong nước.

« Người ta có tráng-khiến thì tinh-thần mới mẫn-cán được, mới mong gây nên những sự-nghiệp có ích cho nước có lợi cho đời, vậy ấu-trĩ-viên cũng là cái lò đúc nhân-tài ta mai sau này.

« Nhưng hiện bây giờ phần nhiều ni-ưng cái mầm nhân-tài ấy ẻo-lả bạc-nhuộc lắm, cần phải bón tưới công-phu. Vậy xin các ngài có nhiệt-huyết với giống nòi, người giúp của, kẻ giúp công, cùng nhau ta hộ-bào để lập được rất nhiều vườn trẻ con để vun xới lấy cái mầm Hồng chổi Lạc này cho ngày sau nó lên được cao lớn. »

Đọc xong tờ trình về ấu-trĩ-viên, ông Chánh Hội-trưởng đứng lên giảng-giải về sự lập ấu-trĩ-viên và xin các hội-viên nên gia-công cõ-dộng về việc ấy.

Kể nói đến việc mở đấu-xảo. Đại-hội-dồng đều đồng-ý định đến cuối năm 1924 lại mở một cuộc đấu-xảo mỹ-nghệ như năm ngoái.

VI. — Sau ông Phó Thư-ký Lê Thành-Ý đọc các giấy thỉnh-cầu của các hội-viên gửi đến. Có 7 bản, đại-khái thỉnh-cầu những việc như sau này :

I. — Ông Phó Bá-Thuận, Tri-huyện Phong-doanh, xin : 1° Hội bảo-trợ và chỉ-dẫn cho những dân nghèo không có nghề-nghiệp đi học nghề ; 2° đặt thêm qui-thức về ấu-trĩ-viên, nghĩa là ở các thôn-quê không có tiền lập nhà ấu-trĩ thì xin tạm mượn các chùa làm

ấu-trĩ-viên mà dùng các sư nam sư nữ làm khán-hộ ;

2. — Ông Phạm Hữu-Tĩnh, ở làng Yên-ninh (Ninh-bình), xin Hội về lập cho làng ông một ấu-trĩ-viên ;

3. — Ông Tăng Xuân-Mai, ở làng Phù-thụy (Hà-nam), xin ba điều : 1° về việc lập ấu-trĩ-viên xin mỗi huyện bỏ cho mỗi làng là giảm chục, rồi lấy tiền ấy ra mà lần-lượt tổ-chức ấu-trĩ-viên trong cả hạt ; lại xin các quan phủ-huyện săn-sóc đến việc ấu-trĩ-viên cho ; — 2° Về việc luyện-tập quốc-văn, xin Hội mở một trường tập thường, mỗi tháng tập một kỳ, có thưởng đồ văn-phòng cho các nhà làm văn hay ; — 3° Về việc thương-mại, xin đặt ra một ban thương-mại để giúp cho người hàng Hội muốn theo về nghề thương mà ít vốn hay ít thế-lực.

4. — Ông Vũ Ngọc-Thành, ở Fort-Bayard (Quảng-châu-loan) xin : 1° các quan-viên Hội nên đồng lòng mua báo *Nam-Phong* cả. Ông nói rằng ông thỉnh-cầu điều ấy không phải là có ý tây-riêng vị báo *Nam-Phong* hay là vị gì chủ-bút báo ấy là ông Phạm Quỳnh đâu, vì ông không quen biết Phạm-quản bao giờ, nhưng chỉ vì ông xét cái chủ-nghĩa của báo ấy thật là hợp với chủ-nghĩa của Hội và Hội đã từng nhận báo ấy làm cơ-quan Hội rồi ; 2° lập chi Hội ở các tỉnh để truyền-bá chủ-nghĩa và các công cuộc của Hội cho rộng và cho mau.

5. — Ông Trần Hữu-Khánh, ở làng Phúc-nhạc (Ninh-bình) xin lập một Hội quốc-tử, gia-tử, hương-tử ở các làng.

6. — Ông Vũ Đình-Chung ở Hà-nội, phản-nàn rằng năm ngoái Hội mở đấu-xảo mỹ-nghệ mà hội-viên vào xem cũng phải mất tiền, từ nay xin Hội định cách thế nào để phân-biệt người trong Hội với người ngoài Hội ; ông lại chỉ-trích về việc hát trống-quân, cho

là một sự thò-bỉ, và xin lập một lớp dạy tiếng Pháp.

7. — Ông Nguyễn Nhuận, ở Hà-nội xin : 1^o lập một vườn thí-nghiệm về các vật-liệu bản-xứ để giúp cho những nhà nghề ta ; 2^o tổ-chức một cuộc diễn bi-kịch trong dịp đấu-xảo cuối năm nay.

Trong các khoản thiêu-cầu ấy, duy có khoản thứ 6 của ông Vũ Đình-Chung phân-nân về việc hội-viên phải mất tiền vào xem đấu-xảo, đại-hội-đồng có bàn đi bàn lại trong ít lâu phần thì muốn đề hội - viên cũng mua vé vào xem như người ngoài, phần thì đồng-ý với ông Vũ Đình-Chung phân-đối sự đó. Sau có ông chủ-trì hội-viên Ngạc Văn-Đông đứng lên nói rằng muốn chăm-chước cả mọi bề cho thỏa-thuận thì xin khi mở đấu-xảo Hội nên để riêng một ngày mời các quan-viên Hội và gia-quyển đến xem không mất tiền, còn ngày khác thì cũng phải mất tiền như người ngoài, thế vừa được lòng các quan-viên Hội mà lại vừa không ngại đến việc lý-tài của Hội. Đại-hội-đồng lấy lời bàn ấy làm xác-đáng, đều ưng thuận cả.

VII. — Đề cho Đại-hội-đồng bàn qua về cách-thức Văn-học-ban đề thảo bộ Việt-âm-tự-diễn, ông Tổng thư-ký Phạm Quỳnh có đọc bản thảo chữ «ấn» cho các quan-viên Hội nghe.

VIII. — Bàn xong các việc rồi, Đại-hội-đồng bỏ vé bầu 12 ông vào Hội đồng Quản-trị để thay 12 ông bị rút thăm năm ngoái.

Số hội-viên có mặt tại Hội-đồng 117 ông ; số hội-viên vắng mặt có giấy ủy-quyền là 155 ông ; số hội-viên có gửi vé bầu về là 49 ông, cộng 321 ông. Phải được quá nửa phần là 161 mới được bầu.

Hội-đồng kiểm vé có ông Nguyễn Năng-Quốc, Đỗ Thận và Bùi Đình-Tá.

Khi đếm vé thì 12 ông sau này được trúng-cử :

1. Ông Hoàng Trọng Phu	307 vé
2. — Trần Trọng-Kim	306 »
3. — Lê Văn Phức	294 »
4. — Bary	279 »
5. — Nguyễn Thành	276 »
6. — Vũ Ngọc-Oánh	270 »
7. — Bùi Huy-Tin	257 »
8. — Nguyễn Bá-Tiếp	243 »
9. — Hoàng Hữu-Đôn	207 »
10. — Nguyễn Văn-Luân	206 »
11. — Nguyễn Quý-Toản	193 »
12. — Bùi Đình-Tá	186 »

Trong số đó thì 10 ông cũ được tái-bầu, còn hai ông mới là quan cai-trì Bary và quan Thương-tá Nguyễn Bá-Tiếp là thay hai ông Phạm Duy-Tồn và Hoàng Kim-Bảng đã tạ-thế.

Dưới số 12 ông được trúng - cử thời đến ông Trần Thọ-Huy được 124 vé, ông Phạm Văn-Khoan 104 vé ông Đỗ Xuân-Lộc 85 vé ; ông Nguyễn Hữu-Cự 78 vé ; ông Nguyễn Văn-Nho 58 vé và ông Trần Việt-Soạn 32 vé.

Chương-trình các việc Đại-hội-đồng đã xong cả, đến 7 giờ rưỡi Đại-hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TRỌNG-PHU

Tổng thư-ký
PHẠM QUỲNH

Biên-bản kỳ Hội-đồng Quản-trị ngày 18 tháng 5 năm 1924. — Ngày chủ-nhật 18 tháng 5 năm 1924, 5 giờ chiều, các hội-viên Quản-trị Hội Khai-trí học Hội-đồng ở nhà Hội - quán. Chương-trình các việc như sau này :

1^o Duyệt-y tờ biên-bản kỳ Đại-hội-đồng ngày 4 tháng 5 năm 1924 ;

2^o Bầu tòa Trị-sự mới năm 1924-1925 ;

3^o Rút thăm 12 ông hội-viên Quản-trị phải bầu lại sang năm .

Đến dự Hội-đồng có những ông kê tên sau này : Hoàng Trọng-Phu, Marty, Bary, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Bạch Thái-Bưởi, Bùi Huy-Tin, Phạm Huy-Lục, Trần Trọng - Kim, Nguyễn Văn - Luận, Đào Văn-Sử, Đỗ Thận, Nguyễn Bá-Tiếp, Nguyễn Năng-Quốc, Lê Trung-Ngọc, Vũ Ngọc-Oánh, Bùi Đình-Tá, Nguyễn Thành, Nguyễn Văn-Vĩnh, Chế Quang - Ân, Lê Thành-Ý, Mai Du-Lân, Dương Bá-Trạc.

Ông Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu, làm chủ-tọa, hai ông chánh phó Thư-ký Phạm Quỳnh và Lê Thành-Ý giữ việc giấy-má.

Ông Hội-trưởng đọc cái thư của ông Nguyễn Tất-Tế cáo không về dự Hội-đồng và xin từ-chức hội-viên Hội-đồng Quản-trị vì ở xa (Cao-bằng). Hội-đồng chuẩn-y.

I. — Ông tổng Thư-ký đọc tờ biên-bản kỳ Đại-hội-đồng ngày 4 tháng 5 năm 1924. Hội-đồng nghe rồi, đều duyệt-y.

II. — Hội-đồng bỏ vé bầu tòa Trị-sự năm 1924. Số hội-viên có mặt là 29 ông, hội-viên có gửi giấy bầu về 6 ông (Lê Văn-Đình, Trần Văn-Thông, Nguyễn Quý-Toản, Nguyễn Lễ, Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn Đình-Quy), cả thảy là 29 vé bầu. Khi đếm vé xong thì những ông sau này được trúng-cử:

Chánh Hội - trưởng :	Hoàng Trọng-Phu	29 vé
1 Phó Hội - trưởng :	Bạch Thái-Bưởi	25 vé
2 Phó Hội-trưởng :	Nguyễn Hữu-Thu	24 vé
3 Phó Hội-trưởng :	Nguyễn Năng-Quốc	24 vé
4 Phó Hội - trưởng :	Trần Văn-Thông	23 vé
Tổng Thư-ký :	Phạm Quỳnh	29 vé
Phó Thư-ký :	Lê Thành-Ý	26 vé
Tổng Thủ-quĩ :	Lê Văn-Phúc	24 vé
Phó Thủ-quĩ :	Nguyễn Thành	24 vé

Trị-sự :	Marty	28 vé
	: Nguyễn Văn-Vĩnh	29 vé
— :	Trần Trọng-Kim	28 vé
— :	Bary	25 vé
— :	Đỗ Thận	22 vé

Coi việc công-quản

Chánh Hội-đồng: Lê Trung-Ngọc, 25 vé.
Phó Hội-đồng: Nguyễn Thành, 26 vé.

III. — Tuyên-đọc xong các ông trúng-cử như trên rồi, đến rút thăm 12 ông hội-viên Quản-trị phải bầu lại sang năm. Những ông sau này bị rút thăm: Nguyễn Văn-Vĩnh, Từ Đạm, Marty, Phạm Huy-Lục, Lagrèze, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Hữu-Thu, Mai Trung-Cát, Nguyễn Năng-Quốc, Trần Văn-Thông, Đặng Đức-Cường, Nguyễn Tất-Tế.

Xong các việc trong chương-trình rồi, Hội-đồng bàn qua về việc mở đấu-xảo cuối năm nay, định mở một tuần-lễ trước Hội-Chợ. Lại dự đặt một Hội-đồng tổ-chức cuộc đấu-xảo, định mời M. Jaspas hay M. Aurousseau làm Chánh Hội-đồng. Chức Thư-ký Hội-đồng đấu-xảo thì vẫn cử ông Lê Văn-Phúc như năm ngoái.

Đến 7 giờ Hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TRỌNG-PHU

Tổng Thư-ký
PHẠM QUỲNH

Tiệc tháng và diễn-thuyết. — Ngày chủ-nhật 4 tháng 5, sau khi Đại-hội-đồng, ở Công-quán Hội có đặt tiệc tháng. Dự-liệu có 80 ông.

Tiệc xong, 9 giờ, có diễn-thuyết. Ông Phạm Quỳnh, chủ-bút *Nam-Phong-tạp-chí*, Tổng-Thư-ký Hội diễn về vấn-đề: « Địa-vị người dân-bà trong xã-hội nước Nam. »

Cuộc diễn-thuyết đặt ở giữa sân Hội, cho dung được nhiều người. Vừa hội-viên ở Hà-nội và ở các tỉnh, vừa gia-quyển các hội-viên, vừa người trong thành-phố, đến nghe có tới bốn năm trăm người, đứng chật cả sân,

lại cả hai bên gác sân nữa, và non nữa là nữ-giới. Cuộc diễn-thuyết này là cuộc thứ nhất có các bà các cô đến nghe, tưởng cũng là một ngày đáng ghi trong lịch-sử của Hội ta, và trong lịch-sử nghề diễn-thuyết ở nước ta. — Chủ-tọa cuộc diễn-thuyết là bà-lớn Thiệu Hoàng Trọng-Phu. — Bài diễn-thuyết đăng toàn-văn trong *Nam-Phong* trên kia.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng mới rồi, có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Bùi Văn-Thụy, làm thư-ký hương-hội xã Nhân-trai, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

2. — Ông Hoàng Gia-Thụy, làm thư-ký làng Kim-bồng, tổng Đông-lỗ, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

3. — Ông Hoàng Ngọc-Bách, licencié en droit, 27 Rue Sông-Tô-lich, Hà-nội.

4. — Ông Hoàng Văn-Giáp, chánh-hộ-lại làng Kim-bồng, tổng Đông-lỗ, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

5. — Ông Lê Ngọc-Liễn, quán ở xã Thư-diễn, tổng Kỳ-vi, huyện Gia-khánh, tỉnh Ninh-bình, hiện dạy học tư ở làng Cung-thuế, tổng Đông-lỗ, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

6. — Ông Nguyễn Hữu-Bật, làm thư-ký ở làng Cung-thuế, tổng Đông-lỗ, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

7. — Ông Phạm Đức-Tồn, làm thư-ký ở làng Nhuê-lưu, tổng Đông-lỗ, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.

8. — Ông Trần Quang-Vinh, secrétaire des Résidences, 63, Rue des Radeaux, Hanoi.

9. — Ông Vũ Công-Tồn, làm ruộng và làm thuốc, ở xã Thôi-ngôi, tổng Ngọc-chấn, huyện Đại-an, tỉnh Nam-dinh. (do ông hội-viên Nguyễn Xuân-Rong giới-thiệu).

Xin vào Thường-hội-viên

1. — Ông Trần Văn-Canh, ouvrier tonkinois n° 1850 ở Hauts Fourneaux, Nouméa, Nouvelle-Calédonie. — Quán làng Phú-khê, tổng Yên-trạch, phủ Lý-nhân, tỉnh Hà-nam.

2. — Ông Phạm Hữu-ích, ouvrier tonkinois n° 2077 ở Hauts Fourneaux, Nouméa, Nouvelle-Calédonie. — Quán làng Xuân-dài, tổng Phương-trữ, huyện An-lão, tỉnh Kiến-an.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng báo số 80 (Février 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ *1er juin 1924*.

Ông Henri Marcel, — Đỗ Dương-Thanh, — Bùi Ngọc-Hoàn, — Đỗ Xuân-Lộc, — Nguyễn Quốc-Chường, — Nguyễn Văn-Chính, — Đoàn Văn-Hiếu, — Quán Xuân-Lộc, — Vũ Văn-Kỳ, — Lê Văn-Quảng — Dương Văn-Sung, — Lê Đức-Phục, — Ngô Quang-Huy, — Vũ Đức-Kính, — Cao Văn-Viên, — Đoàn Văn-Trụ, — Mai Quang-Châu, — Quách Đình-Huệ, — Quách Đình-Tráng, — (cả thầy 19 ông vào chân chủ-trì).

Hội-viên tạ-thế. — Ông Trần Văn-Có, tức Huyện Có, chủ-trì hội-viên, mới tạ-thế ngày 21 Mai 1924, thọ 60 tuổi. Ông có chân Hội đã ba năm nay, có công cõ-động cho nhiều người vào Hội.

Quyên cho Ấu-trì-viên. — Hội Nữ-học tỉnh Hải-ninh (Moncay) mới giải-tán, quan Thống-sứ Bắc-kỳ có cho phép các nhà sáng-lập hội ấy nộp cho Ấu-trì-viên Hội Khai-trí những tiền vốn của Hội ấy còn lại, là 28 § 73 và bốn cái phiếu quốc-trái.

— Ông Nguyễn Bá-Minh là hội-viên ở Hán-khâu về có cho Ấu-trì-viên một gói đồ chơi và khăn mặt.